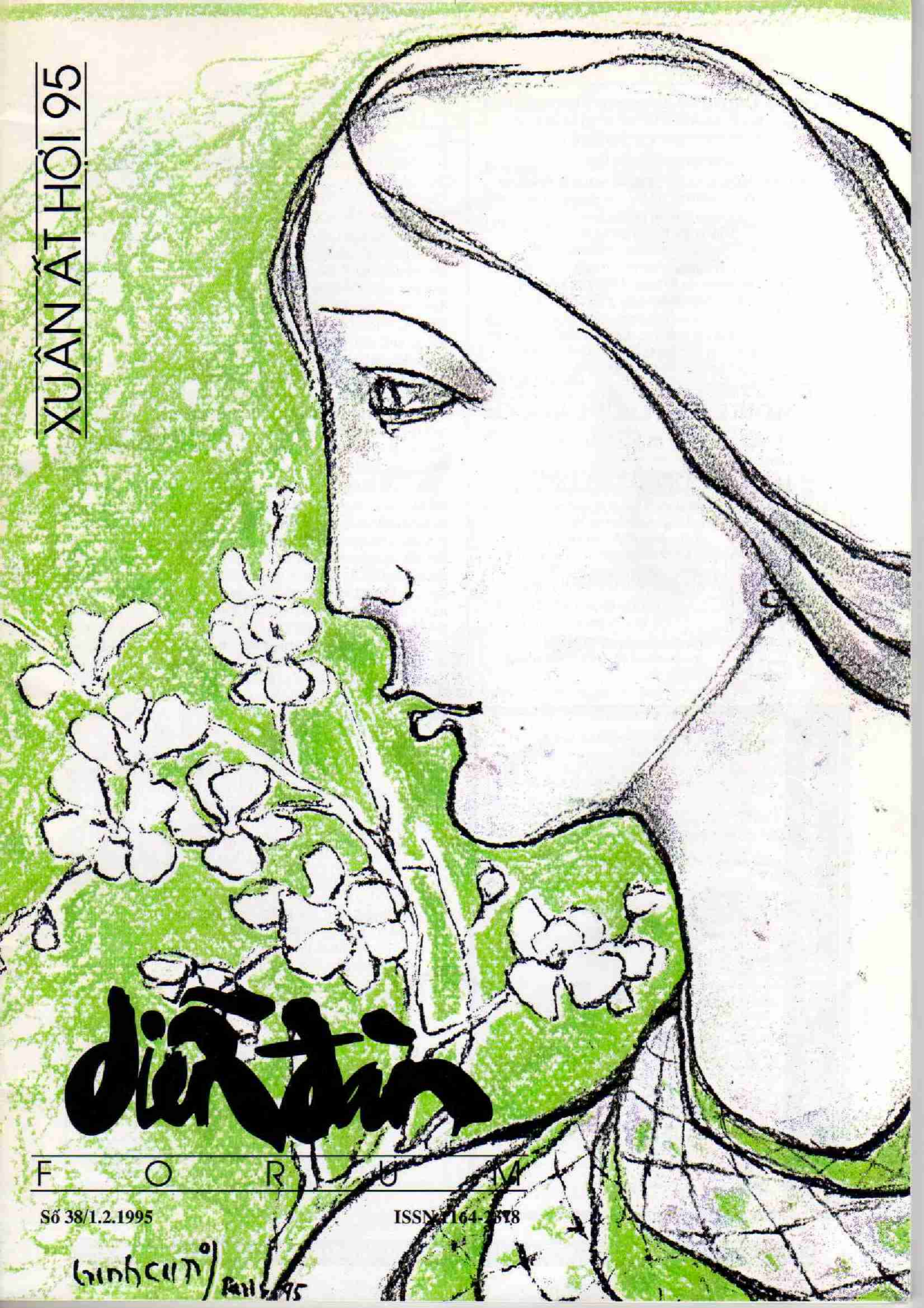


XUÂN ẤT HỢI 95



diễn đàn

F O R U M

Số 38/1.2.1995

ISSN: 164-2378

binhcuti / 1995

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ [1] 43 29 60 89
(ouvert tous les jours, sauf le lundi)

programme de février 1995

TẾT ẤT HỢI au CCFV : **Dimanche 5 février**
à partir de midi (programme spécial : *se renseigner au centre*)

EXPOSITION DE PEINTURES :

Didier de FAUTEREAU

du 4 au 28 février (vernissage : 4 février, à 18h)

EXPOSITION DE PHOTOS :

Vietnamiennes de France 1994 par **Lê Anh**

du 4 au 28 février (vernissage : 4 février, à 18h)

CONFÉRENCE :

Panorama du droit vietnamien. Le droit des entreprises étrangères, par **M^e Nguyễn Tấn Hôn**, avocat
(samedi 11 février, à 18 h 30)

MEMOIRE DU FLEUVE ROUGE

de Nguyễn Dư et Vũ Văn Huân



Ce recueil de gravures sur bois des paysans artistes tonkinois du début du siècle illustre et commente les fêtes traditionnelles et les racines de la civilisation vietnamienne.

Un livre unique à commander en souscription au prix de 110 F port compris (pour la France) auprès de

JACQUES ANDRÉ ÉDITEUR,
5, Rue Bugeaud, 69006 LYON

parution courant 1995
encaissement des chèques à parution

Bạn đọc

ở diễn đàn

Diễn Đàn 37

Mục văn nghệ số 37 vừa rồi thật độc đáo, truyện của Trần Vũ và bài báo của Nguyễn Khải đều là những hiện tượng văn học mới và quan trọng, chúng tôi một số bạn bè đã bàn cãi nhiều. Cảm ơn và rất ủng hộ quý báo đã chọn đăng những đoạn văn như vậy. Tôi nghĩ vai trò của của một tạp chí văn hoá như Diễn Đàn là giới thiệu những cái đáng đọc ; trong khuôn khổ một nguyệt san nhỏ, sự chọn lọc của quý báo từ trước đến nay và đặc biệt số vừa rồi thực xuất sắc. Có cái để đọc và để bàn luận tức là có cái để khen và chê, tôi không nghĩ rằng chỉ có những bài đáng khen mới nên đăng, có những bài quan trọng ở chỗ đáng chê. Tuy nhiên mỗi bài đáng lẽ nên có một cái mũ nhỏ để lưu ý bạn đọc, vì theo tôi trong hai bài này những vấn đề không nằm ở chỗ người ta tưởng, nếu chỉ đọc lướt qua.

Xin ghi vài ý về bài *Giấc mơ Thổ*. Có bạn cho đó là dâm ô, thô bỉ, khinh rẻ phụ nữ. Riêng tôi không thấy như vậy, có lẽ vì điều đó mới trong văn Việt chẳng ? và có lẽ để nhấn mạnh ý đồ của mình muốn đem văn chương vào những vùng cấm địa nên tác giả có hơi cường điệu chẳng ? Nhà văn có quyền cường điệu hoá, điều đáng hỏi là hình thức và nội dung truyện có đạt đến một khía cạnh nào phổ biến của con người hay không ? Tôi nghĩ Trần Vũ thực sự muốn viết văn trong nghĩa đó chứ không phải muốn viết thứ văn khiêu dâm hạ cấp, và cố gắng đó đáng tôn trọng. Tôi thấy truyện này mô tả nội tâm mê sảng dữ dội của một loại nạn nhân chiến tranh, tuy nhân vật xưng tôi, tuy cái tôi ấy dâm ô, thô bỉ, khinh rẻ phụ nữ, nhưng nhân vật không phải là văn, lại càng không phải là nhà văn. Với thời gian, công chúng thích hay không thích, thì... thời gian sẽ trả lời. Ngoài ra, đồng ý nên cấm trẻ em dưới 18 tuổi.

Bây giờ xin bàn về bài báo Nguyễn Khải. Ở đây, chữ tôi của ông là cái tôi bình thường chứ không phải cái tôi sáng tạo văn học. Nguyễn Khải nói với độc giả về mình khi ông mô tả quan hệ giữa ông và Trần Dần, bởi vậy người đọc có quyền nhận xét và phản ứng. "*Tôi vốn không thích văn anh*", "*Nhưng tôi luôn luôn nể anh, trọng anh vì cái số sao mà vất vả. Cũng là vất vả vì nghề*", nghĩa là nể trọng một người đồng nghiệp đàn anh không phải vì văn tài, không phải vì quan điểm văn học, mà vì... cái số vất vả ! thông thường điều đó chỉ đưa đến thương cảm chứ không đưa đến nể trọng. Ở một người như Nguyễn Khải đã thành danh vì ngòi bút chính xác và sắc sảo thì đây chỉ chỉ có thể coi là sự nguy trang. Nguy trang với ai ? kiểm duyệt hay độc giả ? Nếu ngừng ở đó thì người đọc có

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Vân

Obtain your college degree now!

REGISTER NOW AT SOUTHERN CALIFORNIA
UNIVERSITY FOR PROFESSIONAL STUDIES AND
YOU CAN BE ON YOUR WAY TO RECEIVE A
ASSOCIATE'S, BACHELOR'S, MASTER'S, OR EVEN
A PH.D. DEGREE

SCHOLARSHIP AVAILABLE FOR VIETNAMESE WORKING PEOPLE
TO COVER UP TO 40% OF YOUR TUITION FEES.
WE EVEN RECOGNIZE PRIOR LEARNING EXPERIENCES AND DEGREES FROM
VIETNAM

Some benefits of attending
SCU:

- Learn from the convenience of your own home, and No need to attend classes on a weekly basis as other schools
- Most degrees completed between 12 to 24 months.
- Convert prior life experiences, such as training and work experience into college credit.
- Choose from a variety of fields, such as Business Administration, Marketing, International Business, or Law. (J.D Bar and Non-Bar).



For more information, please contact:

Southern California University for Professional Studies
International Program
P.O. Box 5171 University Station
Irvine, CA 92716

Tel: (714) 542-3796 (Vietnamese) Fax: (714) 542-0396

SCU was founded in 1978 and is fully approved by the State of California.
Campus located at 1840 E. 16th Street, Santa Ana, CA

thể thông cảm cái cách viết lách quen thuộc tuy đã lỗi thời ở Việt Nam, nhưng tác giả lại giáng thêm một câu nữa : “ Về anh Trần Dần tôi nghĩ thế cũng là xong, là đã hoàn tất một sự nghiệp, có ưu có khuyết, có thành bại như mọi kiếp người. Anh chả còn gì để tôi phải thắc mắc”. Về đầu một câu triết lý vô thường vô phạt để đưa đến về sau xoá sạch mọi vấn đề, cứ như kẻ thua bạc thì xoá bài, một nhà văn mà nữ viết về một nhà văn khác như thế sao ? Vậy nói về Trần Dần để làm gì ? nói về ai cũng thế, mà không nói cũng thế. Đây mới là nhấn tâm, còn những đoạn sau lập đi lập lại rất thừa về bệnh tật tuổi già của Trần Dần thì nặng có thể gọi là ám ảnh tâm lý của người viết, mà nhẹ có thể coi là thiếu trang nhã. Trong khi hiện nay các vấn đề nhóm Nhân văn Giai phẩm đã nêu lên vẫn đang nóng bỏng hơn bao giờ hết, người ta có thể đặt câu hỏi : tác giả lừa dối độc giả hay tự lừa dối mình ?

Dĩ nhiên, nếu tính theo số chữ và theo những đoạn văn cảm động nhất thì chủ đề của bài báo này không phải là ông Trần Dần, mà là bà Trần Dần và các con. Thế nhưng trên chủ đề này lại có những đoạn Nguyễn Khải nói hộ người khác một cách sống sượng đáng giật mình, khiến tôi nghĩ rằng một bài báo như thế nếu không được mọi đương sự đồng ý, thì như ở Pháp có thể bị kiện vì xâm phạm đời tư người khác, chẳng hạn kể lại người con nghĩ về người cha như thế nào (...).

Tôi không muốn bàn nhiều về giá trị khách quan hay giá trị tự thân của bài báo Nguyễn Khải vì tôi hiểu rằng tác phẩm có phần nào độc lập với tác giả. Nếu cố gắng đọc bài báo này bằng cách quên con người cụ thể, bỏ qua những đoạn văn hoá mù và những đoạn văn sống sượng, người ta thấy được những mẫu hiện thực đáng buồn và đáng sợ của một chế độ toàn trị, đồng thời với hình ảnh thật đẹp của một người đàn bà Việt Nam sống và chống chọi được hoàn cảnh đó. Bản thân những hiện thực này cũng là một sự phê phán chế độ, tuy không có gì sâu sắc và mới mẻ.

T.H.D. (Massy, Pháp)

/// Theo ý chúng tôi, bài Người vợ của Nguyễn Khải không phải là một bài báo, mà bài văn. Nó càng không phải là một bài phát biểu tại một cuộc mít tinh hay hội nghị của Mặt trận Tổ Quốc. Trong bài văn ấy, tôi không phải là một nhân vật hư cấu, song e rằng sẽ quá giản lược nếu ta đồng nhất hoá tôi và cá nhân tác giả : ngay trong thể loại nhật ký, hồi ký văn học, cái tôi nhiều khi là biểu diễn tôi đối với tôi (nếu không là đối với người đọc) hơn là cái tôi đời thực. Nói khác đi, tôi là tôi mà cũng không phải là tôi. Tất nhiên, trong mối quan hệ tay ba tác giả – tác phẩm – độc giả, độc giả hoàn toàn có quyền phán đoán tác giả qua tác phẩm, cho dù, nếu độc giả không phải là nhà phân tâm học, hay nhà tuyên huấn, tác phẩm mới là quan yếu. Trong tinh thần ấy, chúng tôi ghi nhận phản ứng của bạn và tôn trọng ý kiến thống thiết của bạn. Và hoàn toàn đồng ý

Création Mondiale, Commande de Radio France
dans le cadre du Festival PRESENCE 95 (entrée libre)

Qua Cầu de Nguyễn Lê

concert le 9 février 1995, à 20 h

à RADIO-FRANCE, Studio Charles Trénet

116, Ave du Président Kennedy, Paris 16

Chant traditionnel	Hương Thanh (Vietnam)
Guitare, Synthétiseur	Nguyễn Lê (Vietnam)
Trompette	Paolo Fresu (Italie)
Saxophone, Flutes	Simon Spang Hansen (Danemark)
Percussions, Synthétiseurs	François Verly (France)
Batterie, Percussions	Steve Arguelles (Gde-Bretagne)

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 6 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :

1/8 trang :	180 F
1/4 trang :	300 F
1/2 trang :	550 F
1 trang :	1 000 F

(giá này chưa tính thuế TVA)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện)

tìm đọc bản tin Pháp ngữ DIỄN ĐÀN FORUM

số 15

sẽ phát hành đầu tháng 12.94

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên

Địa chỉ

.....Điện thoại :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

để tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc money order) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Bạn đọc Bắc Mỹ chú ý : Để tránh phải trả hoa hồng khá nặng khi bạn đọc ký séc ngân hàng bằng đồng Franc Pháp, từ nay, bạn có thể ký trả 60 USD (một năm báo) và đề tên HOANG NGUYEN, rồi gửi séc và phiếu mua báo về địa chỉ báo Diễn Đàn.

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

với bạn ít nhất trên điểm này : những vấn đề mà phong trào Nhân văn Giai phẩm, mà Trần Dần là một trong những người khởi xướng, đặt ra, ngày hôm nay, vẫn là những vấn đề nóng hổi.

Đăng lại là một hình thức chấp nhận và chuẩn y

Chuyện *Người vợ* mà nhà văn Nguyễn Khải viết để kể chuyện về người bạn đời của Trần Dần đã đưa bạn đọc sống hoàn toàn với nhiều tình huống bên nhà : một người phụ nữ tận tụy với chồng, sống trong truyền thống Việt Nam dù khó khăn, lấy bốn phần làm đầu, quên mình và hy sinh là một trong những cơ bản văn hoá. Có lẽ tôi cũng được giáo dục như vậy đó nên tôi thích chuyện Nguyễn Khải viết, một chuyện thật.

Cạnh đó, cũng trong cùng số báo 37, *Diễn Đàn* đăng truyện *Giấc mơ Thổ* của Trần Vũ, một chuyện thuộc lại tả chân, cũng có thể là thể hiện một nếp sống, một suy tư, một quan niệm của nhà văn, hay của một mẫu hình mà nhà văn muốn trình bày. Thế nhưng có lẽ truyện tả chân, tả thật, tả gần quá nên thành thô. Thật thì thật, nhưng nhân bản, theo tôi, khác với thú tính, mỹ thuật và văn chương khác với đập, phá hay đánh đá, và có giới hạn về luân lý (...)

Hơn nữa, ở đây còn có vấn đề trách nhiệm của nhà văn, trách nhiệm đối với “ hậu thế ”. (...) Tôi không muốn lịch sử đi lùi và trở lại phong trào lãng mạn đầu thế kỷ 20, tôi không mặc áo đạo đức hay nhà luân lý đi giảng thuần phong mỹ tục cho cả nước. Tôi chỉ muốn nói là dù gì đi nữa, ngay trong bản chất con người, cũng còn một góc đẹp nào đó, một cái lãng mạn để thương chứ không phải thuần thực dụng, vật chất, thể xác.

Đăng lại là một hình thức chấp nhận và chuẩn y. Trách nhiệm của *Diễn Đàn* ở đó. Tôi không trách các bạn. Tôi chỉ muốn nói lên tiếng kêu thất vọng và lo sợ cho tương lai.

Nguyễn Huỳnh Mai (Liège, Bỉ)

Xin thú thực với chị : khi lên khuôn số 37 (sau khi tranh luận gần như... mỗ bò) chúng tôi cũng chờ đợi sẽ có phản ứng mãnh liệt và trái nghịch từ phía bạn đọc đối với hai tác phẩm của Nguyễn Khải và Trần Vũ. Song, đọc xong thư chị và thư của anh THD (xem trên) đến cách nhau một ngày, chúng tôi mới thấy sự thật vượt xa mọi dự trù. Như vậy, ít nhất trên mặt văn học, *Diễn Đàn* cũng làm được chức năng điểm hẹn của những cảm nhận rất khác nhau. Và xét cho cùng, văn học mà không đa nghĩa, đa âm, thì còn gì là văn ?

Riêng về *Giấc mơ Thổ*, chúng tôi rất thông cảm với phản ứng của chị. Phản ứng như vậy một phần có lẽ vì chị đọc nó như một truyện tả chân, hay hiện thực chủ nghĩa. Đề nghị chị thử đọc lại nó, đặc biệt là trang đầu (trang 29), như một tác phẩm mộng mê (onirique). Là một người mẹ, có lẽ chị sẽ thông cảm sự kinh hoàng của một thiếu niên được/bị mẹ đẩy đi vượt biên, trở thành một “ tử thi sung sướng ”. Thông cảm, cố nhiên, không nhất thiết dẫn tới tán thưởng văn phong.

Cuối cùng, về ý kiến của chị “ đăng lại là chấp nhận và chuẩn y ”, chúng tôi xin giữ lại từ đầu : **chấp nhận**. Chấp nhận nhau trong tất cả sự khác biệt, và chấp nhận sự khác biệt. Và cũng trong tinh thần trách nhiệm, xin gửi chị những lời chúc thân tình cho năm Ất Hợi 95.

Khó gần bằng lý giải... tình yêu

Đối với Cơ sở liên kết người Việt Đông Âu chúng tôi, *Diễn Đàn* là nguồn tư liệu rất phong phú để chúng tôi biên soạn *Lá thư Đông Âu* với mục đích gửi về trong nước.

Dưới đây xin nêu một vài ý kiến nhỏ vụn của cá nhân tôi sau một thời gian (gần như đủ 37 số báo) và theo dõi *Diễn Đàn* :

– Đã có hơn một lần, qua báo *Diễn Đàn*, tôi được biết bạn đọc “ thắc mắc ” về thái độ chính trị của *Diễn Đàn*. Và *Diễn*

Đàn có “ giải thích ”. Thiển ý, các lần đó đều... “ chưa đạt yêu cầu ” (so với “ thắc mắc ”). Mà xét cho cùng, giải thích về quan điểm chính trị khó gần bằng với việc giải lý về... tình yêu ! Bản thân một tờ báo với các trang bài trong đó là lời giải thích thuyết phục nhất, hà tất phải nhiều lời.

– *Diễn Đàn* có một thoáng rất độc đáo là hay chêm lời bình (của người biên tập, rồi của cả người... đánh máy !) vào bài. Với tôi, hầu hết các chỗ chêm đó đều được, nhưng khi trao đổi với các anh em khác đọc *Diễn Đàn* ở đây có vẻ nhiều người lại không... ưa. Họ bảo : “ Thế là coi thường bạn đọc ! ”. Tôi bảo : “ Vấn đề là ở chỗ lời bình đó có cần và có đạt hay không... ”.

– Trong hơn một năm nay, tình hình trong nước có nhiều biến đổi, có thể nói là hàng tháng, hàng quý... Báo chí hải ngoại, nhìn chung là “ đuối sức ” khi chạy theo các biến đổi đó, nhưng tôi chưa thấy có biểu hiện như thế ở *Diễn Đàn*.

– *Diễn Đàn*, qua 37 số báo, rành rành là tờ báo không phải gì gì gì cái gì cũng nói đến. Cho phép tôi được hiểu *Diễn Đàn* là một tờ báo quan tâm đến các vấn đề thuộc về Việt Nam, ở liên hệ xa cũng như gần. Trong tình hình như vừa nói ở trên (của báo chí hải ngoại), một tờ như *Diễn Đàn* rất cần thiết. Tuy vậy, cũng có một vài lần *Diễn Đàn* chuyên chở nhiều chủ đề nặng tính... “ khoa bảng ” quá, lại nữa các chủ đề này xa xôi với “ các vấn đề Việt Nam ”, ví dụ như cái vụ “ $x^n + y^n = z^n$ ” đã hơn một lần chiếm chỗ ở *Diễn Đàn*. Tất nhiên các bài như thế “ rành hay thì thật là hay ” nhưng nghe ra chưa hợp với những người tìm đọc *Diễn Đàn* (“ hợp ” ở đây chưa phải là nói về trình độ mà là ở chủ đề). “ I ” can “ you ”, nay dùng lại “ thành ngữ ” của *Diễn Đàn* ở vụ này.

Đỗ Ngọc (Hochstadt/Aisch, Đức)

Những chủ đề liên quan tới phương pháp luận khoa học như định lý Fermat mà anh gọi là “ khoa bảng ”, sở dĩ chúng tôi nêu lên, vì hai lý do :

– trong sự phân tích (và chùng nào, giải quyết) các vấn đề Việt Nam, chúng ta rất cần tinh thần khoa học. Xin nói rõ : tinh thần khoa học không phải là tôn thờ khoa học, tin tưởng ở sự toàn năng của khoa học (ảo tưởng của thế kỷ 19, ngày nay vẫn còn ở ta, còn ở phương Tây thì có xu hướng chạy theo thái cực ngược lại)

– cùng với tinh thần khoa học là văn hoá khoa học (culture scientifique) — văn hoá chứ không phải là kiến thức. Điều đáng quan ngại là từ một thế kỷ nay, nhiều cuộc cách mạng đã diễn ra trong các lãnh vực khoa học (từ toán học, qua vật lý, hoá học đến sinh học), đảo lộn nhiều quan niệm, với những ứng dụng tác động trực tiếp đến cuộc sống nhân loại. Hơn bao giờ hết, văn hoá khoa học trở thành một bộ phận cấu thành hữu cơ của văn hoá.

Tất nhiên, còn một cách giải thích khác : trong ban biên tập *Diễn Đàn*, có cả một mafia làm khoa học, cho nên tổng biên tập, là người làm kinh tế học, đổ mà dân chủ... tập trung nổi ! Hi vọng đôi lời giải bày ở trên, dù chưa đạt yêu cầu, cũng nói lên một điều : cách giải thích vừa kể trên không hẳn đúng sự thật !

Về “ Tờ trình bí mật của Krúpsep về Stalin ”

Chúng tôi đã giới thiệu cuốn sách này trong số 35. Bạn đọc có thể đặt mua qua bưu điện bằng cách liên lạc với : Tủ sách NGHIÊN CỨU, B.P. 246, 75224 PARIS CEDEX 11. Phí tổn : 60 FF (kể cả cước phí).

Đây là một bản dịch trung thực về tinh thần, tuy còn những chỗ chưa sát và những từ ngữ hơi cổ. Do đó, nó là một tư liệu bổ ích, đặc biệt cho những độc giả khó đọc ngoại ngữ.

Số tay

PHONG QUANG

Trong ba người bị nhóm không tộc Hồi giáo toàn thủ giết ngày 24.12.94 trên máy bay Airbus ở Alger, có một người Việt Nam : ông **Bùi Giang Tô**, tham tán thương mại của đại sứ quán Việt Nam tại Algérie. Ông Tô là người Việt Nam thứ nhì nạn nhân của **chủ nghĩa toàn thủ (intégrisme)** ở Algérie : trước đó mấy tháng, một cán bộ giảng dạy đã bị ám sát. Cho đến nay, khoảng 50 người nước ngoài đã chết dưới làn đạn của các nhóm Hồi giáo vũ trang, trong đó một nửa là người Pháp. Việt Nam ở xa Algérie hơn mười ngàn cây số, không nằm trong khối Tây phương, biểu tượng của quỹ dữ trong não trạng của những người Islam cuồng tín. Cái chết của hai đồng bào trong một cuộc xung đột thoát trông rất xa lạ với Việt Nam, đáng làm chúng ta suy nghĩ.

Điều đầu tiên cần lưu ý có lẽ là sự thiếu hiểu biết ở Việt Nam về Hồi giáo : hình như cho đến nay, vẫn chưa có một bản dịch kinh Coran, một trong những áng văn thơ hay của nhân loại. Còn chủ nghĩa toàn thủ lại càng xa lạ hơn nữa : những từ *intégrisme, fondamentalisme* hiện nay vẫn chưa có trong từ điển song ngữ Pháp-Việt. Đứng trước một cái gì xa lạ, đáng ngại, người ta thường có xu hướng làm ngơ, khi làm ngơ không được, thì dễ phản ứng mãnh liệt. Phải chăng vì vậy mà gần đây, một quyết định của Nhà nước Việt Nam liệt kê các tôn giáo được thừa nhận đã không kể tới Hồi giáo, ít nhất cũng là tín ngưỡng của dân tộc Chăm ? Nếu sự quên lãng này là vô tình, thì nó cần được bổ khuyết sớm để tránh mọi nghi ngờ. Trái lại, nếu nó là sự im lặng thể hiện sự lúng túng quan ngại trước một hiện tượng khó hiểu, thì rõ ràng đây là một sai lầm nguy hại. Sai lầm trước hết xuất phát từ sự lẫn lộn giữa Hồi giáo và xu hướng toàn thủ không những có trong Hồi giáo mà còn biểu lộ trong nhiều tôn giáo khác (và có lẽ không chỉ trong tôn giáo). Một quan niệm sai lầm trong lãnh vực này rất nguy hại vì nó đụng tới những vấn đề tế nhị và hệ trọng (tôn giáo, dân tộc thiểu số, và cả đối ngoại nữa : Hồi giáo là tín ngưỡng chính của nước láng giềng gần gũi Indonesia).

Khi phân tích “ vụ án Đường Tăng ”, chúng tôi liên hệ tới những *fatwa (giáo lệnh)* Hồi giáo toàn thủ nhắm hai nhà văn Salman Rushdie và Taslima Nasreen. Thoạt trông, có thể cho rằng sự so sánh này có phần khiên cưỡng, cường điệu : không thể đánh đồng án tử hình với việc cấm sách. Đúng là có sự khác biệt về *mức độ* giữa hai hiện tượng. Song về *bản chất* thì rõ ràng chúng đều xuất phát từ sự cố chấp, không khoan hoà với người khác, quan niệm khác. Đó chính là cốt lõi của chủ nghĩa toàn thủ. Ông Bùi Giang Tô tại sao

Nhân dịp đầu Xuân, Diễn Đàn kính
chúc bạn đọc và thân quyến một
năm mới Ất Hợi 1995
sức khoẻ, hạnh phúc và thành đạt.

Chào mừng năm mới, chúng tôi gửi tới bạn đọc một số đặc biệt, 56 trang. Số sau (39) sẽ trở lại bình thường (32 trang) và phát hành đầu tháng 3.1995.

đã bị nhóm không tộc chọn làm vật tế thần trên sân bay Alger ? Không phải vì ông là người ngoại quốc, cũng không phải vì ông là đại diện cho một chế độ cộng sản (chủ nghĩa cộng sản, dưới mắt người Hồi giáo toàn thủ, cũng là một thứ quý sứ, từ sau chiến tranh Afghanistan). Theo lời kể của cô Claude, chiêu đãi viên Air France (điều tra của báo *Le Monde* và *Libération*), thì “ tội ” của ông Tô là : “ *Hấn theo đạo Phật, lại đầy bằng cấp* ” (lời của Yahia, thủ lĩnh nhóm cướp máy bay).

“ Tội ” của Trương Quốc Dũng là vẽ nên một Đường Tăng không phù hợp với niềm tin của một số Phật tử, cũng như Scorsese cách đây mấy năm đã bị nhiều người Công giáo lên án khi ông làm phim “ *Cám dỗ cuối cùng của Giêsu-Kitô* ”. Lúc đó, giám mục Jacques Gaillot đã bênh vực Scorsese bằng câu nói nổi tiếng : “ *Đấng Kitô không phải của riêng ai* ”. Quyết định cách chức vừa qua của Vatican đối với giám mục Evreux chắc cũng không xa lạ với câu nói đó, cũng như với nhiều lời tuyên bố không “ đúng lập trường ” của ông.

May cho tác giả truyện ngắn Đường Tăng : Trương Quốc Dũng lại là con rể... ông Nguyễn Văn Linh. Cho nên, chỉ sau vài ngày, tuyệt nhiên báo chí nhà nước không nói tới người viết truyện Đường Tăng nữa, mà tập trung vào hai người chấm giải truyện ngắn là Nguyễn Ngọc và Lê Ngọc Trà ! Nếu đây là câu chuyện ngụ ngôn khôi hài, thì *moralité* của nó là : anh không có quyền sai lầm hai lần, đã chót chọn lầm nghề văn chương thì anh phải biết chọn vợ.

Khốn nỗi đây không phải chuyện đùa, mà là chuyện chơi với lửa. Viện có vi phạm chính sách tôn giáo, chính quyền cấm tập truyện ngắn, chắc cũng không ngờ là đã mở đường cho những đòi hỏi cấm đoán dây chuyền. Chỉ trong vài tuần sau, hai việc đã xảy ra : chuyện cuốn phim *Dòng sông thơ ấu* và truyện ngắn *Đổ bóng*. Xưởng phim Sài Gòn đang quay bộ phim dựa trên cuốn tiểu thuyết *Dòng sông thơ ấu* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Đây là tiểu thuyết hồi ký, có nói tới nhân vật giáo chủ Hoà hảo Huỳnh Phú Sổ (cùng quê với nhà văn). Chỉ cần một ông tổng thư ký hội Phật giáo Hoà hảo nào đó phản đối, thế là Ban văn hoá tư tưởng Thành uỷ Sài Gòn đã ra lệnh huỷ bỏ tất cả các đoạn liên quan tới giáo chủ Huỳnh Phú Sổ, và bắt đổi tên cuốn phim thành *Thời thơ ấu* (sao không đổi luôn thành *Thời ấu trĩ* cho hợp tình hợp cảnh !). *Đổ bóng* là tên một truyện ngắn của Trần Đức Tiến, đăng báo *Tuổi trẻ sống đẹp* số 5, tháng 11.94. Một phụ nữ “ *đẹp và ngốc, giống như những nhân vật phụ nữ thường thấy*

(xem tiếp trang 15)

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Tiêu chuẩn hóa công chức

Nếu như ủy ban thường vụ quốc hội thông qua dự án pháp lệnh công chức mà chính phủ đệ trình vào giữa tháng chạp vừa qua thì số công chức ở Việt Nam sẽ giảm xuống nhiều. Cho đến nay, cả nước có đến 1 129 000 cán bộ viên chức. Theo qui định của dự án pháp lệnh, phạm vi công chức sẽ chỉ bao gồm những người làm việc ở khu vực quản lý nhà nước và hành chính sự nghiệp nằm trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Những cán bộ không được coi là công chức bao gồm : cán bộ dân cử, cán bộ xã, cán bộ làm việc ở các doanh nghiệp nhà nước, cán bộ trong lực lượng vũ trang, gồm cả bộ đội và công an.

Riêng đối với cán bộ thuộc các cơ quan của Đảng cộng sản, các đoàn thể và tổ chức chính trị - xã hội, dự án pháp lệnh không đưa ra được một quyết định dứt khoát mà chỉ nêu hai phương án : không đưa vào phạm vi công chức hoặc “ để cho cấp có thẩm quyền quyết định ” (!?).

Theo dự án pháp lệnh, công chức không được đình công, lãn công ; không được thành lập doanh nghiệp tư nhân ; không được ký giải quyết cho thân nhân ; không được nhận quà biếu.

Muốn làm công chức phải qua thi tuyển, và việc thi tuyển này phải công khai và căn cứ vào bằng cấp. Qua sự khảo sát ở một số cơ quan và địa phương, người ta ước chừng có 35 % cán bộ hành chính trung ương và 70 % ở địa phương hiện nay không đủ trình độ theo ngạch công chức mới. Theo chính phủ, những người mới tuyển dụng nhất thiết sẽ phải qua thi tuyển theo tiêu chuẩn qui định ngạch chuyên viên. Mặt khác, sẽ bồi dưỡng và đào tạo lại số công chức hiện có theo tiêu chuẩn các ngạch, đồng thời sẽ tiếp tục giảm biên chế, đưa những người yếu kém ra khỏi đội ngũ công chức. Chính phủ dự kiến, nếu làm tích cực trong vòng 5 - 7 năm tới, sẽ tiêu chuẩn hóa được đội ngũ công chức. (Tuổi Trẻ 29 và 31.1.94, 1.1.95)

Tỷ trọng kinh tế quốc doanh không ngừng tăng

Sau hơn bốn năm sắp xếp lại, số doanh nghiệp quốc doanh hiện nay còn khoảng 6 200 đơn vị, bằng 51 % so với năm 1990. Việc giảm bớt số doanh nghiệp nhà nước không làm suy yếu kinh tế quốc doanh. Ngược lại, tỷ trọng khu vực quốc doanh trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) không ngừng tăng lên qua các năm 1990 : 32,1 % ; 1991 : 36 % ; 1992 : 39,6 % ; 1993 : 42,9 % ; 1994 : 42,9 %. Trong khi đó, khu vực kinh tế tư doanh, tuy có phát triển lên qua các năm, song tỷ trọng trong GDP lại giảm dần từ 67,9 % năm 1990 đến 1994 chỉ còn 56,4 %.

Nhu cầu vốn đầu tư của các doanh nghiệp quốc doanh trong năm 1995 lên đến 21 000 tỷ đồng (khoảng 1,1 tỷ đô la). Ngoài vốn tự đầu tư của các doanh nghiệp là 2 500 - 3 000 tỷ

đồng, theo Ủy ban kế hoạch nhà nước, khu vực quốc doanh hiện nay chỉ còn có thể trông đợi vào 500 tỷ đồng thu hồi nợ, 2 500 tỷ đồng khấu hao cơ bản, 4 000 tỷ đồng vay trung hạn ở các ngân hàng thương mại. Như vậy là kinh tế quốc doanh chỉ mới cân đối được tối đa là một nửa yêu cầu vốn đầu tư của năm nay. (Lao Động và Tuổi Trẻ 6.12.94)

Đào tạo “ bán du học ”

Trong một đề án trình chính phủ, bộ giáo dục và đào tạo chủ trương dành hàng năm 100 - 150 tỷ đồng để, từ năm 1995 - 1996, gửi thêm 500 - 700 sinh viên và nghiên cứu sinh đi học ở các nước phát triển. Đề án cũng kiến nghị nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho các công dân có phương tiện đi học ở nước ngoài theo chế độ tự túc.

Tài liệu của bộ còn chủ trương khuyến khích các hình thức “ du học tại chỗ ” : tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở đào tạo nước ngoài mở các lớp học, khóa học cho cán bộ Việt Nam ; xây dựng đề án phối hợp đào tạo giữa các trường đại học Việt nam với các trường đại học nước ngoài, theo phương thức hai năm đầu học ở Việt Nam, những năm tiếp theo học ở nước ngoài.

Vào trung tuần tháng chạp vừa qua, bộ giáo dục và đào tạo đã ký kết với viện đại học Tasmania ở Úc một chương trình hợp tác đào tạo “ bán du học ”. Theo chương trình này, sinh viên sẽ học hai năm đầu tại trường đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, hai năm sau sẽ học tại trường đại học Tasmania để lấy bằng cử nhân công nghệ hay kỹ thuật. Toàn bộ chương trình đào tạo 4 năm đều dạy bằng tiếng Anh và do trường đại học Tasmania tổ chức (học phí cho hai năm đầu là 2 000 USD/năm, hai năm sau là 13 500 USD/năm).

Vào đầu tháng 12, bộ giáo dục và đào tạo cũng đã ký với Hội đồng các tổ chức học thuật Mỹ (ALCS) dự án hợp tác đào tạo cán bộ quản lý do Chương trình Fullbright của Quốc hội Mỹ tài trợ. Trị giá 2 triệu đô la, dự án sẽ do Viện phát triển quốc tế Harvard (HIID) thực hiện trong vòng hai năm 1995 - 1996 tại trường đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Mục tiêu đào tạo sẽ tập trung vào các vấn đề kinh tế và quản lý có liên quan đến vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Ngoài ra, cũng trong tháng 12, bộ giáo dục và đào tạo đã cho phép tổ chức Education First Institute chiêu sinh du học tự túc ở Bắc Mỹ. Các sinh viên sẽ phải qua một năm học dự bị trước khi vào trường đại học (chi phí thủ tục nhập cảnh vào Hoa Kỳ, học tập và ăn ở là 12 000 - 14 000 đô la/năm). (Tuổi Trẻ 6,8 và 15.12.94, Người Lao Động 6.1.95)

☛ *Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược* : Đầu tháng giêng vừa qua tại thành phố Hồ Chí Minh, ông Trần Trọng Tân, trưởng ban văn hóa tư tưởng thành phố, đã cho rằng những chương trình hợp tác đào tạo đại học với nước ngoài nằm trong “ âm mưu của địch ” để “ diễn biến hòa bình ”.

Bảo hộ quyền tác giả

Trong tháng chạp vừa qua, nhà nước đã ban hành pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm của công dân Việt Nam và các tác phẩm công bố ở Việt Nam của tác giả nước ngoài. Tác phẩm được bảo hộ gồm : tác phẩm viết, sân khấu, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, video, nhiếp ảnh,

âm nhạc, tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, kiến trúc, công trình khoa học, giáo trình, các phần mềm máy tính.

Giám đốc cơ quan Bảo hộ quyền tác giả Việt Nam Vinauteur, ông Nguyễn Thượng Thuận, cho biết pháp lệnh bảo hộ tác quyền ra đời sẽ thúc đẩy quá trình Việt Nam tham gia Công ước quốc tế về bản quyền. (Tuổi Trẻ 13.12, Người Lao Động 30.12.94)

Khánh thành nhà máy thủy điện Hòa Bình

Ngày 20 tháng chạp vừa qua, nhà máy thủy điện Hòa Bình đã làm lễ khánh thành sau 15 năm xây dựng. Đào 43, 5 triệu m³ đá, đắp 21, 3 triệu m³ đập, lắp đặt 44 ngàn tấn thiết bị, công trình đã huy động vào những lúc cao điểm đến 50 000 cán bộ, công nhân Việt Nam và 800 chuyên gia Liên Xô. 162 người đã hy sinh trên các công trường.

Với công suất lắp đặt là 1 920 MW (8 máy 240 MW), Hòa Bình có thể sản xuất hàng năm 8,4 tỷ kwh. Năm 1994, sản lượng đã đạt 5,7 tỷ kwh, và năm 1995 sản lượng dự kiến là 6,3 tỷ kwh - hiện trạng hệ thống tải điện không cho phép tiếp nhận hơn. Hiện nay Hòa Bình đảm bảo 50 % sản lượng điện cả nước và mỗi ngày phát ra khoảng 20 - 22 triệu kwh, trong đó 8 - 10 triệu kwh được truyền tải vào miền Nam qua đường dây 500 kv (tổn thất truyền tải là 6 %).

Giá trị công trình thủy điện Hòa Bình đến nay chưa được duyệt chính thức. Theo Tổng công ty điện lực, tính theo thời giá hiện nay, tổng số vốn đầu tư là 12,5 tỷ đồng, tương đương

1,1 tỷ đô la. Song một nguồn tin khác ước tính kinh phí lên đến hơn 4 tỷ đô la. (Lao Động 22.12, Việt Nam - Đầu tư nước ngoài 27.12.94, Thời báo kinh tế Sài Gòn 5.1.95)

Thủ tướng Võ Văn Kiệt và báo chí

Trong một buổi gặp các nhà báo ở Thành phố HCM ngày chủ nhật 8.1.1995, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nhắc lại là Việt Nam không cho phép xuất bản báo chí tư nhân, và kêu gọi báo chí “đóng góp tích cực” vào chương trình cải tổ kinh tế và vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Dành nhiều thì giờ để nói về nghị định đầu tiên của chính phủ về vấn đề quảng cáo (nghị định này được công bố hôm sau, 9.1, tuy báo chí đã nhận được lệnh thi hành từ ngày 31.1.1994), ông Kiệt đã yêu cầu báo chí sử dụng phương tiện quảng cáo để giúp cho các mặt hàng nội hoá cạnh tranh với hàng ngoại. Theo ông, “*nếu (báo chí) chỉ bán khung quảng cáo với mục đích duy nhất là lợi nhuận thì tính độc lập, chủ quyền của báo chí sẽ bị thu hẹp*”. Quảng cáo trên báo chí Việt Nam đã tăng lên rất nhanh trong mấy năm gần đây và đã trở thành một nguồn thu nhập chính cho báo chí. Quảng cáo xuất hiện ngay cả trên tờ Nhân Dân, cơ quan chính thức của đảng cộng sản Việt Nam. Nghị định của chính phủ ông Kiệt đề ra một số lề luật, giới hạn trên quảng cáo, như việc sử dụng ưu tiên tiếng Việt, việc cấm sử dụng quốc kỳ, quốc huy và chân dung các nhà lãnh đạo, việc tôn trọng quyền sở hữu về sáng chế, tiêu chuẩn chất lượng. Quảng cáo thuốc men và được phẩm phải được bộ y tế thông qua trước... (AFP và Reuter 9.1.1995)

Kinh tế 1994 qua số liệu

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 8,5 %

GDP năm 1994 đạt 170 000 tỷ đồng (tương đương 16 tỷ đô la), tăng 8,5 % so với 1993, và đây là năm thứ 4 nền kinh tế Việt Nam có nhịp độ tăng trưởng cao (1991 : 6 %, 1992 : 8,6 %, 1993 : 8,1 %) , bình quân 4 năm đạt 7,8 %. Tốc độ tăng trưởng đạt được do các ngành đều phát triển khá, trong đó công nghiệp tăng 13,5 % (1993 : 12,7 %), dịch vụ tăng 12,5 % (1993 : 13 %), nông nghiệp tăng 4,5 % (tương đương với năm 1993). Cơ cấu của GDP năm 1994 gồm có : 27,7 % nông lâm nghiệp, 22,1 % công nghiệp, 13,5 % thương nghiệp, 11,3 % du lịch và xây dựng nhà ở, 7,6 % xây dựng cơ bản, 4,1 % vận tải và bưu điện, 13,7 % ngành khác.

Lương thực đạt 26 triệu tấn

Sản lượng lương thực (quy ra thóc) có thể còn cao hơn nếu như không gặp thiên tai lũ lụt, ước tính thiệt hại gần 1 triệu tấn. So với năm 1993, lương thực tăng 2 % song tính bình quân đầu người thì giảm xuống 358,5 kg (1993 : 359,2 kg). Sản lượng gạo xuất khẩu (kể cả những hợp đồng nhỏ, nhưng dĩ nhiên không tính buôn lậu) lên hơn 2 triệu tấn.

Nhập siêu gấp hai lần

Trong khi xuất khẩu đạt 3,6 % tỷ đô la, nhập khẩu lên đến 4,5 tỷ đô la, cán cân ngoại thương năm 1994 bị hụt 900 triệu đô la, tăng gấp đôi so với năm trước (1993 : 424 triệu đô la) và đây là số nhập siêu cao nhất từ 1990 đến nay. Nếu tính thêm cả mậu dịch tiểu ngạch và buôn lậu thì

con số nhập siêu thực sự còn lớn hơn nữa. Tuy vậy, cán cân thanh toán quốc tế vẫn cân bằng do được bù đắp bằng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài và viện trợ. (Trong số 37, Diễn Đàn viết sai con số nhập khẩu là 3,6 triệu đôla và số xuất là 4,5 triệu. Xin thay hai chữ triệu bằng tỉ)

Đầu tư nước ngoài tăng 70 %

Số vốn đầu tư trực tiếp (FDI) của các dự án được cấp giấy phép năm 1994 là 4 tỷ đô la, tăng 45 % so với năm 1993. Số vốn đầu tư thực hiện trong năm đạt 1,7 tỷ đô la, tăng 70 % so với năm trước. Cùng với viện trợ phát triển (ODA) đã giải ngân được là 400 triệu đô la, tỷ trọng vốn nước ngoài chiếm hơn 26 % tổng số vốn đầu tư.

Năm 1994, tổng số đầu tư (của cả trong nước và nước ngoài) tiếp tục tăng, đạt tỷ lệ 22 % GDP (1993 : 19 %). Đồng thời tiết kiệm quốc nội đạt tỷ lệ 65,4 % tổng số đầu tư (1993 : 57,2 %).

Lạm phát hai con số

Sau một năm kìm giữ lạm phát ở mức một con số (5,2 %), chỉ số giá cả năm 1994 tăng 14,5 %. Trong những nguyên nhân trực tiếp có các chủ trương của chính phủ điều chỉnh giá một số mặt hàng nguyên nhiên liệu vật liệu và nâng giá lương thực thực phẩm và cải tiến mức lương của công nhân viên chức nhà nước (tăng gần 80 % trong hai năm 1993 - 1994). Giá vàng và đô la tương đối ổn định.

Số liệu : Tổng cục thống kê, Ủy ban hợp tác và đầu tư, Ủy ban kế hoạch nhà nước.

KHI THƯ VIỆN THANH LÝ SÁCH...

Báo Tuổi Trẻ Chủ nhật ngày 1.1. 1995 đã cho đăng lá thư dưới đây của bạn đọc Nguyễn Thành Nam (Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh):

Chiều thứ bảy 10.12. 1994, tôi ghé vào đọc sách ở Thư viện khoa học tổng hợp. Sau khi tra xong thư mục, tôi ghi phiếu hỏi mượn hai quyển sách dùng để nghiên cứu: “*Phác qua tình hình ruộng đất và đời sống nông dân trước Cách mạng Tháng Tám*” (nxb Sự Thật, Hà Nội, 1959) của tác giả Nguyễn Kiến Giang, và “*Cách mạng ruộng đất ở Việt Nam*” (nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1968) của các tác giả Hoàng Ước, Trần Phương, Lê Đức Bình.

Chị thủ thư cho tôi biết hai quyển sách này không còn ở thư viện nữa vì đã thanh lý lâu rồi! Tôi hết sức ngạc nhiên và sửng sốt: Tại sao lại có việc này? Hai quyển sách tôi mượn là sách khoa học kỹ thuật mà trên bản thư mục tra cứu vẫn còn nguyên vẹn dòng chữ “*sách dùng để nghiên cứu*”. Tôi hỏi: Thanh lý vào lúc nào? Chị thủ thư cho biết nó được thanh lý vào tháng 8. 1994, ngay trong thời gian sinh viên nghỉ hè.

Tôi băn khoăn và hoài nghi nên tiếp tục hỏi thêm chị thủ thư lớn tuổi về việc này. Chị cho biết là chủ trương thanh lý các sách ấy đã được lãnh đạo thư viện thông qua và cân nhắc rất kỹ trước khi tiến hành đưa nó ra khỏi thư viện. Hầu hết các sách thanh lý đều căn cứ theo tiêu chuẩn: “*Ít độc giả, sách để lâu trong kho không ai đọc...*”.

☛ Có cần phải bình luận dài dòng? Các ông bộ trưởng hữu quan đã xử lý thế nào về hành động vô văn hoá nói trên của những “lãnh đạo thư viện” kiểu này? Rất tiếc, theo những gì người ta biết được về sự “lãnh đạo” của Đảng cộng sản trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, người đánh máy có cảm tưởng như mình đang đặt một câu hỏi cho cái đầu gối! Hy vọng (không hảo huyền?) sớm có thông tin phủ nhận cảm giác xấu đó...

ĐÊ HÀ NỘI TRƯỚC CƠN LŨ NHÀ Ở

Con đê Yên Phụ - Nhật Tân, ra đời làm nhiệm vụ ngăn dòng nước sông Hồng vào thủ đô Hà Nội (vốn nằm thấp hơn cả mực nước sông), đang bị vi phạm hết sức thô bạo. Hàng ngàn công trình đang xây xé con đê làm cho nó trở nên mong manh, đe dọa đến cuộc sống con người khi mùa lũ đến.

Theo kết quả điều tra ban đầu của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, hiện trên hai đoạn đê Yên Phụ (Ba Đình) và Quảng An - Tú Liên - Nhật Tân (Từ Liêm) đã có tới 1 108 ngôi nhà và biệt thự được xây dựng với kích cỡ và hình dáng khác nhau. Còn theo thống kê của bộ thủy lợi, con số này lên tới 1 562! Ngoài ra còn tới 312 công trình phụ khác nữa. Người ta đã khoan vào thân con đê 440 bể nước ngầm, 194 giếng khoan.

Chưa hết, theo báo cáo của đoàn kiểm tra vi phạm pháp lệnh đê điều ở Ba Đình, các chủ công trình đã đào trong chân đê, hành lang đê để xây dựng công trình ngầm, tổng số lên tới 506, 57 m³. Đê bị “băm vằm, xâu xé” thật thảm hại. Kết quả là, vừa qua, tại đoạn miếu Hai Cô đã sập một tổ mối với thể tích 300 m³. Tại đoạn vùng Hồ Tây, có mạch sủi trên diện tích rộng.

Theo các chuyên gia bộ thủy lợi, hiện đang có hiện tượng lún không đều giữa các nhà cao tầng và thấp tầng dẫn đến nứt ở khoảng trống giữa hai nhà gần nhau; thân đê có những vết nứt và khả năng gây ra đường nước rò từ phía sông vào khi có lũ cao là hoàn toàn thực tế. Còn theo ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương thì chân đê và mái đê hoàn toàn bị các vật kiến trúc che khuất, rất khó phát hiện những diễn biến hư hỏng của đê; khi đê có sự cố, không thể nào tổ chức ứng cứu được kịp thời.(...)

Các cơ quan có thẩm quyền trong quản lý xây dựng cũng “góp phần” làm cho kỷ cương phép nước bị vi phạm. Ở đoạn Nghi Tàm, có đến 70 hộ được cấp giấy phép xây dựng, đóng dấu, ký tên người có thẩm quyền thuộc các cơ quan nhà nước. Đại diện kiến trúc sư trưởng thành phố Hà Nội tại quận Ba Đình đã cấp giấy phép (ngày 26-5-1994) cho một chủ hộ xây dựng một nhà biệt thự năm tầng ở đê Yên Phụ. Kỳ lạ hơn nữa, ông Trịnh Hồng Triển – phó kiến trúc sư trưởng thành phố Hà Nội – còn ký giấy cho một hộ ở đê Yên Phụ đào chân đê sâu 40 m để xây bể phốt bằng xi măng! Có thể kể thêm vô khối những trường hợp tương tự...

Phó thủ tướng Trần Đức Lương coi đây là “*một sự việc khá điển hình về thực trạng pháp luật của nhà nước bị công nhiên vi phạm: hệ thống hành pháp nhà nước bất lực trong suốt một thời gian dài; người công nhiên coi thường kỷ cương phép nước rất đông, đủ mọi thành phần...Vi phạm luật pháp ở đây không phải là chỉ pháp lệnh bảo vệ đê điều mà còn về đất đai, xây dựng quản lý đô thị...*”

Hà Nội hiện đang đứng trước sự lựa chọn: hoặc là triệt để giải tỏa 1 562 công trình xây dựng để con đê làm được chức năng ngăn cản dòng nước sông Hồng mùa lũ lớn, bảo vệ cuộc sống bình yên không chỉ của hơn hai triệu người ở thủ đô Hà Nội mà còn của cả nhân dân các tỉnh lân cận; hoặc là cứ “*trống giong cờ mở*” cứ “*ra quân*” và cuối cùng lại xử phạt hành chính và cho tồn tại, để rồi có ngày nào đó kết quả sẽ khó lường trước được. (Lê Thọ Bình, Tuổi Trẻ, ngày 29.12 1994)

☛ Trong một bài khác cũng ngày trên tờ Thời báo kinh tế Việt Nam, nhà báo Xuân Bình đã nhắc lại “*Từ khi có công văn 3877/TT-BC của thủ tướng chính phủ ngày 13.7.1994 đến nay, thành phố Hà Nội, bộ Thủy lợi và ngay cả văn phòng chính phủ đã họp hơn mười cuộc để bàn giải pháp chống nạn xâm lấn... đê*”, và nêu các giải pháp, nhưng...Vấn đề hiển nhiên là phức tạp và các giải pháp đều tốn kém, song còn chờ đợi bao nhiêu cuộc họp nữa mới mong được giải quyết. Không lẽ sau một cuộc vỡ đê?

Thoả thuận Việt - Đức

Chính phủ Đức đã thông qua một thoả ước với Việt Nam, theo đó Hà Nội chấp nhận chương trình đưa 40 000 người Việt Nam hiện ở Đức về nước, 20 000 trước năm 1988 số còn lại trước năm 2000. Thoả thuận do hai thủ tướng Đức Bernd Schimdbauer (phủ thủ tướng) và Werner Hoyer (ngoại giao) thương lượng với Việt Nam và được ký kết tại Thành phố HCM ngày 6.1 vừa qua. Chi tiết của thoả thuận sẽ được công bố cuối tháng hai, đầu tháng ba, nhưng người ta đã được biết từ lâu chính phủ Đức muốn đưa về Việt Nam khoảng 10 000 người lao động ở Đông Đức cũ đã hết hạn hợp đồng và hầu hết những người Việt từ các nước khối xã hội chủ nghĩa cũ chạy sang Đức sau năm 1989 nhưng không được chính phủ Đức công nhận quy chế người tị nạn. Theo ông Schimdbauer, hiện có 96 659 người Việt Nam đang ở Đức, trong đó có 57 250 người được giấy cư trú chính thức.

Trước báo chí Đức, thủ tướng Schimdbauer đã trình bày thoả thuận như một phần của một hiệp ước song phương Đức - Việt, theo đó Đức cam kết thực hiện những dự án viện trợ bị hoãn vì bất đồng trong vấn đề này, đồng thời sẽ thúc đẩy mạnh các dự án đầu tư của doanh nghiệp Đức vào Việt Nam. Bonn cũng sẽ viện trợ cho Việt Nam 200 triệu Đức mã (130 triệu đôla) trong hai năm 1995, 1996, kể cả phần viện trợ tái định cư cho những người hồi hương. Ông Schimdbauer cũng cho biết, một viện Goethe, trung tâm truyền bá văn hoá Đức, sẽ được thành lập tại Hà Nội trong năm 1995. Mặt khác, sau khi đạt được thoả thuận, thủ tướng Đức Helmut Kohl đã nhận lời mời đi thăm Việt Nam trong năm 1995, tuy nhiên thời điểm cụ thể của chuyến đi chưa được công bố. (Reuter 8.1, AFP 11 và 18.1.1995)

Cam Bốt - Việt Nam : thương lượng

Hoàng thân Norodom Ranariddh, đồng thủ tướng Cam Bốt dẫn đầu một đoàn đại biểu chính phủ Cam Bốt gồm nhiều quan chức, trong đó có 8 bộ trưởng như ngoại giao, giáo dục, thương mại và nông nghiệp..., đã tới thăm chính thức Việt Nam ba ngày, từ chủ nhật 15.1.1995. Ngay sáng hôm sau, ông đã cùng thủ tướng Võ Văn Kiệt hội đàm riêng suốt ba tiếng đồng hồ, trước khi hội kiến với chủ tịch Lê Đức Anh và tổng bí thư Đỗ Mười. Theo ông Lê Minh Nghĩa, chủ tịch Tiểu ban biên giới của Việt Nam, người liên quan trực tiếp nhất tới một vấn đề lớn đang đặt ra trong quan hệ giữa hai nước, hai thủ tướng đã “ thảo luận về đủ mọi vấn đề ” nhưng “ không đề cập tới vấn đề cụ thể nào ”. Tuy nhiên, ông nói tiếp, “ hai bên đã thoả thuận có những buổi làm việc ở cấp chuyên viên để giải quyết cụ thể (các vấn đề biên giới) ”.

Trong buổi gặp báo chí, thủ tướng Norodom Ranariddh đã xác nhận là hai bên đã hiểu nhau hơn về vấn đề kiều dân (Việt Nam ở Cam Bốt), và đã thoả thuận hợp tác trên các lĩnh vực văn hoá, khoa học, nông nghiệp và trên một số vấn đề ngoại giao. Ông đã nhắc lại bảo đảm của chính phủ Cam Bốt rằng đạo luật về ngoại kiều vừa qua của Cam Bốt không nhắm vào kiều dân Việt Nam, và sẽ không có sự trục xuất hàng loạt người nước ngoài. Theo ông, chuyến đi và những cuộc hội đàm đã thành công, “ nếu không nói là thành công lớn ”. Sau khi chuyển lời của vua Norodom Sihanouk mời

chủ tịch Lê Đức Anh đi thăm lại Cam Bốt, thủ tướng Ranariddh cũng đã mời thủ tướng Võ Văn Kiệt sang thăm Phnom Penh. (AFP 15-18.1.1995)

Bộ trưởng tài chính Anh thăm Hà Nội

Tiếp theo chuyến đi thăm “ lịch sử ” của ngoại trưởng Douglas Hurd tháng 9.1994 (xem Diễn Đàn số 34), bộ trưởng tài chính Anh Kenneth Clarke đã dẫn đầu một phái đoàn tài chính cao cấp tới thăm Hà Nội trong hai ngày 11 và 12.1 vừa qua. Cùng đi với ông có 9 nhà lãnh đạo khu vực thị trường tài chính, bảo hiểm và ngân hàng Anh. Với tiếng tăm của Thị trường chứng khoán Luân Đôn, rõ ràng Anh muốn tích cực tham gia vào việc hình thành những thị trường tài chính đầu tiên ở Việt Nam, kể cả một thị trường chứng khoán dự tính được mở ra cuối năm nay, đầu năm tới. Các nhà ngoại giao Anh ở Hà Nội nhấn mạnh “ chúng tôi có tất cả khả năng và kinh nghiệm trong ngành này ”. Tại Hà Nội, ông Clarke đã làm việc với thủ tướng Võ Văn Kiệt, bộ trưởng tài chính Hồ Tế, thống đốc ngân hàng quốc gia Cao Sỹ Kiêm và chủ nhiệm uỷ ban kế hoạch nhà nước Đỗ Quốc Sam và đã khai mạc trụ sở công ty bảo hiểm Prudential Insurance. Trước khi bay vào Thành phố HCM ngày hôm sau, ông cũng đã nói chuyện tại câu lạc bộ các nhà kinh doanh ngân hàng nói tiếng Anh tại Hà Nội. Cho tới nay, các doanh nghiệp Anh đã đầu tư 344,6 triệu đôla vào Việt Nam, chủ yếu trong các lĩnh vực dầu khí, giao thông, xây dựng, điện và hàng không. (AFP 10-12.1.1995)

Mỹ - Việt : mở hay không mở ?

Theo các nhà ngoại giao Việt Nam và Mỹ (qua tuyên bố của thủ trưởng ngoại giao phụ trách châu Á Winston Lord), các vấn đề kỹ thuật chung quanh việc trao trả tài sản của hai bên bị ngưng đọng sau chiến tranh đã được giải quyết, và có nhiều triển vọng hai nước sẽ mở phòng liên lạc trong khoảng cuối tháng 1. Một thoả thuận về việc trao đổi các trụ sở ngoại giao cũng đã được thông qua tháng 12.94.

Tuy nhiên, một vở kịch cũ lại được đem ra tái diễn, như những lần trước khi chính quyền Clinton quyết định bãi bỏ lệnh cấm vận. Một tác giả Mỹ, ông Malcom McConnell, vừa tung ra một quyển sách “ dựa trên lời chứng của một nhân viên tình báo cũ của Mỹ tại Hà Nội và một trung tá quân đội nhân dân ”, tố cáo Hà Nội đã “ tra tấn đến chết hàng trăm tù nhân Mỹ trong những năm 1966-72 ”. Dĩ nhiên, người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam đã lên tiếng hoàn toàn bác bỏ những lời buộc tội “ hoàn toàn bịa đặt ” này. (AFP 12 và 19.1.1995)

Lại bắt hai hoà thượng ?

Các tổ chức hoạt động về nhân quyền Amnesty International và Human Rights Watch/Asia đã chính thức lên tiếng ngày 11.1.1995 phản đối chính quyền Việt Nam đã bắt giữ các hoà thượng Thích Huyền Quang (ngày 29.12.1994) và Thích Quảng Độ (ngày 4.1.1995). HT Huyền Quang bị bắt ở Quảng Ngãi, tại chùa Hội Phước, hai ngày sau khi ông bắt đầu một cuộc tuyệt thực để phản đối việc chính quyền bắt giữ một số phật tử và tăng cường lực lượng an ninh quanh chùa.

Những thông tin nói trên đã được một tổ chức Phật giáo hải ngoại đưa ra từ Paris một tuần trước đó. Một người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam lên tiếng ngày 5.1.1995 đã lên án tổ chức nói trên là chuyên xuyên tạc tin tức, nhưng lại không phủ nhận các tin trên – mà chỉ nói là ông không có tin gì về việc này.

Tuy nhiên, những xô xát trong dư luận Phật giáo được báo chí gián tiếp thừa nhận khi đăng tải lời than van của Hoà thượng Thích Trí Tịnh, thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, về “những hoạt động bất thường” của một số tăng sĩ. Hoà thượng Trí Tịnh đã phát biểu điều này trong buổi thủ tướng Võ Văn Kiệt tiếp các nhà lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhân dịp năm mới. Hơn mười ngày sau, người phát ngôn của bộ ngoại giao Hà Nội đã xác nhận hoà thượng Thích Quảng Độ bị “*tạm giữ vì phá rối trật tự công cộng*”, song đã phủ nhận tin bắt hoà thượng Huyền Quang. Theo bà, hoà thượng Huyền Quang “*chỉ phải dời sang chùa khác, theo yêu cầu của giới tăng ni địa phương*”, và hiện đang ở tại huyện Nghĩa Anh, tỉnh Quảng Ngãi. (AFP 5, 7, 11 và 19.1.1995)

Tốt nghiệp đại học vẫn phải đi học trung học...

Báo Lao Động ngày 20.12. 1995 đã đăng mẫu tin từ Quảng Trị như sau :

Đợt tuyển sinh vào khóa học 1994 - 1995 mới đây của Trường trung học sư phạm Quảng Trị đã xuất hiện những trường hợp thi tuyển hi hữu. Đó là việc các thí sinh Nguyễn Văn Sửu, từng tốt nghiệp đại học nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn thị Nga, từng tốt nghiệp trung cấp kỹ thuật truyền thanh, vẫn dự thi và dĩ nhiên trúng tuyển vào học trường trung học sư phạm của tỉnh.

Nguyên nhân của những trường hợp trái khoáy này là do các sinh viên tốt nghiệp ra trường không được phân công tác và không tìm được việc làm thỏa đáng theo đúng chuyên môn đào tạo.

TIN NGẮN

✓ Theo tuần báo Vietnam Investment Review, trong tháng 12.94 bộ trưởng y tế Nguyễn Trọng Nhân đã ký một sắc lệnh cho phép các nhà đầu tư nước ngoài mở bệnh viện hoặc đầu tư vào các bệnh viện tư ở Việt Nam.

✓ Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam đã viết thư cho tân chủ tịch Ủy ban nhân dân Hà Nội bày tỏ mối lo ngại về sự phá huỷ bộ mặt văn hoá và truyền thống của thành phố vì những xây dựng hàng loạt khách sạn và các toà nhà lớn dành cho kinh doanh. Theo bức thư, khu vực bị đe dọa nhất là khu Hồ Tây, đang có nguy cơ biến thành “*Hồ của Tây*”.

✓ Một vụ lừa đảo lên đến 200 tỷ đồng đang làm chao đảo giới kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh. Thủ phạm, giám đốc công ty Quyết Thắng Trần Xuân Hoa đã bỏ trốn.

✓ Toà án Thành phố Hồ Chí Minh, đầu tháng giêng vừa qua, đã tuyên phạt phó chánh án tòa án hình sự thành phố, ông Lê Quang Vinh, 10 năm tù giam về hai tội “*lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa*” và “*lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân*”.

✓ Theo một điều tra của bộ nội vụ, nạn mại dâm đang thâm nhập mạnh vào giới học sinh, sinh viên. Tại Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 3 000 người mại dâm, Hà Nội có hơn 5 000 người mại dâm là học sinh, sinh viên.

✓ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định thu hồi hai ngôi nhà mà giám đốc sở nhà đất thành phố Lê Thanh Hải (đang bị khởi tố) đã cấp giấy sở hữu cho ông Nguyễn Hữu Khương, giám đốc sở công an thành phố. Quyết định của chính quyền thành phố có nghĩa là việc lợi dụng chức quyền để chiếm hữu tài sản nhà nước, trong trường hợp này, sẽ không được đưa ra ánh sáng công lý.

✓ Tính đến cuối năm 1994, Việt Nam đã phát hiện 2 257 người bị nhiễm HIV (tăng 100 % so với năm 1993), trong đó có 131 bệnh nhân AIDS và 49 ca tử vong. Theo thống kê của Ủy ban quốc gia phòng chống AIDS, 78 % những người bị nhiễm HIV thuộc đối tượng nghiện chích ma túy, 4,3 % là người mại dâm, 2,3 % là bệnh nhân hoa liễu, 1 % là người hời hướng, 1 % là người cho máu.

✓ Theo Ủy ban quốc gia chống mù chữ, tính đến cuối năm 1993, tại 16 tỉnh và thành phố phía Nam, còn nửa triệu người lớn (15 - 35 tuổi) mù chữ và gần nửa triệu trẻ em (6 - 14 tuổi) thất học, trong đó cao nhất là tỉnh An Giang với 48,8 % trẻ em thất học.

✓ Tổng số vốn của dự án phát triển giáo dục trung học do Ngân hàng phát triển châu Á tài trợ sẽ là 42 triệu đô la, gồm 22 triệu cho khu vực phổ thông và 20 triệu cho khu vực chuyên nghiệp. Dự án sẽ khởi động năm 1996 và sẽ tập trung nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị trường lớp, đồng thời cải tiến nội dung chương trình giảng dạy ở bậc trung học.

✓ Khởi công năm 1995, dự án phát triển giáo dục tiểu học (70 triệu đô la do Ngân hàng Thế giới tài trợ) đang gọi đấu thầu quốc tế về in ấn sách giáo khoa ; và gọi đấu thầu trong nước về xây dựng trường lớp.

✓ Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ của bộ giao thông vận tải, số tai nạn giao thông xảy ra trong năm 1994 lên đến 13 857 vụ (tăng 12,4 % so với năm 1993), làm chết 4 872 người (tăng 8,4 %), làm 1 325 người bị thương (tăng 10,3 %).

✓ Tuần báo Công an Nhân dân số ra ngày 21.12.1994 đã đăng lại thống kê của bộ nội vụ cho biết, trong ba năm qua khoảng 6 000 người đã tự tử chết. Hơn 2/3 những trường hợp tự tử là thanh niên dưới 30 tuổi, nhất là phụ nữ. Trong các thành phần xã hội, nông dân là thành phần có nhiều trường hợp tự tử nhất.

✓ Thành phố Hồ Chí Minh đang phục chế lại theo nguyên bản nhà trụ sở Ủy ban nhân dân (kinh phí 1,3 tỷ đồng) đồng thời xây dựng lại đường Nguyễn Huệ thành trục đường đi bộ (kinh phí 3,5 tỷ đồng).

✓ Theo số liệu của Viện dinh dưỡng, số hộ nông dân thiếu đói lúc giáp hạt lên đến 2, 2 triệu người, trong đó miền Bắc và miền Trung chiếm 60 %. Ở nông thôn miền núi, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng khoảng 45 - 50 %.

✓ Thống kê của năm 1994 cho biết 71 % các hộ ở Thành phố Hồ Chí Minh có tivi, 61 % có radio cassette, 33 % có video, 24 % có tủ lạnh, 63 % có xe gắn máy, 2 % có xe hơi.

✓ Chủ tàu Neptune Aries (Singapore) đã chấp nhận bồi thường 4,2 triệu đô la những thiệt hại môi trường và kinh tế dân cư của “ thủy triều đen ” do tàu gây ra trên sông Sài Gòn. Ngoài ra chủ tàu còn bồi thường công ty Sài Gòn Petro 2,550 triệu đô la thiệt hại vật chất và kinh doanh của cảng Cát Lái.

✓ Tiếp theo lệnh cấm đốt pháo từ đầu năm 1995, công an Hà Nội đã tịch thu và huỷ bỏ 4,5 tấn pháo, xử lý 70 vụ buôn lậu pháo vào thành phố. Chính quyền TP HCM cũng cho biết sẽ huỷ bỏ các kho pháo trước ngày Tết.

✓ Tỉnh Quảng Trị đang chuẩn bị xây dựng cảng Cửa Việt (vốn đầu tư 30 tỉ đồng) để nối liền với khu thương mại tự do Việt - Lào và con đường liên Á trong tương lai.

✓ Công trình xây dựng đường điện quốc gia từ Sơn La đi Sầm Nưa (Lào) sẽ được khởi công đầu năm nay. Đường dây sẽ cho phép Việt Nam bán điện sang Lào.

✓ Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội đã đi vào hoạt động với vốn điều lệ ban đầu là 20 tỉ đồng. Tổng giám đốc ngân hàng, đại tá Lê Quang Phú, cho biết quân đội hiện có trên 300 doanh nghiệp với tổng doanh số năm 1994 là 2 000 tỉ đồng.

✓ Chính phủ Mỹ đã thông báo một thay đổi quan trọng trong chương trình HO : từ đầu tháng 2 năm 1995, cơ quan di trú của Mỹ chỉ nhận phỏng vấn chồng, vợ và các con dưới 21 tuổi, chưa lập gia đình và còn sống phụ thuộc cha mẹ (các con trên 21 tuổi dù còn độc thân vẫn không được xét đơn). Hiện có khoảng 60 000 người Việt Nam nộp đơn xuất cảnh theo diện HO chưa được Mỹ phỏng vấn (tỷ lệ từ chối sau phỏng vấn đã tăng lên 48 % trong những tháng gần đây). Riêng về chương trình đoàn tụ gia đình ODP, còn 50 000 người chưa được phỏng vấn. Chính phủ Mỹ chỉ cam kết nhận những trường hợp con lai có đủ tiêu chuẩn.

✓ Những trường hợp tham nhũng được ghi nhận ở Hà Nội trong năm 1994 đã tăng 47 % so với năm trước, liên quan tới 70 công chức và 88 người lãnh đạo các doanh nghiệp nhà nước. Trong khi đó, ở Thành phố HCM, một cuộc sơ kết cho biết thành phố bị thiệt hại ít nhất là 5 triệu đôla trong năm qua vì tham nhũng.

✓ Ban tổ chức những “ ngày lễ lịch sử trong năm 1995 ” đã được thành lập, bao gồm 16 viên chức cao cấp và do bộ trưởng văn hoá Trần Hoàn làm trưởng ban. Trần Hoàn, nguyên nhạc sĩ (Sơn nữ ca...) nổi tiếng là một trong những đầu óc thủ cựu nhất trong giới văn nghệ sĩ Hà Nội.

✓ Công ty xây dựng cầu Thăng Long đã cùng với công ty Pháp Fressynet khởi công xây dựng một cây cầu dài 746 mét, rộng 12 mét bắc qua sông Gianh, trên quốc lộ số 1. Phí tổn công trình ước tính 20 triệu đôla, trong đó chính phủ Pháp hỗ trợ 5 triệu đôla.

✓ Một lớp học Anh văn đầu tiên dành riêng cho công chức cao cấp đã được mở ra tại Hà Nội. Theo học có gần 40 thứ trưởng và vụ trưởng. Khoá học kéo dài một năm, và sau đó những người tốt nghiệp trên nguyên tắc phải đủ sức sử dụng tiếng Anh để làm việc thẳng với người nước ngoài. Theo chỉ thị của thủ tướng, tới cuối năm 1997, toàn bộ quan chức cấp thứ trưởng và vụ trưởng phải sử dụng được ít nhất một ngoại

ngữ. Hiện nay, một số khá lớn công chức cao cấp của Việt Nam là những người đã đi học ở Nga và Đông Âu về.

✓ Theo một báo cáo của bộ Lao Động, trong năm 1994 có khoảng 10 000 người Việt Nam đã ký hợp đồng đi lao động ở nước ngoài, phần lớn là ở các nước châu Á và Trung Cận Đông. Nhiều bác sĩ, y tá Việt Nam đã đi Koweit, Qatar và Yemen. Nhật, Hàn Quốc, Malaixia, Liban, Libye tuyển nhiều lao động trong các ngành nghề như may mặc, điện tử và xây dựng.

✓ Trong năm 1994, Hàng không Việt Nam đã chở 1,67 triệu khách (tăng 54,5 % so với năm 1993) trên 23 000 chuyến bay nội địa. Gần 700 000 khách là người nước ngoài, với vé bay đắt hơn vé của người trong nước. Mặc dầu có sự cạnh tranh của hãng Pacific Airlines, Hàng không Việt Nam đã thu lãi gần 21 triệu đôla. Hơn một nửa trong số 27 chiếc máy bay của công ty là những máy bay Mỹ và Tây Âu (Boeing, Airbus và ATR).

✓ Căn cứ Long Bình (Biên Hoà) của quân đội Mỹ trước 1975, rộng 100 ha, cách Sài Gòn 30 km, sẽ được xây dựng thành một khu công nghiệp chế biến với sự tham gia (70 %) của công ty Thái Lan Bangpakong Industrial Zone Development Ltd. Doanh nghiệp đặt tại đây sẽ được hưởng ít ưu đãi thuế khoá hơn ở các khu chế xuất, nhưng được sản xuất hàng hoá tiêu thụ trong nước.

✓ Theo những chuyên viên của Ngân hàng Quốc gia, những luật lệ chi li bất hợp lý cộng với sự yếu kém trong công tác kế hoạch là các lý do chính khiến cho mới có 10,5 % trên tổng số 3,82 tỉ đôla tiền viện trợ của nước ngoài và của các định chế tài chính quốc tế được triển khai.

✓ Sân golf Thủ Đức đã khánh thành một cung đoạn đầu, rộng 300 ha (trên diện tích tổng cộng 750 ha của cả công trình). Khách cá nhân của sân phải đóng tiền vào câu lạc bộ 35 000 đôla/năm, các công ty gia nhập câu lạc bộ đóng 74 000 đôla/năm. Sự chống đối của những người quan tâm đến môi trường như vậy đã không ngăn cản được nạn phá rừng để làm sân golf.

✓ Chính phủ Việt Nam đã quyết định giảm giá thuê đất khoảng 25 % để đáp ứng một yêu cầu của nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Giá mới, tùy theo vùng, được qui định từ 1,13 đôla/mét vuông/năm tới 13,6 đôla. Những giá thấp được dành cho các công trình đầu tư trong những lãnh vực như xây dựng cơ sở hạ tầng, cầu, cảng, đường sá...

✓ Thị trường bảo hiểm ở Việt Nam không còn là độc quyền của công ty quốc doanh Bảo Việt. Hai công ty Việt Nam ngoài Bảo Việt và hơn 10 công ty nước ngoài khác (công ty Anh Prudential Insurance, các công ty Pháp AGF, UAP, công ty Nhật Tokyo Marine and Fire...) sẽ bắt đầu hoạt động trong năm nay.

✓ Tổ hợp Hàn quốc Daewoo đã khánh thành một nhà máy lắp ráp xe hơi ở ngoại thành Hà Nội với công suất 20 000 xe con và 1 000 xe khách mỗi năm. Daewoo đã có 9 cuộc đầu tư vào Việt Nam trong nhiều lĩnh vực, trị giá 450 triệu đôla, trong đó 250 triệu đã được triển khai, dự tính sẽ đầu tư tổng cộng khoảng 1 tỉ đôla, chiếm địa vị số một trong những công ty nước ngoài có vốn đầu tư vào Việt Nam.

Một người bạn hiếm

Trần Đạo

« *Mình đã gần năm mươi tuổi, còn sống được chẳng bao nhiêu năm. Nhiều hay ít, phải sống cho ra người* ». Hương nói với tôi như thế. Khi chị cười, chị tươi rói, lông lẩy. Khi chị không cười, gương mặt chị đầy nghị lực, phẳng phất buồn và cô đơn.

Có lẽ vì thế, trong môi trường Việt Nam, một hành động tầm thường của Dương Thu Hương như đi Pháp thăm gia đình, bè bạn, gặp độc giả, tìm mối đầu tư cho phim *Mộng Du*, cũng khơi nhiều xáo động, nhiều ý nghĩa, nhiều giá trị.

Đầu những năm 80, Dương Thu Hương có cơ hội để đi Mỹ sống một cuộc sống ấm áp, sung túc : chị từ chối, lựa chọn sống và tranh đấu tại quê hương. Đã 16 lần chị được mời dự sinh hoạt ở các nước Tây Âu. Một mặt, chị không ưa xin xỏ thể thống hành, mặt khác, chị cũng không có nhu cầu đi. Do đó, chị chưa bao giờ đi. Năm nay, chị muốn đi một chuyến xem sao, chị đòi cái quyền công dân của chị. Chuyện bình thường ấy, nhiều nhà văn Việt Nam khao khát thực hiện, nhưng hồ sơ cứ loanh quanh trong các bộ, các cơ quan. Riêng đối với Dương Thu Hương, phải giải quyết nơi bộ chính trị. Chính vì chị công khai đòi quyền công dân của mình mà cuối cùng, chị được cấp hộ chiếu, chẳng cần đổi chác bất cứ gì.

Điều nổi bật trong chuyến Tây du của Dương Thu Hương ở Pháp là sự tin cậy, triu mến của bạn bè, công chúng, Việt Nam và ngoại quốc. Trong suốt thời gian năm tháng, cần gì, thích gì, chị đều sẵn có người muốn lo cho.

Tuần đầu, chị vui sum họp gia đình ở Bretagne. Tuần sau, và tới khi về, chị đi thắng cảnh Paris với bạn, xem điện đài, bảo tàng, nghe nhạc, xem phim, thăm những khu phố xinh đẹp, kín đáo của thành phố, nếm các món ăn tứ xứ. Tuần thứ ba, chị viếng bờ biển Địa Trung Hải, thăm bảo tàng Maeght, ngắm tượng của Giacometti, tranh của Braque. Rồi thăm núi Jura, vui chơi, chuyện trò ở một làng hẻo lánh với một nhà xuất bản và một số nhà văn Pháp và Thụy Sĩ. Trở về Paris, chị có chỗ ở độc lập, không gian riêng của mình, giữa đảo Saint Louis cạnh nhà thờ Notre Dame, và luôn luôn có bè bạn, nhà văn, trí thức Việt Nam và ngoại quốc quây quần, mời đến nhà, đi xem Opéra, đi nghe Đặng Thái Sơn đánh piano... Nhà toán học Laurent Schwartz, tuy đã hơn 80 tuổi, không ngại dự hai buổi sinh hoạt với chị. Các nhà báo Pháp, Anh, Thụy Điển, Hà Lan, Mỹ... tìm chị phỏng vấn. Hội Société des Gens de Lettres tiếp đón chị tại Maison des Ecrivains. Bè bạn, độc giả, nhà văn, tới chật kín cả hai phòng để đàm luận với chị. Hiếm có một buổi ký sách hào hứng và thành công như thế ở đó. Hai buổi gặp độc giả Mỹ tại các tiệm sách Brentano's và Village Voice đều tốt đẹp như thế. Chủ tiệm Brentano's đặt mua cấp tốc bản tiếng Anh truyện *Những Thiên Đường Mùa từ Mỹ* mang qua. Chỉ một buổi cuối chiều, bán sạch. Chị thăm và chuyện trò với Việt Kiều ở Lyon, Grenoble, ở Paris tại đại học Paris 7. Buổi nào cũng chật ních và hào hứng. Tại Aix en Provence, các giáo sư, sinh viên, và kiều bào cũng đến chật giảng đường dự buổi bàn tròn về văn học Việt Nam. Đài France Culture, mục văn chương nổi tiếng *Les nuits magnétiques* phát thanh một chương trình một giờ chung quanh con người và tác phẩm của Dương Thu Hương. Báo *Le Nouvel Observateur* mời chị thảo luận với năm nhà văn Jorge Semprun (Tây Ban Nha), Mario Vargas Llosa (Pérou), Wole Soyinka (Nobel văn chương, Nigéria), Allen Ginsberg (Mỹ) và Jean

Daniel (Pháp) tại khách sạn Ritz, và chiêu đãi chị cùng với hàng trăm nhà văn và trí thức các nước ngay trong điện Louvre. Sau cuộc thảo luận, Jorge Semprun nắm tay chị : « *Merci d'avoir survécu et d'avoir écrit* » (Cảm ơn bà đã sống sót và đã viết văn). Festival des 3 Continents mời chị đến ở thành phố Nantes suốt một tuần để xem phim Á, Phi, châu Mỹ La tinh. Chị dự buổi gặp gỡ ủng hộ Talisma Nasreen tại Không gian Cardin trên đại lộ Champs Elysées. Bạn bè ở Ý và Bỉ cũng mời chị sang chơi. Giám đốc văn học của nhà xuất bản Mỹ William Morrow lấy máy bay từ New York qua Paris để gặp và ăn cơm Việt Nam với chị.

Có lẽ chưa có nhà văn Việt Nam nào thăm Pháp mà được nhiều người quý trọng, triu mến, thiết tha như Dương Thu Hương.

Một điều nổi bật nữa ở Dương Thu Hương là tính công khai trong cuộc sống, hành động, lời nói. Nghe tin chị qua Pháp, nhiều người ngạc nhiên, có người nghĩ chị đã thỏa hiệp với chính quyền nên được phép đi. Câu chuyện vừa đơn giản vừa quyết liệt hơn : chị cương quyết đòi quyền công dân của mình, sẵn sàng đấu tranh công khai cho nó. Thế là được đi. Gặp bạn bè, nhà báo, độc giả, chị luôn trình bày thẳng thắn quan điểm, ý nghĩ trung thực của mình, không hề vượt đuôi ai. Khi Bộ Văn hoá Pháp gợi ý trao tặng danh hiệu *Chevalier des Arts et des Lettres*, chị nhận với nghi lễ công khai. Chị không hề chạy theo các thứ danh hiệu, danh vọng. Nhưng, là nhà văn bị o ép, không còn được đăng ở ngay trong nước mình, hiện có một tiểu thuyết chờ giấy phép xuất bản từ hơn ba năm nay, chị muốn chứng tỏ : chị vẫn có thể sống tự do vì chị sẵn sàng trả giá. Sau nhạc sĩ Nguyễn Thiên Đạo, giáo sư âm nhạc Trần Văn Khê, họa sĩ Lê Bá Đảng, bà Kim Lefèvre, chị là người Việt Nam thứ tư, và là nhà văn Việt Nam (trong nước) đầu tiên, được trao tặng danh hiệu đề cao sự đóng góp quý báu của một người nghệ sĩ cho văn học và nghệ thuật chung của nhân loại. Trong buổi sinh hoạt do các hội Hữu nghị Pháp-Việt và Bạn của Đông Nam Á, ngày 3-12-1994, tại viện bảo tàng Guimet, ông Cù Huy Cận, người vừa lên án (ở Việt Nam) việc trao tặng danh hiệu *Chevalier des Arts et des Lettres* cho Dương Thu Hương, khi đọc diễn văn về văn chương Việt Nam hiện đại, đã khéo lờ Bảo Ninh, nhưng không dám quên tên Dương Thu Hương ! Thế là hiểu đời, là khôn. Vặt.

Chuyện hồi hương của Dương Thu Hương cũng thú vị. Chị được giấy xuất cảnh 3 tháng. Vì công việc bề bộn, chị đánh fax về Việt Nam xin gia hạn thêm hai tháng. Dĩ nhiên, không có trả lời, chỉ có lời hăm dọa gia đình chị. Chị lại đánh fax yêu cầu Nhà nước làm việc nghiêm chỉnh, trả lời chị bằng công văn. Cuối cùng Nhà nước không trả lời, Đại Sứ và Lãnh Sự Việt Nam tại Pháp lẩn trốn. Chị liền công bố ngày về, chuyến bay của mình. Tới Nội Bài, họ khám xét 4 valy của chị trong 3 tiếng đồng hồ, giữ lại một caxét nhạc, một số báo *Croissance*, một lá thư của dịch giả Hà Lan đã dịch *Những Thiên Đường Mùa* và *Tiểu Thuyết Vô Đề !* Tội nghiệp. Chị tới Paris với 1 valy. Chị về Việt Nam mang thêm 3 valy đầy quà cho bạn, không mang quà cho chính mình.

« *Phải sống cho ra người* ». Tôi nhớ mãi lời của chị. Đi chơi nhiều với chị, tôi hiểu vì sao, tuy rất đơn độc, chị vẫn sống được cho ra người. Chị có mấy đặc tính ít khi gặp trong cùng một người : không biết ganh ghen, luôn luôn ngay thẳng, không có nhu cầu chinh phục người khác, cho được gì là cho, đặc biệt thủy chung với bạn, và tự giải phóng được mình khỏi sự sợ hãi. Một con người tự do. Một người bạn hiếm. ♡

Những tác phẩm của Dương Thu Hương xuất bản tại ngoại quốc

1. Chuyện tình kể trước lúc rạng đông : Pháp, Đức
2. Những Thiên Đường Mùa : Pháp, Đức, Mỹ, Nhật, Hà Lan, các nước Anh ngữ (Penguin Books)
3. Tiểu Thuyết Vô Đề : Pháp, Mỹ. Sắp ra : Đức, Hà Lan.

chân dung nhà văn PHÙNG QUÁN

Văn Xương

Tôi kết bạn với Phùng Quán cho đến tháng 7 năm nay là đúng 33 năm. Phùng Quán 63 tuổi, tôi 70 tuổi. Tôi không phải là bạn văn thơ với Quán, mà là bạn lính. Tôi ở mặt trận Thủ đô, Quán ở Trung đoàn Cổ đô.

Sau khi giải ngũ, tôi sinh sống bằng nghề câu cá. Ngày đó quốc doanh cá Hà Nội bán vé câu cá cho dân câu ở hồ Ha-le một vé 2 đồng câu suốt ngày. Những hôm gặp may có thể kiếm được từ 5 đến 7 đồng. Cá câu được tôi đem bán cho một bà có gánh cơm đầu ghế (bây giờ gọi là cơm bụi) ở góc chợ Hàng Bè.

Thỉnh thoảng tôi gặp một thanh niên trạc 27, 28 tuổi mặc quân phục bạc màu, gương mặt xanh xao, hốc hác, ánh mắt buồn rầu u uẩn. Anh ta thường mua một bát cơm cùng bát canh với vé lơ dăng như không biết mình đang ăn gì, rồi anh lẳng lặng bỏ đi... Tôi đoán lính phục viên như tôi, không gia đình, nhà cửa, không công ăn việc làm... không hiểu sao dáng vẻ và gương mặt u uất xanh xao của anh gây cho tôi một ấn tượng xót xa, thật nặng nề... và tôi tìm cách làm quen.

Ngạc nhiên khi được biết anh là Phùng Quán, tác giả tiểu thuyết nổi tiếng *Vượt Côn Đảo* mà tôi và đồng đội đã đọc một cách say mê.

Khi đã khá thân nhau, một hôm tôi hỏi Phùng Quán : " Cậu đã viết cái gì ở Nhân văn Giai phẩm mà báo chí, sách vở, bình luận phê phán ghê thế ? ". Quán đang vui, bỗng sa sầm nét mặt :

- Chuyện đã qua, nhắc lại làm gì anh !

- Nhưng thật sự cậu đã viết gì ? Tôi hỏi. Viết gì ?

Quán không muốn nói, song tôi cứ gạn hỏi, anh đành trả lời cho qua :

- Viết đọc hai bài thơ. Bài thứ nhất *Chống tham ô lãng phí* :

*Vi lẽ đó tôi quyết tâm rời bỏ
Những vần thơ bay bướm, đầy hoa
Những vần thơ như giấy trang kim vàng mã
Dán lên quân trang dẫm mồ hôi và máu tươi*
cách mạng

*Như công thần
Tôi muốn đúc thơ tôi thành đạn !*

*Bắn vào tim những kẻ làm càn
Những kẻ tiêu máu dân như tiêu bạc giả ! (...)
Trung ương Đảng ơi ! Bọn chuột nhắt mắt người
chưa hết*

*Đảng cần lập những đội quân tiêu diệt
Có tôi đi trong hàng ngũ tiên phong.*

Bài thứ hai là *Lời mẹ dặn* đăng trên tuần báo Văn :

*Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu...*

Tôi nói :

- Mình nhớ ra rồi. Vào cuối năm 1957, báo Nhân Dân có đăng bài thơ *Lời Mẹ Dặn có phải là bài thơ Chân thật* ký tên là Trúc Chi có phải là để chống bài thơ của Quán không ?

Phùng Quán lẳng lặng rút trong túi áo ra bài thơ cất ở báo Nhân Dân, chìa ra trước mặt tôi : " Bài thơ này chú gì ?... đã bao năm nay tôi vẫn giữ nó luôn trong ngực áo... và tôi sẽ giữ nó cho đến lúc chết ! ". Rồi Quán đọc to một đoạn cuối bài thơ...

Tôi hỏi :

- Nhưng Trúc Chi là cậu nào thế ?

- Lúc đầu, tôi cứ tưởng là tay Trúc Chi làm thơ, dạy học ở Hải Phòng, người khu Năm, cùng trạc tuổi tôi. Tôi liền phóng ngay về Hải Phòng, gọi hẳn ra, giở bài báo vào mũi hẳn : " Cùng là dân làm thơ với nhau, sao cậu lại có thể chửi rủa tố với cái giọng hạ cấp đến thế ? ". Đọc xong bài thơ, anh ta lộ vẻ sửng sốt nói : " Bài thơ này không phải của tôi. Tác giả trùng tên với tôi thôi ! ".

Cặp mắt Quán loé ánh giận dữ, ánh mắt quen thuộc của bọn lính chúng tôi khi quyết định lao vào một trận đánh liều lĩnh, bất cần đời.

Một hôm trời lạnh căm căm, chúng tôi rủ nhau vào quán nước ven đường, dốc cạn túi mua " rượu chui " uống cho ấm người. Chủ quán hỏi khách hàng : " Anh uống nước đỏ hay nước trắng ? " — nước trắng là rượu. Chuyện đang vui, gương mặt Quán bỗng trở nên u uất. Cậu ta uống một lúc liền ba chén. Không ngẩng mặt lên, mắt dăm dăm nhìn chén rượu uống dở : « Thế mà tôi đã bước vào tuổi ba mươi... Tam thập nhi lập... lập... ! Tôi mất quyền

Ban biên tập Diễn Đàn đau buồn báo tin cùng bạn bè xa gần

nhà văn Phùng Quán

đã từ trần ngày 22 tháng 1 năm 1995 tại Hà Nội, thọ 63 tuổi.

được xuất bản tác phẩm, mất người yêu... Mỗi tình đầu và có lẽ là mỗi tình cuối cùng của đời tôi. Bây giờ, tôi không nhà không cửa, tứ cố vô thân... *Ôten đờ la hiên...* *Ôten đờ la ga* là nơi tạm trú chính của tôi. Hội Văn nghệ trợ cấp cho tôi mỗi tháng 27 đồng. Mười ngày ăn cơm đầu ghế là nhận túi... Tôi hỏi anh... đến nước này thì còn sống mà làm gì?... Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, nếu tôi chết thì ai sẽ minh oan cho tôi? Tôi quyết định phải làm xong được ba việc, mà không thể nhờ ai làm thay... thì có chết tôi mới chết... Việc thứ nhất: Phải tìm cho ra Trúc Chi là ai... Việc thứ hai: Tôi phải in bằng được tác phẩm thơ, văn xuôi, ngắn dài còn tùy, nhưng tác phẩm này phải nói lên được một điều duy nhất là: Tôi là Vệ Quốc Đoàn, tôi chưa bao giờ là tên phản động. Việc thứ ba là tôi phải trở lại ngôi nhà 4 Lý Nam Đế (cơ quan tạp chí Văn nghệ Quân đội), dăng hoàng như một người lính trở lại hàng ngũ của mình... Điều mà tôi quan tâm là phải tìm một nghề gì đó để kiếm sống mà thực hiện ba việc đã vạch ra ».

Tôi đề nghị với Phùng Quán: « Hay Quán thử học lấy nghề câu cá, tuy chỉ là nghề tạm bợ, nhưng trước mắt cũng có thể kiếm đủ ngày hai bữa, nếu câu có kỹ thuật ». Tôi mua sắm cho Quán một bộ cần câu, rồi đưa Quán ra hồ Hạ-le, mua vé câu, vừa học vừa thực tập luôn. Tôi truyền cho Quán tất cả những bí mật nhà nghề mà tôi đã tích lũy được qua thực tế.

Về văn thơ thì tôi chưa rõ, nhưng về nghề câu thì phải thừa nhận Quán như có năng khiếu bẩm sinh. Chỉ sau một tuần, Quán đã nắm khá vững tay nghề, và đã có cá bán. Một hôm, Quán bảo tôi: « Mỗi ngày mất dứt hai đồng mua vé câu thì đau hơn hoạn. Lỡ có ngày không dính được con nào thì mất cả chì lẫn chài. Tôi muốn tìm hồ nào câu không phải mua vé ấy ». Tôi nói: « Thế thì phải nhập hội câu trộm cá ở vùng Nghi Tàm, Tây Hồ, Quảng Bá... Nhưng câu trộm nguy hiểm lắm. Lỡ tuần hồ mà tóm được thì họ cho ăn no đòn, hoặc bắt giam giữ ». « Được! Tôi chấp nhận nguy hiểm », Quán nói, « mà tóm tôi cũng chẳng dễ lắm đâu. Hồi còn làm lính trinh sát, Tây càn, vây bốn mặt, tôi vẫn thoát ngon ơ. Để đạt bằng được mục đích đã tự đặt ra, tôi sẵn sàng làm những việc tồi tệ như: câu cá trộm, viết văn chui. Khi đã hoàn tất ba việc trên, tôi sẽ làm như Raskolnikov trong tiểu thuyết *Tội ác và trừng phạt* của Dostoievsky. Tôi sẽ ra quỳ trước chợ Đồng Xuân, hôn đất và nói to lên với tất cả mọi người: “ *Tôi là kẻ từng làm những việc như nhóp để kiếm sống? Tôi xin được trừng phạt* ”. ».

Tôi đưa Quán đến giới thiệu với mấy tay câu trộm thuộc hàng cự phách của Hồ Tây mà tôi đã biết.

Từ đó, Quán không theo tôi nữa, mà về nhập hội với dân câu trộm Hồ Tây. Hơn nửa năm sau, nghe tôi khuyên can, Quán nhếch cười trả lời tôi bằng cách đọc câu thơ của Tagore trong bài *Hai mẫu đất*: “ *Ngày nay các người là thánh hiền. Ta ngược lại thành tên đạo tặc* ”.

Quán đi ra cầu ao, xách lên một con cá trắm đen cỡ hai ký, buộc ở chân cọc: “ Biểu thầy để tạ ơn truyền nghề. Tôi mới tóm được cu cậu khoảng ba giờ sáng hôm nay ”. Quán lại cười, đọc thêm một câu thơ của Essinine: “ *Những số phận khác thường / sinh ra đều định trước. Tôi không thành nhà thơ thì cũng thành trộm cướp* ”.

Ngày mới quen, bia hơi Quán cũng chưa biết uống, chê đắng — mà dạo này, Quán uống thùng bất chi thành, góc lít “ quốc lủi ” có thể đi luôn một hơi. Quán nói: “ Rượu là cứu cánh vĩ đại của phường đạo tặc sông hồ ”. Tôi lo lắng: “ Nhưng tiền đâu mà uống thường xuyên như vậy? ”.

Hơn ba mươi năm sau, Phùng Quán mới hoàn thành đầy đủ ba công việc mà anh tự đề ra... Việc thứ nhất là tìm ra được Trúc Chi, chính là Hoàng Văn Hoan, ngày đó là uỷ viên Bộ chính trị. Bài thơ *Lời Mẹ Dặn có phải là bài thơ Chân thật* được in lại trong tập *Một đôi vầng* của Hoàng Văn Hoan, do nhà xuất bản Việt Bắc ấn hành năm 1976. Nhưng mãi đến năm 1978, Quán mới tìm thấy tập thơ. Quán đưa tập thơ cho tôi xem, và nói: “ *Tôi chưa kịp thách đấu thì ông ta đã chạy trốn và mọi người đã biết ông ta là ai* ”.

Việc thứ hai là năm 1987, nhà xuất bản Thuận Hoá đã in cho Quán tiểu thuyết bộ ba *Tuổi thơ dẫu*... với 60 ngàn bản sách. Kết thúc cuốn sách là nhân vật chính, em Mừng, một vệ quân 13 tuổi, bị tình nghi là gián điệp, Việt gian. Em đã hy sinh trên đài quan sát ở chiến khu Hoà Mỹ sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến sĩ trinh sát. Trước khi tắt thở vì đạn găm đầy người, em gọi điện thoại cho trung đoàn trưởng, nhắn lại một lời trăng trối cuối cùng: “ *Anh ơi! Em không phải Việt gian, em là Vệ Quốc Quân...* ”.

Việc thứ ba là, tháng 1 năm 1992, tạp chí *Văn nghệ Quân đội* làm lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập tạp chí. Quán được mời đến trụ sở 4 Lý Nam Đế dự lễ với tư cách là một trong những cán bộ biên tập đầu tiên của tạp chí.

Phùng Quán nói với tôi: « Để thực hiện được ba việc trên, tôi ước tính đã câu trộm của Nhà nước khoảng 4 tấn cá và viết văn chui khoảng hơn năm chục cuốn sách dày, mỏng. Tôi đã chui văn sang cả Liên Xô (cũ) một truyện ngắn nhan đề *Như con bò vàng trong cổ tích*, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh Lênin. Liên Xô (cũ) đã gửi tặng một chiếc xe

sổ tay

(tiếp theo trang 5)

trong truyện ngắn của Tsê-khốp”, cuối cùng sẽ trở thành điên, muốn làm tình với một ngôi tượng thánh vô danh. Tác giả sống ở Vũng Tàu, như vậy đủ để kết luận là ám chỉ tới bức tượng chúa khổng lồ ở Vũng Tàu và tác giả “xúc phạm tới tình cảm tôn giáo của đồng bào công giáo” (thư ngỏ của Ban biên tập Tuần báo Công giáo và Dân tộc kính gửi Ban biên tập báo Tuổi trẻ sống đẹp, CGDT số 988, ngày 11.12.94).

Công bằng mà nói, lá thư của tuần báo Công giáo và Dân tộc là một lá thư ôn tồn, có tinh thần đối thoại. Tác giả bức thư, cũng như các Phật tử không thích truyện ngắn Đường Tăng, hoàn toàn có lý khi họ “cảnh giác” trước mọi liên hệ tới tín ngưỡng xuất hiện trên sách báo ngày nay vẫn do Đảng cộng sản độc quyền quản lý : trong những năm qua, đã có quá nhiều tiền lệ tuyên truyền chống tôn giáo.

Song, từ đó mà gián tiếp hay trực tiếp tiếp tay với nhà cầm quyền để ngăn cấm quyền tự do tư tưởng và sáng tác thì quả thực là điều không nên. Không nên và nguy hiểm : mọi kích động về tín ngưỡng đều dễ dọn đường cho sự cuồng tín, cho chủ nghĩa toàn thủ.

Nhân đây, cũng xin ghi nhận một cử chỉ đẹp. Một bạn đọc Phật tử vừa ở trong nước qua cho biết : giữa lúc cấm truyện Đường Tăng và có loạt bài tấn công Nguyên Ngọc và Lê Ngọc Trà, thì hoà thượng Thích Minh Châu đã tới dự một cuộc hội thảo văn hoá do giáo sư Lê Ngọc Trà tổ chức. Trong một thể chế mà quyền tự do ngôn luận còn bị chà đạp, thì nhiều khi người ta phải dùng ngôn ngữ của cử chỉ.

✍️ Lại phải trở lại cái huân chương *chevalier de l'ordre des Arts et des Lettres* mà ông Jacques Toubon trao tặng Dương Thu Hương tháng 12.94 vừa qua. Tuần báo Văn Nghệ liên

đạp mà hiện nay tôi vẫn đang đi. Về số cá trộm, tôi đã nghĩ cách đền, bù. Năm 1988, sau khi được tuyên bố phục hồi hội tịch Hội nhà văn, tôi được nhà xuất bản Trẻ in cuốn truyện thiếu nhi dày 200 trang, nhan đề *Dũng sĩ Chép Còm*. Sách in 40 000 bản. Như vậy, mỗi cân cá tôi đền 10 bản sách nói về cá. Nếu việc đền bù như vậy chưa xứng đáng thì tôi còn phải lao động nhiều hơn nữa. »

Tôi bảo Quán : “ Cậu với mình vừa là bạn lính vừa là bạn câu. Mình muốn viết một cái chân dung về cậu...”

Phùng Quán cười : “ Viết làm gì cho mệt, anh Xương ơi ! Các bạn từ lâu đã vẽ chân dung tôi với sáu từ *cá trộm, rượu chui, văn chui*”.

VĂN XƯƠNG

(Người Hà Nội, số Tết Giáp Tuất,
2 đến 22.1.1994)

Câu đối Tết ẤT HỢI 1995

của Tú Xuân HÀ SĨ PHU

Câu đối dán chuông lợn :

Tin trò nạc mỡ nên “ ăn cảm ”
Nói chuyện tim gan để “ đá bèo ”

Câu đối dán Triều đình Lợn

(bắt chước Triều đình sư tử của La Fontaine) :

Thị trường non choẹt dăm anh bột
Triều chính già căng mấy cụ xề

Câu đối dán cửa hàng thịt lợn :

Tiền bạc nổi lên hai mặt thốt !
Óc tim quỵện dưới một dao bầu !

tiếp đăng những câu tuyên bố của các quan chức văn nghệ Vũ Tú Nam, Cù Huy Cận, Phạm Tiến Duật. Tôi không phải đệ tử của Phật hay Jesus, nhưng tôi nghĩ trích lại nguyên văn những lời lẽ của họ thì quá độc ác.

Chỉ xin tóm tắt hai lập luận chính :

1) Việc làm của ông Toubon “ không văn hoá ” vì Dương Thu Hương không phải là nhà văn lớn, lại chủ trương dùng văn học như là một phương tiện đấu tranh chính trị.

2) Đó là một hành động chính trị, can thiệp vào tình hình nội bộ Việt Nam, khi ông Toubon ca ngợi lòng dũng cảm của một người ly khai.

Luận điểm 1 không hoàn toàn sai, nhưng sai về cơ bản. Không hoàn toàn sai, vì rõ ràng Dương Thu Hương không phải là nhà văn lớn. Điều đó, chính Dương Thu Hương cũng nhiều lần nói rõ. Ai, ở đâu hỏi, chị cũng trả lời : những nhà văn đáng kể là Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải (thế hệ trước), Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh (thế hệ trẻ). Nhưng hãy nói chuyện nghiêm chỉnh : hiện tượng Dương Thu Hương không phải do ông Toubon tạo ra, thậm chí cũng không phải do ông Nguyễn Văn Linh (ôm hôn năm 1987, chỉ thị cho ông Mai Chí Thọ bắt giam năm 1991) tạo ra. Dương Thu Hương là nhà văn Việt Nam đầu tiên mà hai ba tác phẩm liền đã được phát hành từ 100 000 đến 200 000 bản. Đó là nói về số lượng. Còn nói về chất lượng : tôi đổ ông Vũ Tú Nam (với tư cách tổng thư ký Hội nhà văn) tìm ra trong văn học Việt Nam thế kỷ 20 này hai nhân vật nữ đẹp và lớn ngang với cô Tâm và bà mẹ (Quế) trong *Những thiên đường mù*. Trao tặng huân chương, bộ trưởng văn hoá Pháp muốn vinh danh cho một nhà văn xuất sắc đã có nhiều tác phẩm được dịch, khi nhà văn sang Pháp : ông Toubon không xếp hạng các nhà văn Việt Nam, rồi chọn một người vào Đoàn chủ tịch Mặt trận Tổ Quốc !

Còn trách một ông bộ trưởng văn hoá có hành động chính trị, lời trách lại thốt ra từ cửa miệng những quan chức Hà Nội, thì cũng buồn cười. Cả vấn đề là hành động của ông Toubon có ý nghĩa chính trị như thế nào ? Khách quan mà nói, nó chỉ cung cấp thêm một vũ khí tự vệ (tương đối) cho Dương Thu Hương, gián tiếp khuyến cáo chính quyền Việt Nam không nên đàn áp như đã làm năm 1991. Thế thôi. Nếu chính quyền không có ý đồ đó, thì tại sao la hoảng ?

Phong Quang

VỀ MỘT CÁI BÓNG MA CỦA MÁC

Triết gia Derrida và ông Đỗ Mười

Có thể nói Jacques Derrida là một triết gia hoàn toàn xa lạ với Việt Nam. Ngoại trừ cái tên có thể hãn hữu mới gặp được trong một số sách triết học viết bằng tiếng Pháp, người ta chưa hề thấy có sự giới thiệu nào (dù là sơ lược) về ông và tư tưởng của ông trong sách báo Việt ngữ. Nhưng gần đây ông bỗng được bàn luận một cách khá ồn ào, đặc biệt với cuốn *Những bóng ma của Mác* ⁽¹⁾ — cuốn sách này đã được Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam cho dịch và giới thiệu trên báo chí (ở Việt Nam không có báo chí tư nhân), đáng chú ý nhất là đã được “biểu dương” trong những buổi học tập chính trị gọi là “chống diễn biến hoà bình” do ông tổng bí thư Đỗ Mười khởi xướng ⁽²⁾. Căn cứ vào lập luận của những nhà tư tưởng chính thống của đảng, người ta có thể thấy mấy lý do sau đây để Derrida được ca ngợi :

1. Tuy chưa bao giờ là một người theo chủ nghĩa Mác, nhưng vì không chịu nổi sự ngạo mạn quá đáng của các xu hướng phản động reo mừng trước cái gọi là “sự cáo chung của chủ nghĩa cộng sản” sau khi Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, Derrida đã làm một công việc “không hợp thời” là “dùng cảm hứng ra bảo vệ Mác và chủ nghĩa Mác” ⁽³⁾. Sự bày tỏ thái độ ấy của “một học giả tư sản” trước một tình thế cực kỳ khó khăn cho “chúng ta”, “những người trong cuộc” là rất đáng phấn chấn : vẫn có những kẻ xa lạ với ý thức hệ của “chúng ta” bị “chân lý” của chủ nghĩa Mác thuyết phục, lên tiếng bảo vệ. Điều đó chứng tỏ rằng, mặc dù bị “bôi nhọ”, “vu cáo”, chủ nghĩa Mác không hề bị “tiêu diệt” như sự hí hứng của những kẻ “thù địch” với chủ nghĩa xã hội mà trái lại nó vẫn sống mãi như một “khoa học” để phản bác lại mọi thái độ vội vàng đồng hoá chủ nghĩa Mác với một chủ trương nào đó vận dụng chủ nghĩa Mác vào thực tế. Những nhà lý luận chính thống của đảng đã rất hài lòng với câu nói sau đây của Derrida : « Không có tương lai nếu không có Mác, nếu không có các di sản của Mác ».

2. Trong tất cả những lý lẽ mà Derrida đưa ra để khẳng định phải trở về với Mác, những nhà lý luận cộng sản Việt Nam đã đặc biệt khai thác lập luận của ông chống lại cái gọi là “trật tự thế giới mới” : « Trong di sản của Mác, điều mà ngày nay chúng ta tuyệt đối cần thiết là tinh thần phê phán xã hội, phê phán triệt để tất cả những lập luận biện hộ cho hiện trạng của những thể chế dân chủ và thị trường tư bản chủ nghĩa » ⁽⁴⁾. Những gì Derrida trình bày về “10 vết lở” của thế giới hiện đại trong chương III cuốn sách của ông đã được những nhà lý luận cộng sản Việt Nam coi đó là chủ đề chính tạo thành một thứ tuyên ngôn chống chủ nghĩa tư bản quyết liệt : thất nghiệp, mất không gian sống, chiến tranh thị trường, tình trạng nghèo khổ phổ biến ở vùng Nam bán cầu, sự đe dọa khủng khiếp của công nghiệp vũ khí và bom hạt nhân, chiến tranh sắc tộc tràn lan, sự lộng hành của các thế lực tội ác có tổ chức, tình trạng luật pháp quốc tế bị một số

cường quốc thao túng. Những tuyên bố sau đây của Derrida cũng đã được những nhà lý luận cộng sản Việt Nam ghi nhận một cách rất thú vị : “... trong lịch sử của trái đất và nhân loại, chưa bao giờ bạo lực, bất bình đẳng, bài ngoại, nạn đói, và từ đó áp bức kinh tế, lại gây tác hại đến một phần nhân loại đông đảo như vậy” ⁽⁵⁾.

Còn có gì khác hơn ngoài những lý lẽ trên đây hay không ? Đọc đi đọc lại nhiều lần những bài báo giới thiệu của những nhà lý luận cộng sản Việt Nam về Derrida, thú thật tôi vẫn không thấy gì hơn. Tôi vẫn không hiểu sau khi phê phán cái trật tự thế giới mới hiện nay để cho rằng phải thừa kế Mác, Derrida đã cho chúng ta biết phải thừa kế Mác như thế nào, nghĩa là dựa trên những tiêu chuẩn giá trị mang ý nghĩa triết học nào để đặt vấn đề thừa kế Mác ? Hoàn toàn không thấy, ngoài mấy chữ qua loa của những người giới thiệu cho chúng ta biết rằng Derrida là “một học giả đứng trên quan điểm giai cấp mình để khôi phục danh dự cho tác giả bộ *Tư bản*” ⁽⁶⁾ dù rằng Derrida đã tỏ ra “không thân thiết” gì lắm với cái học thuyết mình đang bảo vệ ⁽⁷⁾, dù rằng ông chỉ kêu gọi “trung thành” với Mác trong một số luận điểm nào đó mà thôi ⁽⁸⁾. Chẳng lẽ đó lại là những chi tiết không quan trọng đến nỗi có thể “cho qua” một cách nhanh chóng đến thế hay sao ? Chẳng lẽ với một thái độ dễ dãi về học thuật như vậy người ta lại có thể bốc Derrida lên thành một người đi cứu chủ nghĩa Mác mà cuốn *Những bóng ma của Mác* là một công trình khoa học “đầu tiên, rất khách quan và đầy sức thuyết phục trong việc bảo vệ một tác gia kinh điển của chủ nghĩa Mác, sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ” ⁽⁹⁾ hay sao ?

Không biết có ai chỉ nghe những lời tán tụng trên đây mà cũng cố thêm được lập trường “tiến lên chủ nghĩa xã hội” của mình hay không, nhưng có một điều chắc chắn là trong số những người có quan tâm đến chủ nghĩa Mác và do đó đã tìm đọc Derrida một cách trực tiếp và tìm cách hiểu Derrida thì vấn đề lại không đơn giản như vậy bởi vì cái triết lý về thừa kế mà Derrida căn cứ vào đó để “bảo vệ” Mác đã không phải như những nhà lý luận quan phương của chế độ đương thời ở Việt Nam đã nói. Vậy cái triết lý ấy là như thế nào ?

Những bóng ma...

Phải nói thật rằng sách của Derrida rất khó đọc : phải đọc đi đọc lại nhiều lần người ta (nhất là những người không chuyên về triết) mới có thể quen dần với cách diễn đạt (quanh co, trừu tượng) để nắm bắt được nội dung tư tưởng trong *Những bóng ma của Mác* của ông. Chủ đề của cuốn sách thật ra không có gì mới lạ vì đó chỉ là vấn đề thừa kế các di sản tinh thần mà trong bất cứ học thuyết nào người ta cũng có thể nghe nhắc đến, nhưng thay vì diễn đạt điều đó một cách trực tiếp, Derrida lại mượn hình ảnh *những bóng*

ma để phân tích, trình bày. Điều đầu tiên cần ghi nhận là từ *bóng ma* ở đây đã được Derrida dùng theo số nhiều trong tiếng Pháp (*les spectres*) và đã được định nghĩa là hiện thân cho những tinh anh của những người đã chết, những thế hệ đã qua, tức là những cái *không còn sống nữa*, nhưng vẫn có mặt trong cái *hôm nay – bây giờ*, cái hiện tại đó được Derrida gọi là cái *hiện tại đang sống* (*le présent vivant*). Theo lập luận của ông, cái hiện tại đang sống ấy không phải là cái lát thời gian có thể tự đầy đủ với nó về mặt ý nghĩa, mà đã phải cùng tồn tại với những cái đã qua, những cái không còn sống nữa nhưng vẫn có mặt (*le présent passé*), đồng thời với cái *sẽ đến*, nội dung chưa biết ra sao nhưng vẫn hiện diện (*le présent futur*) để làm cho cái hiện tại có thể trở thành cái khác nó — trong tương lai. Sự tác động qua lại giữa các thành phần tạo nên cái cấu trúc của hiện tượng đang xảy ra trước mặt chúng ta (*l'événement*) đã được Derrida gọi là cái *hiệu ứng về bóng ma* (*l'effet de spectralité*): hiện tại luôn luôn mang trong cấu trúc của mình *tính không đồng thời với nó* (*la non-contemporanéité à soi du présent vivant*), nó luôn luôn vừa bị quá khứ lại vừa bị tương lai quấy rầy, ám ảnh như những bóng ma — “*ma ám*” — không để cho nó yên ổn trong cái đang có, không để cho nó thoải mái với những cái hiện có. Chính từ cơ sở lý luận này, Derrida đã lên tiếng phê phán gay gắt các thứ học thuyết (đặc biệt của Francis Fukuyama với cuốn *La fin de l'histoire et le dernier homme*)⁽¹⁰⁾ mà ông cho rằng đã uốn ngược ra *vĩnh viễn hoá cái hiện tại* về mặt lý tưởng, nghĩa là đã ru ngủ người ta chấp nhận cái đang có để không thấy cần thiết phải suy tưởng lại những “*vết thương*” từ một nền tảng triết để hơn.

Nhưng quan niệm trên đây, theo sự trình bày của Derrida, cũng không có gì là giống với những luận thuyết về bản thể (kiểu Hegel hay Mác) coi hiện tại chỉ là bộ phận của một tổng thể cao hơn nó, vượt khỏi nó, mang ý nghĩa cho nó với tư cách là một thành phần trong một cấu trúc, một hệ thống có khởi đầu và có chấm dứt, luôn luôn đi về một hướng đã qui định trước, một cách khách quan, ngoài ý chí của từng con người. Theo cách suy nghĩ ấy của Derrida sẽ không bao giờ có cái mà người ta thường gọi là “*sự tận cùng của lịch sử*”, hiểu theo nghĩa là sự chấm dứt của những tìm kiếm về ý nghĩa cho cuộc sống, là đã tìm ra xong rồi cái mô hình lý tưởng để con người theo đó mà sống, và vì thế cũng sẽ không thể quy mọi hoạt động của con người thành những động tác gọi là “*vận dụng những nguyên lý*” nào đó, đã định hình rồi, hoặc mỉa mai hơn, quy các hành vi “*sáng tạo ra cái mới*” trên cơ sở những “*quy luật*”; bởi vì *tính lịch sử*, trong sự suy nghĩ của ông, bao giờ cũng đang nằm sẵn trong cái hiện tại như một “*cái khác*”, luôn luôn *đón mở*, chờ đợi, tiếp nhận những cái không đồng thời, lạc thời, hoặc là bị khuấy rầy bởi cái quá khứ một cách hàm hồ, khó chịu hoặc bị cuốn hút vào một thứ tương lai, không biết sẽ như thế nào, không biết có xảy ra hay không, nhưng nó cứ làm cho hiện tại náo nức, bồn chồn. Cái cấu trúc về tính không đồng thời, không tất định về các sự biến trong đời sống ấy đã được Derrida quy về một khái niệm triết học hết sức đặc biệt của ông: *sự tháo rời, sự phá rã* (*la déconstruction*).

Tháo rời, phá rã có nghĩa ngược lại với ráp lại, xây nên, tức là thay vì nối kết các thành phần cấu tạo nên hiện tượng thành một tổng thể chặt chẽ, đầu vào đấy, thì chúng lại chỉ quan hệ với nhau một cách xộc xệch, lung củng, lộn xộn, tấp

nham. Đó không phải cái hư vô, tan tành giống như một cảnh tàn phá sau một cuộc dội bom mà chính là cái tình trạng của một thực thể vẫn có hình thù, có nghĩa lý nhưng lại cấu tạo nên bằng những đơn vị riêng biệt, độc đáo, vẫn cứ quan hệ với nhau nhưng không hề gắn lại với nhau bằng một thứ xi măng nào đó có thể trở thành một thứ “*đồ vật*”, sò sò nằm đó, hiển nhiên như một khối bê tông. Sự nối kết ấy đã có một cái gì đó giống giống với một sự *liên hiệp tự do* (mặc dù Derrida không dùng đến chữ này) ở đó các thành viên không thấy cần thiết phải giam hãm mình vào một định chế, một hệ thống, ngoại trừ cái trách nhiệm thấy cần phải *mở rộng* bản thân ra đón nhận những cái không phải là mình — “*cái khác*” — dù là cái quá khứ chấp chôn như một ám ảnh hay cái tương lai lôi người ta về như một lời gọi. Ở đây, theo cách nói của Derrida, hành vi phá rã ấy đã bao hàm một tinh thần trách nhiệm mang tính lệnh truyền nào đó, một lời hứa hẹn nào đó không thể chối từ, *không thể phá rã* được, bởi vì tính hiệu dụng, tính thực tiễn của hiện tượng đang xảy ra (*la présence effective*) không hề đối lập với tính kỹ thuật và tính lý tưởng của bản thân hiện tượng (*la technicité et l'idéalité dans l'événement*), trái lại chúng thống nhất với nhau một cách tiên thiên và vô điều kiện, không khác gì một thứ mệnh lệnh nào đó của Kant.

... và một bóng ma của Mác

Cái đối sách về ký ức, về di sản và về các thế hệ — mà ở một chỗ khác Derrida đã gọi là *ám ảnh học* (*hantologie*) — phát triển từ cái triết lý về thời gian trên đây cũng đã đặt nền trên cái lệnh truyền tiên thiên đó: phải thừa kế nhưng phải *phá rã* ra để thừa kế. Tuy vậy điều đó không hề giả định rằng di sản là một hệ thống bao gồm nhiều tầng bậc mà người ta có thể tháo ra từng mảnh để chia nhau, vì theo Derrida, bản thân một di sản tinh thần đã không hề là một hệ thống, do đó người ta cũng không thể thừa kế di sản như một hệ thống — thí dụ như đối với Mác, chúng ta không cần đến sự nhất quán trong bản thân di sản của ông, không cần quan tâm đến sự đồng ý của Mác với chính ông vì thế cũng không cần cầu viện đến sự đồng ý của ông để sau đó mới “*chia gia tài*”. Derrida đã nói đến tính không ăn khớp trong những tư tưởng của Mác, sự so le trong *cách đặt vấn đề* không xác định, đón mở với những *lời giải triết học* mang tính bản thể luận và siêu hình học của ông, vì thế nếu như chúng ta thấy có những người tiếp nhận cách giải quyết vấn đề của Mác để hình thành ra một thứ “*chủ nghĩa Mác*” với tư cách là một hệ thống tư tưởng (“*duy vật biện chứng*”, “*duy vật lịch sử*”) thì người ta vẫn không thể cho là không trung thành với Mác, những ai đã gọt sang một bên tất cả những thứ bản thể luận ấy chỉ để giữ lại một thứ thôi: đó là cái tinh thần *phê phán triết để*, liên tục và không giới hạn của Mác — sự phê phán ấy không chỉ hướng về những đối tượng ở ngoài mà còn quay về chính bản thân để tự đánh giá lại, tự chuyển hoá, tự giải thích nữa.

Thí dụ như khi chấp nhận khái niệm *thống trị về tư tưởng* (“*những tư tưởng của giai cấp thống trị là những tư tưởng thống trị*”), Derrida đã dựa vào Mác để đánh tan mọi ảo tưởng có thể có về cái gọi là “*tính độc lập của luật pháp*” (quốc gia, quốc tế) đối với những hình thức nhà nước – dân tộc bị các tập đoàn tư bản đủ loại khống chế, đặc biệt về tính “*trung lập*” của các phương tiện truyền thông đại chúng đối

với cái trật tự tinh thần trong xã hội hiện đại ; tuy vậy về một mặt khác thì Derrida lại cho rằng trong khi làm như vậy, người ta lại có thể không cần phải viện dẫn đến khái niệm mácxít như *giai cấp xã hội* hoặc nguyên lý *hạ tầng quyết định thượng tầng* để giải thích : những khái niệm ấy đã bị sự phát triển nhanh chóng của đời sống hiện đại vượt qua rồi. Cần ghi nhận rằng luận điểm này của Derrida đã chi phối hầu hết những phân tích khác của ông về những thứ chủ nghĩa Mác mà ông gọi là “ chủ nghĩa Mác trên thực tế ”, đặc biệt thứ “ chủ nghĩa Mác ” gắn liền với những guồng máy đủ thứ loại, xây dựng trong các nước gọi là xã hội chủ nghĩa hoặc tồn tại nơi các đảng cộng sản chưa cướp được chính quyền, như nhà nước, đảng, quốc tế vô sản, chuyên chính vô sản, nghiệp đoàn, chi bộ v.v... Ý nghĩa phê phán triệt để tiếp thu từ Mác ở đây vì thế đã không hề giới hạn ở những vết lõm của chủ nghĩa tư bản hiện đại mà thôi : cái gọi là “ kinh nghiệm về chủ nghĩa Mác ” của bản thân ông không phải chỉ là hình ảnh cha chú về tinh thần của Mác đối với thế hệ của ông mà còn bao gồm luôn cả cái nổi tởm lợm của thế hệ ấy đối với tất cả những thứ thể chế nhân danh Mác để dựng nên một thế giới “ toàn trị ” kinh khủng, như chủ nghĩa Stalin — địch thủ không tách rời của bọn nazi và phátxít (11).

Một thí dụ khác được Derrida nói đến nhiều lần là khái niệm “ quốc tế ” của Mác. Nhưng đối với khái niệm này, sự thừa kế của Derrida đã *phá rã* nó ra hầu như không còn thấy đâu là nguyên bản nữa. Tuy vẫn lấy nguồn cảm hứng của Mác về một tương lai nhân loại ở đó không còn nhà nước, không còn dân tộc, không còn giai cấp và do đó cũng không còn đảng phái nữa, nhưng cái gọi là cuộc “ cách mạng vô sản ” mà Mác coi là không thể thiếu được để thực hiện thì lại bị gạt đi hoàn toàn. Tất cả đều chỉ dừng lại ở cái khát vọng về giải phóng mang tính triết học và khoa học được Derrida xem là độc nhất vô nhị nảy sinh từ thời hiện đại — đó là cái dự phóng (*projet*) mà cũng là lời hứa hẹn (*promesse*) về một viễn cảnh con người sẽ được cứu chuộc mà không cần đến chúa cứu thế (*messianique sans messianisme*), một sự cứu chuộc vô thần, phi huyền thoại. Cái “ quốc tế ” mà Derrida thủ phác hoạ ra cho chúng ta, theo chiều hướng đó, cũng chỉ xuất hiện như một liên hiệp của tình bằng hữu, không định chế, không tổ chức, không quốc gia... và trách nhiệm của nó không có gì khác hơn là hoàn thiện sự phê phán triệt để đối với mọi hiện tồn, phá vỡ mọi mưu toan trừ tà (*contre-conjuration*) của các thế lực phản động, tập hợp nhau lại để xua đuổi những bóng ma khuấy rầy giấc ngủ của chúng.

Văn hoá thừa kế

Căn cứ vào những gì mà Derrida đã trình bày về *một ông Mác nào đó* (un certain Marx) mà người ta cần thừa kế, ai cũng nhận thấy ý định giới thiệu Derrida để tự bảo vệ của những nhà lý luận cộng sản Việt Nam là rất khó khăn : cái phần căn bản nhất trong cuốn sách của Derrida — cái “ ông Mác nào đó ” — nếu được nói đến đầy đủ sẽ trở nên hoàn toàn bất lợi cho bất cứ thứ “ chủ nghĩa Mác ” nào đã thành định chế, và cũng bất lợi cho bất cứ những tư tưởng nào của Mác muốn trở thành “ chủ nghĩa Mác ” nữa. Điều này ít nhất cũng đã biểu hiện qua một số ghi nhận như sau :

1. Việc Derrida phê phán chủ nghĩa tư bản với việc bảo vệ chủ nghĩa Mác nói chung (chưa nói đến cách hiểu chủ nghĩa Mác như thế nào) hoàn toàn không thể coi được là mối

quan hệ tất yếu : trong lĩnh vực tư tưởng đã xuất hiện khá nhiều xu hướng phê phán chủ nghĩa tư bản rất mạnh mẽ, nhưng không nhất thiết tất cả đều đã phê phán *như Mác* để đưa đến giải pháp chấm dứt số phận của chủ nghĩa tư bản *như Mác*. Vấn đề phức tạp hơn rất nhiều, không chỉ liên quan đến thái độ phủ định cái hiện tồn mà còn bắt nguồn từ chiều sâu của các mô hình tư duy khác nhau về lịch sử, về ý nghĩa của lịch sử, điều mà những nhà lý luận “ mácxít ” quan phương biết rất rõ nhưng ở đây lại cố tình bỏ qua để chỉ dừng lại ở chỗ khai thác những tuyên bố chính trị của Derrida có lợi cho họ, và đã làm công việc ấy một cách vội vã, hoàn toàn không cần đến lý luận. Nếu cứ tiếp tục một cung cách “ làm ăn ” như thế, biết đâu một ngày nào đó người ta lại chẳng đưa Trotsky lên chín tầng mây trở lại, vì lẽ, xét về lý luận, Trotsky đã tỏ ra “ chính thống ” hơn Derrida đến hàng vạn lần !

2. Khai thác thái độ phê phán chủ nghĩa tư bản của Derrida rồi coi đó là nguyên cớ để “ phải trở về với Mác ” (ở đây cũng chưa nói đến cách hiểu Mác như thế nào), điều này chẳng có gì để có thể vui mừng được. Chúng ta đã biết trong khi phê phán cái “ trật tự mới ” đầy hỗn loạn, Derrida cũng đã đề xuất một quan niệm thừa kế bằng cách *phá rã* Mác hoàn toàn, phá rã từ cấu tạo cội nguồn của chủ nghĩa Mác để được tùy ý giải thích Mác theo quan niệm riêng biệt của mình — luận điểm này rất khó có thể tạo ra một sự nhất trí nào đó trong hàng ngũ những người nghiên cứu Mác (dù với lập trường nào), vì thế mặc dù người ta có thể tán thành Derrida như một gợi ý về triết học thì cũng khó lòng mà gọi công trình của ông là một tiếng nói “ khoa học ”, lại càng không thể là một thứ “ khoa học khách quan ”, “ đầy sức thuyết phục ” được. Những lời lẽ như vậy hoàn toàn chỉ là những lời nịnh bợ mà tính chất *phản triết học* của chúng là quá rõ ràng.

3. Không thể tách rời (hay ghi nhận cho có lệ) sự phê phán của Derrida về chủ nghĩa tư bản với sự phê phán của ông về cái mặt trái của chính chủ nghĩa tư bản ấy, tức là các định chế nhân danh Mác để chống tư bản, nhất là nhân danh cuộc “ cách mạng vô sản ” của Mác để tạo ra một thứ *chủ nghĩa tư bản lộn ngược*, đưa con người vào một tình trạng tha hoá mới toàn diện hơn trong chế độ tư bản nhiều lần. Cố ý làm ngơ điều quan trọng mà Derrida đã lặp đi lặp lại nhiều lần để mình định lập trường triết học của ông, những người giới thiệu ông đã không giữ được thái độ liêm khiết cần thiết trong học thuật, đảng khác cũng lại tự cho mình cái quyền được xem những người nghe mình, đọc mình là những kẻ ngu đần muốn nhồi nhét vào đầu họ thứ gì cũng được. Nguyên nhân sâu sắc của một thứ thái độ xem thường trí tuệ người khác đó không thể tìm thấy ở đâu ngoài cái định chế *phản Mác*, ở đó sự trấn áp và nhồi sọ tư tưởng từ bấy lâu nay đã được đem ra áp dụng để thay cho đối thoại tìm chân lý, ở đó thái độ “ lợi dụng ” mang tính cơ hội đã tràn ngập vào mọi lĩnh vực của đời sống văn hoá, trong đó có triết học.

4. Thái độ phê phán của Derrida đối với cái “ trật tự mới ” đầy hỗn loạn không hề mang ý nghĩa là sự phủ định của ông đối với cái *lý tưởng dân chủ* mang tính phổ biến trong thế giới hiện đại : lý tưởng ấy không thể biểu hiện ở đâu ngoài các lĩnh vực pháp quyền và nhân quyền — Derrida không hề phủ nhận chúng mà chỉ muốn đề nghị thay đổi những *hình thức áp dụng* lý tưởng đó cho thích hợp với triển

vọng của một lời hứa hẹn môi đang sinh thành cho tương lai. Khi ông công kích thái độ “trừ tà” mù quáng đối với Mác, khi ông kêu gọi tiếp nhận Mác trở về với thế giới hiện đại, ông chỉ muốn công kích thái độ tự mãn đáng ghét của một số người đang muốn dùng thứ lý luận “tận cùng của lịch sử” để chối bỏ trách nhiệm triết học của họ trước những bất toàn đầy dẫy và gay gắt của những thể chế hiện tồn. Trong cuốn sách của mình, Derrida chưa hề hình dung ra được một “cõi đời” nào khác trong tương lai ngoài sự cải tiến thật căn bản nền dân chủ mà ông đang sống.

5. Tinh thần thừa kế Mác trong quan niệm của Derrida đã xuất phát từ một tình thế hoàn toàn xác định: khi Mác đã chết rồi, chủ nghĩa Mác chỉ còn là một cái bóng ma và khi mà mọi guồng máy biến chủ nghĩa Mác thành một thứ “đồ vật” mang tính quyền lực đã tan biến và đang tan biến trong thực tế thì Derrida cho rằng sự thừa kế cái tinh thần phê phán triết để của Mác là rất cấp bách để cho cái thế giới mà ta đang sống không thể ngủ yên trên những cái nó đang có: sự thừa kế đó trước hết phải là trách nhiệm mang tính mệnh lệnh về triết học và chính trị. Câu nói của ông: “Không có tương lai nếu không có điều đó. Không thể không có Mác, không thể có tương lai nếu không có Mác” là câu nói gắn liền với những sự kiện đã trở thành bóng ma đó. Đó không phải là sự “vận dụng” nào đó về chủ nghĩa Mác định nghĩa như một “khoa học” với những nguyên lý đã định hình đặt nền trên một “niềm tin” rất đáng ngờ về cái gọi là tính “bách chiến bách thắng của chủ nghĩa Mác – Lenin”. Cái tương lai trong hình dung của Derrida cũng chỉ là một lời hứa hẹn, một khả năng phát sinh từ cái cấu trúc về thời gian theo quan niệm của ông, có thể xảy ra và cũng không thể xảy ra, chứ chẳng hề là một cái “thế kỷ” này “thế kỷ” nọ như các phương tiện truyền thông đã tán ra.

6. Sự dẫn thân mang tính tinh thần mà Derrida cho là “không hợp thời”, sở dĩ có được không phải là điều tự nhiên, cũng không chỉ là thái độ mà người ta tâng bốc là “dũng cảm”: thái độ ấy chính là biểu hiện của một nền văn hoá ở đó, trên lý lẽ, không ai được độc quyền chân lý, ở đó nhà nước không thể dùng súng lục và đao găm để ép người ta nghe giảng về Mác và cả... người thừa kế Mác là Derrida, ở đó cái sai không hề bị gọi là tội, cái đúng không hề được gọi là “duy nhất đúng”... Chỉ có cái không gian văn hoá đó mới có thể sản sinh ra được những người như Mác, ở đó dù thế nào đi nữa, tiếng nói “nghịch thường” vẫn có thể tìm cách để bộc lộ công khai, ở đó trí tuệ, dù thế nào đi nữa, cũng không hề bị đẩy vào tình trạng đi làm cần vụ một cách đồng loạt và phổ biến cho các thế lực chuyên chế nhân danh cho một thứ “chân lý” chưa hề chứng minh được tính phổ biến của mình. Tôi không nghĩ rằng đó là một nền văn hoá phương Tây hay là một nền văn hoá phương Đông mà chỉ là một thứ không gian giao tiếp nào đó để văn hoá có thể tồn tại được trong một thế giới mà con người đã tích lũy được ít nhiều kinh nghiệm để hiểu rằng mọi sự ngạo mạn vì thoả mãn, mọi thái độ độc tôn mang tính bản thể luận đều không đưa đến kết quả nào khác hơn là tự chìm mình vào các thứ vũng bùn của trì trệ và tù hãm. Đối với một thế giới biết nhay cảm từng phút từng giờ với những hứa hẹn đổi thay, mọi đường lối mệnh danh là “ổn định” tinh thần cũng chỉ có nghĩa là tiêu diệt bản thân đời sống tinh thần.

“Người của thế giới khác”

Những nhà lý luận cộng sản Việt Nam có lương hết được những hậu quả hoàn toàn bất lợi khi họ cho giới thiệu cuốn *Những bóng ma của Mác* vào Việt Nam trong tình hình hiện nay một cách không nghiêm chỉnh như trên? Phải chăng với sự cạn kiệt về tư duy họ không còn có khả năng hiểu gì về những xu hướng tư tưởng khác với những tín hiệu mà họ đã đưa lên bàn thờ như những điều “bất biến”? Phải chăng trước sự sụp đổ kinh hoàng của toàn bộ cái cơ ngơi lý luận của mình, họ đang đưa tay bám víu vào tất cả mọi thứ có thể bám víu được, kể cả những đám lục bình vật vờ trên sông mà vẫn tưởng rằng đó chính là một thứ mảnh ván cứu sinh nào đó? Dù có trả lời cách nào đi nữa thì đối với những ai còn dành cho Triết học một chút trân trọng thì “hiện tượng Derrida ở Việt Nam” nói trên đã không mang đến điều gì khác hơn là sự thảm hại — thảm hại cho Derrida và cả cho Triết học nữa. Nó khẳng định một lần nữa về cái gọi là “đường lối văn hoá” của Đảng cộng sản Việt Nam: đối với đường lối tổng quát của đảng thì từ lâu đã không còn có Triết học, không còn có Văn hoá nữa — tất cả đều đã bị biến thành công cụ của đảng mà thôi. Với tất cả — với chủ nghĩa Mác và với tất cả những người giải thích Mác. Với Mác nếu người ta đã đưa lên bàn thờ thì đối với những lời giải thích Mác người ta cũng sẽ chỉ coi đó là một thứ hoa quả nào đó để “dâng lên Người” vậy thôi. Chưa bao giờ cái hồn ma của Mác lại có thể ám ảnh được những con người làm chính trị thực dụng đó — nói gì đến một thứ hồn ma nào đó của Mác mà Derrida đã gọi về. Tôi cho rằng không riêng gì đối với những người như Derrida, mà cả Mác nữa, mãi mãi họ vẫn chỉ là “người của thế giới khác”⁽¹²⁾ — hoàn toàn khác với cái thế giới chính trị thực dụng sản sinh ra từ một nền “văn hoá mácxít” ở Việt Nam.

11.11.1994

LỮ PHƯƠNG

- (1) Jacques DERRIDA, *Spectres de Marx*, Galilée, Paris 1993.
- (2) Bài nói tại Hội nghị cán bộ do Ban bí thư Trung ương Đảng tổ chức tại Hà Nội ngày 3.3.1994, xem *Diễn Đàn* số 32 (7.94).
- (3) Lời giới thiệu bản dịch cuốn *Spectres de Marx (Những bóng ma của Mác)* của nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994. Một bản dịch tối tăm, cầu thả, có nhiều chỗ hoàn toàn vô trách nhiệm.
- (4) Hàm Châu, *Mác, nhà tư tưởng của thế kỷ 21*, Nhân Dân chủ nhật, 27.12.1993.
- (5) *Spectres de Marx*, tr. 141.
- (6) Lời giới thiệu của nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- (7) GS. TS. Phương Lưu, *Các Mác nhà tư tưởng của thế kỷ 21*, Văn Nghệ, 16.4.1994.
- (8) Hàm Châu, bài đã dẫn.
- (9) Phương Lưu, bài đã dẫn.
- (10) Francis FUKUYAMA, *The End of History and the Last Man*, The Free Press, New York, 1992.
- (11) Năm 1981, bị nhà cầm quyền cộng sản ở Tiệp Khắc cầm tù, Derrida đã tự nhủ: “Cái thứ mọi rợ này có thể kéo dài đến hàng thế kỷ...” (sách đã dẫn, tr. 119).
- (12) Phương Lưu, bài đã dẫn.



Đi tới một cuộc đối thoại ...Đúng địa chỉ

LTS.- Từ đầu tháng 9.94, các ông Hà Sĩ Phu (bút hiệu của nhà khoa học Nguyễn Xuân Tú), Bùi Minh Quốc (nhà thơ) và Tiêu Dao Bảo Cự (nhà văn) ở Đà Lạt, đã lần lượt viết thư cho ông Phan Đình Diệu (nhà toán học) sau khi ông Diệu tiếp tục ở trong Đoàn chủ tịch Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam và phát biểu về sự cần thiết phải mở ra những diễn đàn (hội thảo, báo chí...). Ông Diệu đã trả lời từng người.

Dưới hình thức sao ảnh, các lá thư ấy đang được chuyển tay trong nước. Vừa qua, riêng lá thư của Hà Sĩ Phu đã được công bố ở nước ngoài, thư trả lời của Phan Đình Diệu thì không. Để rộng đường dư luận, trong hồ sơ này, chúng tôi đang toàn văn

thư của Tiêu Dao Bảo Cự và thư trả lời của Phan Đình Diệu.

Với hai nhận xét :

- Gọi là thư viết cho một người, nhưng đó là những thư để công bố. Độc lập với nội dung (mà nói chung, chúng tôi đồng ý), có thể nói chúng không gửi đúng địa chỉ. Nếu đã coi người đó là "cây cảnh", thiết tưởng nên gửi thư cho người... chơi cây cảnh.

- Bằng không, thì nên tránh mọi phán quyết về ý đồ của người đã chọn thể đứng và phương thức khác mình. Điều này vừa có tính nguyên tắc (đa nguyên là thế), vừa thực tiễn (mọi sự chia rẽ trong một xã hội đã bị nguyên tử hoá quá mức chỉ củng cố thêm sức mạnh cho những lực lượng toàn trị trong chính quyền).

Ước gì được thực hiện những quyền đã ghi trong hiến pháp ? !

(Thư gửi ông Phan Đình Diệu)

Tôi là Tiêu Dao Bảo Cự. Vừa rồi tôi được đọc mấy lá thư trao đổi của ông Phan Đình Diệu và hai ông Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc bàn về vấn đề dân chủ hoá đất nước, xuất phát từ lá thư của Hà Sĩ Phu (ngày 2.9.94). Lá thư của Hà Sĩ Phu được viết nhân sự kiện ông Phan Đình Diệu được " bầu " hay đưa vào đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khoá IV vừa qua và từ tinh thần bài tham luận của ông trong đại hội IV Mặt trận.

Tôi nghĩ rằng đây không chỉ là những lá thư có tính cách riêng tư mà là sự trao đổi rộng rãi trong tinh thần cùng quan tâm đến những vấn đề chung của đất nước. Và lại, truyền thống của dân tộc ta là " quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách ". Lá thư này của tôi cũng được viết để hưởng ứng bài phát biểu trên của ông, trong đó ông kêu gọi tổ chức các diễn đàn dân chủ " dưới hình thức các hội thảo, các cuộc gặp gỡ trao đổi và một cách thường xuyên bằng hình thức các cơ quan ngôn luận, báo chí... ". Trong khi chờ đợi khả năng thực thi của những hình thức trao đổi rộng rãi và thường xuyên như ông đề xuất, tôi thấy việc trao đổi với nhau bằng thư từ cũng là hình thức bình thường tối thiểu và hữu ích.

Trước hết tôi bày tỏ sự cảm phục đối với tài năng, kiến thức và sự đóng góp của ông cũng như giới trí thức trong các lĩnh vực chuyên môn để phục vụ xã hội và xây dựng đất nước, đặc biệt trong việc nhận định và đề xuất những giải pháp lớn cho tình hình đất nước, trong đó ông và một số ít người khác đã có những ý kiến sắc sảo, thẳng thắn đôi khi đi ngược lại quan điểm và các nghị quyết của Đảng cộng sản Việt Nam.

Tôi cho rằng giá trị đích thực của người trí thức không thể tách rời nhận thức, thái độ, hành động và nhân cách của họ. Nhân dân và lịch sử của một đất nước mong chờ nhưng cũng đòi hỏi nhiều ở tầng lớp trí thức, đặc biệt trong những hoàn cảnh lịch sử khó khăn và phức tạp. Như ông Phan Đình Diệu đã từng chứng tỏ, ngoài lĩnh vực chuyên môn, người trí thức cần có nhận thức đúng về tình hình chính trị, xã hội và những

giải pháp đưa đất nước ra khỏi khó khăn và tiếp tục phát triển vì điều này chi phối mạnh mẽ đến mọi lãnh vực. Lịch sử khoa học đã chứng minh rằng nếu không có nhận thức này, đôi khi làm tốt trong lĩnh vực chuyên môn lại không có tính cách phục vụ mà góp phần cho tội ác, củng cố các chế độ độc tài bạo ngược chống lại nhân dân. Thái độ đúng là sống trung thành với nhận thức của mình, không vì bất cứ lý do gì như địa vị, quyền lợi, sự sợ hãi, cầu an, thoả hiệp... làm lung lạc, chao đảo, thậm chí đi ngược lại nhận thức. Thực tiễn đã chứng tỏ, đối với trí thức, từ nhận thức đến thái độ thường vẫn có một khoảng cách. Từ thái độ đến hành động lại là một khoảng cách khác đòi hỏi cao hơn. Hành động đúng là trong khả năng và điều kiện của mình, làm hết sức để biến nhận thức thành thực tiễn. Tất cả những điều trên đây làm nên nhân cách cao quý và thể hiện vai trò của người trí thức trong lịch sử tiến hoá của từng quốc gia và cả nhân loại.

Có lẽ hơn bao giờ hết, trong giai đoạn này của đất nước, trong thời đại phát triển như vũ bão của toàn nhân loại mà động lực là trí tuệ chứ không phải bắp thịt và song song với sự phát triển đó là sự sa đoạ về mặt tinh thần cũng như tội ác, đau khổ đủ loại đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu, vai trò của trí thức lại càng cần thiết. Tuy nhiên thực tế của tình hình lại cho thấy trí thức Việt Nam chưa đóng được vai trò đáng lý họ phải có.

Trong đoạn kết cuốn tiểu thuyết **Nửa đời nhìn lại** của tôi, tôi có một vài suy niệm về vai trò của người nghệ sĩ, trí thức và đặt câu hỏi : " Tại sao bộ phận tiên tiến nhất của một dân tộc lại tự mình đứng trong thế yếu ? ". Trong bài tựa viết cho cuốn sách này, Đặng Tiến nhắc lại câu hỏi đó và bình luận : " Tôi không biết nghệ sĩ và trí thức Việt Nam có tiên tiến hay không, nhưng chắc chắn chưa bao giờ họ chọn được chỗ đứng — dù ở thế mạnh hay yếu. Họ giống như người phụ nữ thời xưa, quyền thế đặt đâu thì ngồi đấy. Tài giỏi như Nguyễn Du mà suốt đời làm quan đành phải im hơi lặng tiếng. Công cán như Nguyễn Trãi rồi cũng bị tru di vì một đôi lời nói thẳng. Trước những tấm gương ấy, trí thức chúng ta đã có truyền thống thuần phục lâu đời. Dĩ nhiên vẫn có những tiếng nói lẻ loi, từ Chu An, Nguyễn Trường Tộ đến Dương Thu Hương, Hoàng Minh Chính nhưng những tiếng nói đó không làm thành dư luận. Vì từ lâu, người trí thức chỉ là những cá nhân, không tạo được một tầng lớp có lực lượng, có quần chúng, có hậu thuẫn. Trong cuộc đấu tranh cho dân chủ hiện nay, người trí thức đáng lẽ phải là ngọn

gió tiền phong. Nhưng có thật thế không ? Hay ngược lại, trí thức trong thâm tâm cũng sợ dân chủ, vì được dân chủ thì mất quyền lợi riêng tư, những đặc quyền, đặc miễn bất thành văn đã tích lũy từ thời này sang thời khác ?

Nhận định này có thể làm một số người bất bình nhưng lại là một vấn nạn không dễ gì giải đáp trong thực tiễn.

Chung quanh việc dân chủ hoá đất nước có rất nhiều vấn đề cần bàn nhưng ở đây tôi chỉ xin trao đổi về một vấn đề : việc thực hiện diễn đàn dân chủ trong bài tham luận của ông Phan Đình Diệu tại Đại hội Mặt trận.

Hiến pháp hiện nay ghi rõ người dân có đủ mọi quyền tự do. Chưa nói đến việc hiến pháp này đã phản ánh đúng ý chí và nguyện vọng của toàn dân hay chưa, nhưng ngay nhiều quyền được ghi bằng giấy trắng mực đen trong hiến pháp cũng chưa được thực hiện. Một thí dụ là luật báo chí và xuất bản được quốc hội thông qua cấm báo chí tư nhân. Cấm báo chí tư nhân nghĩa là không có tự do báo chí.

Trong câu chuyện bạn bè, tôi được nghe Hoàng Phủ Ngọc Tường đặt vấn đề và mơ ước về một “ không gian đối thoại ”. Trong lá thư của Bùi Minh Quốc gửi Phan Đình Diệu, Bùi Minh Quốc “ ước gì ” được thực hiện những quyền đã ghi trong hiến pháp và đề nghị nhà nước cho tổ chức một tờ báo đối lập lấy tên là **Diễn đàn dân chủ**.

Tại sao chỉ có vậy ? Tại sao chỉ dám ước mơ ? Tại sao người dân và trí thức có quyền lại không dám thực hiện quyền của mình ?

Nhà nước vẫn tuyên truyền hiến pháp là bộ luật cao nhất của quốc gia. Vậy luật nào ngược lại hiến pháp là vi hiến, không có giá trị, không cần chấp hành. Ban hành và chấp hành các luật này đều là vi hiến. Quốc hội nào thông qua luật vi hiến cũng cần xét lại tư cách của quốc hội đó.

Trước năm 1975, ở Miền Nam, tạp chí Đối Diện bị chính quyền Sài Gòn đóng cửa. Chân Tín và Nguyễn Ngọc Lan, những trí thức yêu nước khuynh tả, đã căn cứ vào điều 11 Hiệp định Paris, trong đó thừa nhận quyền tự do báo chí, coi như giấy phép xuất bản để tiếp tục ra báo. Năm 1988, ông Nguyễn Hộ và Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ TPHCM, căn cứ vào hiến pháp, đã tự động ra tờ báo **Truyền thống kháng chiến** không cần giấy phép của bộ Thông Tin và lên án chế độ tự do báo chí hiện nay còn bóp nghẹt tự do báo chí hơn thời Pháp thuộc.

Đó là những người trí thức yêu nước chân chính, dũng cảm và thực sự biết tôn trọng luật pháp. Còn những người trí thức yêu nước hiện nay tại sao không dám thực hiện những quyền tự do tư tưởng và tự do ngôn luận của mình như đã được ghi rõ ràng trong hiến pháp của một nước “ độc lập, tự do, hạnh phúc ” ? Dù Việt Nam hiện nay đang ở trong chế độ độc đảng nhưng cũng không phải vì thế mà Đảng độc quyền yêu nước. Đảng vẫn luôn luôn nói đến việc “ lấy dân làm gốc ”, “ gắn bó máu thịt với nhân dân ”, “ đoàn kết hoà hợp dân tộc ”, “ chấp nhận cả những sự khác nhau không trái với lợi ích chung của tổ quốc ”...

Qua bài phát biểu của ông Phan Đình Diệu, tôi hy vọng ông có thể làm được nhiều việc, trong đó có việc tổ chức các diễn đàn dân chủ và tờ báo **Diễn đàn dân chủ** như Bùi Minh Quốc đề nghị. Chắc chắn đông đảo trí thức sẽ ủng hộ và cộng tác với ông trong công việc này. Đối với nhiều người cầm quyền hiện nay, lời nói không đi đôi với việc làm, thực hiện trái với nghị quyết là việc bình thường nhưng tôi không muốn điều đó lại có thể xảy ra ở Phan Đình Diệu.

Tôi tự hỏi không biết ông Phan Đình Diệu đã suy nghĩ tính toán gì khi chấp nhận tiếp tục đứng vào Đoàn chủ tịch Mặt trận nhưng tôi thừa nhận những ý kiến trong bài tham luận của

ông tại đại hội Mặt trận thật là đúng đắn và tâm huyết. Vấn đề là ông sẽ làm được gì so với những điều ông phát biểu.

Ai nghiên cứu lịch sử và xem xét vấn đề một cách khách quan cũng phải nhìn nhận các **Mặt trận** từ 1930 đến nay (Mặt trận dân tộc phản đế Đông Dương, Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hoà bình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) đều chỉ là những hình thức tập hợp quần chúng để đấu tranh cho mục tiêu từng thời kỳ của Đảng cộng sản Việt Nam. Đây cũng là tổng kết của Đảng về công tác Mặt trận. Mặt trận chỉ là danh nghĩa, chiêu bài, và những người lãnh đạo Mặt trận không hề có thực quyền như đáng lý họ phải có theo danh xưng. Dù đã sáng tạo ra nhiều cách nói hoa mỹ để thu phục nhân tâm, Đảng cũng chính thức thừa nhận “ Đảng là thành viên của Mặt trận nhưng là thành viên lãnh đạo ”.

Trong giai đoạn hiện nay, điều lệ của Mặt trận được Đảng cho phép ghi : “ *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị rộng lớn, là tổ chức liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng, các cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, đại biểu cho ý chí và nguyện vọng của các giới đồng bào.* ”

Đây là một nội dung nghe rất kêu nhưng rỗng tuếch. Thực tế hiện nay không có Mặt trận mà chỉ có Ủy ban mặt trận các cấp gồm những người do Đảng lựa chọn, đứng đầu là các nhân vật hạng ba, hạng tư của Đảng, thường là những người đã về hưu. Nhiệm vụ chính của Mặt trận là tuyên truyền cho đường lối chính sách của Đảng, thực hiện một số việc cụ thể mà các tổ chức đảng, chính quyền, không tiện trực tiếp làm như công tác tôn giáo, dân tộc, trí thức, người Hoa, phụ lão... Đặc biệt Mặt trận có một nhiệm vụ được coi là quan trọng trong các kỳ bầu cử là hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử, một công việc cực kỳ phản dân chủ, xâm phạm trắng trợn và thô bạo quyền tự do ứng cử của người dân. Nhiệm vụ này do Đảng chỉ đạo chặt chẽ, Mặt trận chỉ làm cái loa phát ngôn. Thực chất hội nghị hiệp thương của Mặt trận chỉ gồm một nhóm người do Đảng cho phép triệu tập, không đại diện cho ai, nhưng lại có quyền giới thiệu người ra ứng cử và điều này đã quyết định trước gần như hoàn toàn kết quả cuộc bầu cử gọi là dân chủ. Ngoài nhiệm vụ bung xung quan trọng và đáng buồn này, những nhiệm vụ to lớn khác của Mặt trận ghi trong điều lệ, chương trình hoạt động chỉ là trò chơi chữ hay nói để mà chơi.

Trong đại hội III của Mặt trận, có người nêu vấn đề “ đối trọng ” của Mặt trận đối với Đảng và Nhà nước. Ý kiến đó đã bị phê phán nặng nề. Trong chuyến đi đòi tự do dân chủ của đoàn văn nghệ Langbian năm 1988, khi Bùi Minh Quốc và tôi gặp chủ tịch Mặt trận Nguyễn Hữu Thọ ở trụ sở Ủy ban trung ương Mặt trận tại Hà Nội, ông Nguyễn Hữu Thọ ủng hộ quan điểm của chúng tôi và khẳng định : “ *Không phải ngồi chờ ban phát mà phải đấu tranh để giành dân chủ* ”. Sau đó tờ báo **Đại Đoàn Kết** do ông Nguyễn Hữu Thọ đích thân đứng ra làm chủ nhiệm có khởi sắc được vài số nhưng cũng không có lấy một dòng về cuộc đấu tranh của chúng tôi dù chúng tôi đã cung cấp đầy đủ tư liệu. Chẳng bao lâu tờ báo này của Mặt trận lại vào khuôn phép như cũ. Những đề xuất của ông Nguyễn Hữu Thọ và Ủy ban trung ương Mặt trận về những vấn đề dân chủ liên quan đến các luật quốc hội sắp thông qua đều bị bác bỏ.

Bộ máy các Ủy ban Mặt trận các cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận chỉ tương đương với một sở, ban, phòng nhỏ nhất của chính quyền, kinh phí hoàn toàn lệ thuộc vào Ủy ban nhân dân cùng cấp. Mỗi lần muốn tổ chức hoạt động gì, mặt trận phải năn nỉ các đồng chí chính quyền hết nước miếng để xin

Thư trả lời của PHAN ĐÌNH DIỆU

Hà nội, ngày 22 tháng 12 năm 1994

Kính gửi : Ông Tiêu Dao Bảo Cự

Tôi đã nhận được thư ông đề ngày 2.12.1994, và chân thành cảm ơn ông đã cho tôi biết các quan điểm của ông về nhiều vấn đề của đất nước hiện nay.

Trong thư, ông có chất vấn tôi về vai trò “ uỷ viên Đoàn chủ tịch Mặt trận Tổ quốc ” mà tôi đã nhận tham gia, đồng thời xem là “ một dấu hiệu đáng buồn ” vì tôi đã không đề cập đến vấn đề đó trong thư tôi trả lời ông Hà Sĩ Phu. Tôi nhớ rằng trong thư gửi tôi, ông Phu không nêu câu hỏi đó, tuy nhiên, với tinh thần quý trọng đối với ông Phu, trong thư trả lời tôi đã nói rõ thái độ của mình : *Là một công dân yêu nước và một người công tác khoa học, tôi cũng thường day dứt suy nghĩ là mình cần và có thể làm gì để có thể đóng góp có hiệu quả cho sự phát triển dân chủ và giàu mạnh của đất nước. Về vấn đề này, câu trả lời tùy thuộc hoàn cảnh và suy nghĩ riêng của từng người. Về phần tôi, tôi vẫn cố gắng đóng góp những suy nghĩ độc lập của mình đối với những vấn đề chung của đất nước với tư cách là một công dân, đồng thời cũng cố làm việc tích cực để có những đóng góp cụ thể cho sự phát triển đất nước ngay trong lĩnh vực chuyên môn của mình.* Với thái độ chung đó, tôi đã và tiếp tục nhận tham gia công tác Mặt trận là vì, tuy tôi biết vai trò của Mặt trận còn có nhiều hạn chế, Mặt trận vẫn là một tổ chức và một diễn đàn mà ở đó mình có thể trình bày một cách thẳng thắn những ý kiến đóng góp của mình về các vấn đề của đất nước, có thể trao đổi ý kiến một cách bình đẳng, và có thể đề xuất các kiến nghị cần thiết. Tôi có làm được chút gì theo hướng đó hay không, hay như ông cảnh báo “ nếu không làm được gì, nhất định ông sẽ bị vô hiệu hoá và trở thành

cây cảnh trang trí ”, điều đó xin tùy công luận phán xét.

Xuất phát từ tình hình cụ thể hiện nay, trên con đường phấn đấu cho một đất nước dân chủ và giàu mạnh, như tôi suy nghĩ, mỗi người có thể lựa chọn một cách làm thích hợp với chính kiến và khả năng của mình. Tôi tôn trọng sự lựa chọn của ông Tiêu Dao Bảo Cự, nhưng tôi chắc rằng với tinh thần tôn trọng đa nguyên, ông Tiêu Dao Bảo Cự cũng không yêu cầu tôi lựa chọn theo cách của ông. Tôi thường hối hả thấy vốn thời gian của mình rất hạn hẹp, nên phải tính toán để sử dụng sao cho có ích nhất. Vì vậy mà tôi đã và đang dành phần thì giờ nhiều nhất cho công việc trong lĩnh vực chuyên môn của mình, và tôi tin tưởng rằng công việc đó có thể có những đóng góp hữu ích cho sự phát triển đất nước, không sa vào điều mà ông có nhĩa ngựa trước là “ đôi khi làm tốt trong lĩnh vực chuyên môn lại không có tính cách phục vụ mà góp phần cho tội ác, củng cố các chế độ độc tài bạo ngược chống lại nhân dân ”. Trong việc đóng góp ý kiến về những vấn đề chung của đất nước cũng như trong công tác chuyên môn, điều tôi mong muốn là có thể mang lại đôi chút đóng góp hữu ích, chứ không hề có tham vọng trở thành “ anh hùng ”, hay để chứng tỏ một thứ “ sĩ khí ”, dũng khí nào đó của mình. Ước muốn tha thiết nhất của tôi chỉ là, như tôi đã viết trong bài phát biểu ở hội nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc năm 1986, *được đóng góp phần giọt nước nhỏ bé của mình trong hơn 60 triệu giọt nước khác của dân tộc để hoà thành dòng thác “ đổi mới ” của đất nước ta hiện nay.*

Xin gửi ông lời chào trân trọng.

Phan Đình Diệu

kính phí. Chiếc xe của cơ quan Mặt trận là xe cũ do các đồng chí chính quyền chuyển qua sau khi họ đã mua xe đời mới. Đến cấp xã, phường, Mặt trận chỉ còn là một ông già làm công tác phụ lão, chuyên lo quan tài cho các cụ qua đời là chính.

Biết bao cán bộ Mặt trận các cấp những năm qua đã than thở về vai trò “ cây cảnh ”, “ trang trí ”, “ ngồi chơi xơi nước ”, “ bánh xe thú năm ”, “ cục thịt thừa ”, và “ đưa mặt ra chịu trận ” của Mặt trận. Vậy thì nói gì đến “ liên minh chính trị rộng rãi của mọi tổ chức, đoàn thể, các giai cấp, các tầng lớp xã hội ”. May ra Mặt trận còn có chút hãnh diện khi trong các cuộc lễ long trọng bao giờ cũng có đại diện của Mặt trận bên cạnh đại diện Đảng, chính quyền và được người ta thưa gọi đàng hoàng.

Tôi nói những điều này không phải do vô đoán hay để bôi bác Mặt trận. Trước đây, tôi đã từng là đảng viên cộng sản trong 15 năm và hầu hết thời gian đó, tôi làm công tác Mặt trận và các đoàn thể.

Nhận định như thế không phải là để đòi hỏi Đảng và nhà nước đề cao và tạo điều kiện hơn nữa cho các cơ quan Mặt trận. Mặt trận đích thực là liên hiệp các tổ chức chính trị một cách tự nguyện và bình đẳng thì không cần gì đến kính phí nhà nước và cũng không chấp nhận ai lãnh đạo. Còn Mặt trận hiện nay thực chất chỉ là cơ quan Mặt trận, một cơ quan có tính cách thừa hành của Đảng và Nhà nước.

Trong thực tiễn đó, với những người trí thức cấp tiến hàng đầu như ông Phan đình Diệu ở cương vị lãnh đạo Mặt trận, tôi nghĩ điều quan trọng ông có thể làm là góp phần chuyển hoá

cái giả thành thật, “ lộng giả thành chân ”, “ biến nghị quyết thành thực tiễn ”. Đó là một tác động mạnh mẽ lên quá trình dân chủ hoá, đồng thời cũng là giúp Đảng bớt giả hình, thực sự trở về với nhân dân. Nếu tôi không lầm, ông Phan Đình Diệu đã là uỷ viên trung ương Mặt trận kể từ đại hội Mặt trận thống nhất Việt Nam năm 1977 và đã từng là uỷ viên đoàn chủ tịch Mặt trận không phải chỉ một nhiệm kỳ. Nếu ông có dũng khí, cái “ sĩ khí ” đích thực đáng quý trọng trong truyền thống phương đông, ông có thể làm được cái gì đó, ít ra trong khuôn khổ của hiến pháp và điều lệ Mặt trận quy định, làm cái gì có hiệu quả to lớn hơn so với những phát biểu cá nhân cấp tiến và sắc sảo của ông trước đây. Nếu ông không làm được gì, nhất định ông sẽ bị vô hiệu hoá và trở thành cây cảnh trang trí. Tiếc thay trong lá thư ông trả lời Hà Sĩ Phu, ông lại không đề cập đến những vấn đề hệ trọng và nóng bỏng mà Hà Sĩ Phu nêu ra, đặc biệt liên quan đến đến vai trò uỷ viên đoàn chủ tịch Mặt trận của ông. Theo tôi, đó là một dấu hiệu đáng buồn.

Tôi đã từng kính trọng ông vì nhận thức sắc bén, thái độ thẳng thắn, dũng cảm của ông nên tôi nghĩ đối với một người như thế, tôi cũng phải phát biểu hết sức thẳng thắn và trung thực mới là kính trọng.

Chính vì thế và cũng chính vì còn đôi chút tin tưởng đối với giới trí thức Việt Nam mà ông là đại diện, tôi mạo muội viết thư này cho ông và mong ông cũng như giới trí thức chỉ giáo thêm.

Đà Lạt 2.12.94
Tiêu Dao Bảo Cự
(35/1 Nguyễn Đình Chiểu, Đà Lạt)

Lời chúc đầu năm

Cao Huy Thuần, giáo sư tại Học viện Chính trị Lille và Đại học Amiens, là phó chủ tịch hội Echanges Universitaires avec le Viet Nam en Droit, Economie et Gestion, quy tụ giáo sư của nhiều đại học Pháp. Cách đây một năm, hoài bão ông hằng ôm ấp đã bắt đầu đi vào cụ thể trong một dự án hợp tác giữa đại học Việt Nam và Pháp về việc đào tạo một số luật gia cao cấp ở trong nước. Dự án được tiến hành như thế nào ?

Vấn đề được đề cập trong cuộc mạn đàm mà ông đã có nhà ý dành cho Diễn Đàn. Cuộc nói chuyện lan sang nhiều vấn đề khác, vấn đề quan niệm luật sao cho không có sự tách rời giữa xã hội và Nhà nước, yếu tố luật pháp trong việc xây dựng tính cách chính đáng của chính quyền...

Diễn Đàn : Trong một bài mạn đàm năm ngoái⁽¹⁾, anh có đề cập đến một dự án hợp tác giữa đại học Việt Nam và Pháp về việc đào tạo một số luật gia có tầm cỡ trong nước. Bài viết đã mang lại rất nhiều khích lệ cho độc giả, bởi vì ai cũng thấy đó là một nhu cầu hiển nhiên và cấp bách của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập vào kinh tế thị trường và vào các tổ chức quốc tế, nhất là với các nước láng giềng ở Á châu. Chúng tôi nhận được nhiều thư khắp nơi thăm hỏi. Thật là cảm động. Một năm đã trôi qua, sự chờ đợi hứng khởi của mọi người càng được kích thích, bởi vì chẳng ai được biết tin tức gì thêm. Đó là lý do của buổi mạn đàm hôm nay. Lần này, xin anh đi vào chi tiết cụ thể. Thiện cảm mà anh đã nhận được buộc anh có trách nhiệm nói rõ tiến triển của dự án, mặc dù chúng tôi biết rằng sự dè dặt và kín đáo vốn là đức tính cần thiết của người có tinh thần trách nhiệm.

Cao Huy Thuần : Vâng, thật là cảm động. Nhưng cũng thật là áy náy cho tôi, bởi vì tôi có cảm tưởng thực tế đi nhanh hơn những toan tính trong đầu. Hôm qua, chuyện hãy còn mới, và bạo. Hôm nay, chuyện trở nên bình thường, và cũ. Nói chuyện mới thì có hứng. Nói chuyện cũ, biết có ai nghe ?

DĐ : Có người muốn nghe...

CHT : Lúc nhỏ, tôi thường hay dậy sớm, ngồi trước thềm nhà, chờ xem mặt trời mọc lên từ bên kia sông. Chân trời hồng lên, và tim tôi hồi hộp. Rồi mặt trời nhú lên trên sông, và nắng chảy dài trên mặt nước. Tôi có những rung động căng thẳng lúc bình minh. Trước bình minh. Khi mặt trời mọc thì tôi nhẹ nhõm. Chuyện luật mà tôi góp phần tác động cách đây gần ba năm là chuyện xảy ra trước bình minh. Dự án chưa đi đến đâu, nhưng mặt trời vẫn mọc. Và tôi có cảm tưởng cất được quang gánh trên vai.

Xin anh đừng nghĩ tôi lạc đề. Hãy cùng tôi đi dạo một vòng, mỗi buổi tối, chung quanh các trường đại học ở Thành

phố Hồ Chí Minh. Anh thấy gì ? Bao nhiêu xe cộ, bao nhiêu rộn rã, bao nhiêu tuổi trẻ, tưng bừng, tấp nập, háo hức, hăng say, ào ào đua nhau đi học. Trả tiền ? Mặc ! Đi học. Ào ào đua nhau đón nhận kiến thức. Có nước nào như vậy không ? Cái không khí hăng say, cái khao khát hiểu biết, ý muốn tiến lên chiến thắng tương lai... tôi vừa tự hào, vừa xót dạ. Tự hào cho tuổi trẻ ham học. Xót dạ cho nhiệt huyết thiếu tổ chức, thiếu phương tiện, thiếu hướng dẫn. Mà không chỉ lớp trẻ mười tám, hai mươi ! Cán bộ ba mươi, bốn mươi cũng tưng bừng đi học. Để chiến thắng tương lai. Tôi tin mãnh liệt ở tương lai đất nước. Ở Việt Nam, chân lý đến mà chẳng cần ai quảng cáo : ai không có kiến thức, kẻ ấy sẽ bị tương lai đào thải. Tôi nhớ câu châm ngôn của đạo Khổng : kẻ đi học cũng như người chèo thuyền nước ngược, **bất tiến tất thoái**. Ở Việt Nam, tuổi trẻ không muốn thoái, cho nên ào ào đua nhau chèo thuyền nước ngược.

Vậy thì họ học gì ? Cái gì mới là học. Ngoại ngữ. Quản trị xí nghiệp. Tin học. Luật. Luật dạy ở khắp nơi. Đại học tổng hợp. Đại học mở rộng. Mở rộng ở Sài Gòn. Rồi mở rộng khắp các tỉnh, cho đến Huế. Riêng tại Huế, mới mở ra đã có hai trăm sinh viên ghi tên ở năm thứ nhất. Hỏi họ học luật để làm gì, chẳng cần trả lời. Ào ào đi học. Có nước nào như nước này không ? Mà như vậy từ Nam chí Bắc. Ở Bắc, trường Đại học pháp lý trang bị máy vi tính không thua gì một trường đại học ở nước ngoài. Để làm gì ? Để quản lý mạng lưới đào tạo ở khắp các tỉnh miền Bắc. Việc học luật được mở ra cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Trong kỳ thi tuyển vào các trường đại học đầu niên khoá này, khoa luật thu hút những sinh viên ưu tú nhất. Có ai can đảm tưởng tượng một chuyện ly kỳ như vậy cách đây mấy năm !

Trong tình trạng **bất tiến tất thoái** đó, chuyện đào tạo luật gia ở cấp cao chẳng phải là chuyện bình thường, đương nhiên rồi sao ? Thế hệ trẻ ngày nay đáng được dâng một chén bồ đào mỹ tửu.

DĐ : Vậy thì dự án được tiến hành như thế nào ?

CHT : Tất nhiên là thuận lợi ! Thuận lợi về phía Việt Nam ! Chúng tôi tưởng đã ký một thoả hiệp hợp tác từ tháng 7 năm ngoái. Tất cả đều đã sẵn sàng. Thủ tướng chính phủ đã chấp thuận ; hai bộ Giáo dục và Tư pháp đã đồng ý giao cho trường Đại học pháp lý trách nhiệm thực hiện dự án hợp tác ; văn bản thoả hiệp đã duyệt y ; kinh phí đã chuẩn bị. Chỉ còn nhảy lên ngựa...

DĐ : Tại sao chưa ký ?

CHT : Than ôi, tại vì muốn nhảy một bản **tango** phải có nàng với chàng. Giọng Tino Rossi vừa véo von thì chàng kỹ sĩ Pháp chần chừ chưa muốn bước. Vì có gì ? Tôi không biết. Chỉ biết rằng lý do chính thức được nêu ra là muốn thoả hiệp hợp tác được ký kết ở cấp cao nhất, nghĩa là cao hơn cấp đại học : cấp bộ. Một thoả hiệp như vậy vừa diễn tả được tầm quan trọng của hợp tác, vừa tránh được những bấp bênh của thủ tục ngân sách hằng năm. Chúng tôi vui vẻ xuống ngựa, trao giấy cương cho trường Đại học Paris II. Paris II triệu tập một buổi họp các đại học Pháp, rồi chẳng biết làm gì hơn là hỏi ý kiến của cấp trên. Ai trong chúng ta lại không biết truyền thống tập trung quyền hành tại Pháp ? Giá như sự việc

(1) Thăng mỗ, cái vạc dầu và con voi, Diễn Đàn số 23 (10.93)

xảy ra ở Mỹ, chắc chắn dự án hợp tác đã đi được ngàn dặm từ khuya, chắc chắn một tổ chức, một trường đại học đã nhận được đủ điều kiện tài chính để tự mình đảm đương trách nhiệm thực hiện, với tinh thần năng động của những người xem đó là nguồn vui, là lẽ sống của mình. Dự án hợp tác đã bắt nguồn từ tổ chức của chúng tôi, từ một niềm vui bắc cầu giữa Paris và Hà Nội ; dự án đó bây giờ đã trở thành công việc bình thường của một bộ máy bàn giấy bình thường, với tinh thần bàn giấy, ngày giờ bàn giấy, tốc độ bàn giấy. Cái bàn giấy có những lý lẽ mà lý lẽ của những con người vô tư như chúng tôi không hiểu nổi. Cho nên tuổi trẻ ở Việt Nam ào ào đi học luật mà đại học Pháp vẫn chấp tay sau lưng bâng khuâng đứng ngắm, chưa mang lại được một đóng góp bạn bè đáng kể. Tôi dạy ở Pháp đã một phần tư thế kỷ, thương quý đại học Pháp, loay hoay cùng với bạn bè Pháp trải một chiếc thảm đỏ. Mà vẫn chưa có gót sen ! Tôi buồn. Cho đại học Pháp. Càng buồn hơn nữa là dư luận Việt Nam, từ phía chính quyền cho đến phía trí thức, ai cũng có cảm tình đặc biệt với ngành luật của Pháp, ai cũng nghĩ rằng kinh tế là chuyên môn của Mỹ, luật là *ngành của chàng*. Thế mà dự án hợp tác là một chuyện cón con, rất cón con, vẫn chưa làm được !

D Đ : Thế nào là cón con ?

C H T : Có gì đâu, đào tạo khoảng 25 người được tuyển chọn qua một kỳ thi sau khi đã tốt nghiệp đại học. Họ được cấp học bổng đủ sống để theo học hai năm tại Hà Nội với các giáo sư giỏi qua từ Pháp. Ra trường, những người xuất sắc nhất có thể được cấp học bổng học thêm ở Pháp.

D Đ : Học bằng tiếng Pháp ?

C H T : Năm thứ nhất, bài giảng được thông dịch. Năm thứ hai, học trực tiếp bằng tiếng Pháp. Điều đó có nghĩa là các sinh viên phải học tiếng Pháp song song với học luật ở năm đầu. Họ cũng phải làm quen với các giảng văn tiếng Pháp mà họ phải đọc trước khi nghe thầy giảng.

D Đ : Đây là một hợp tác mà hai bên đều có lợi...

C H T : Phía Việt Nam, nếu 25 người được tuyển chọn là những người xứng đáng nhất, chúng ta sẽ có 25 luật gia hữu ích cho xứ sở. Phía Pháp, trời ơi, đó là một giọt nước trong cái thùng viện trợ không đáy mà Pháp tưới ra ở Phi châu, nhưng đó là giọt nước chứa đựng tất cả mệnh mệnh của Thái Bình Dương. Phía Pháp thừa hiểu rằng họ không thể cạnh tranh nổi với Mỹ trong lĩnh vực... nhạc học, bởi vì trong bảy nốt nhạc, Việt Nam chỉ muốn chơi một nốt thôi, nốt đô. Cho nên hãy chơi tốt với nhau, chơi thật tốt, thật bạn bè, thật vô vị lợi, trên lĩnh vực đã làm nổi danh nước Pháp : văn hoá là cái gì còn lại sau khi tất cả, kể cả bảy nốt nhạc, đều quên tuốt.

D Đ : Ngay cả trong lĩnh vực này, e rằng đại học Pháp là kẻ đến sau. Chỉ cần kể một ví dụ thôi : đại học Bruxelles vừa ký đầu năm nay một thoả hiệp hợp tác với trường Đại học mở rộng Thành phố Hồ Chí Minh để dạy môn quản lý công cộng cấp *maitrise*...

C H T : Tôi thương và quý đại học Pháp ; đó là người mẹ tinh thần của tôi. Nhưng tôi và bạn bè Pháp của tôi không ngừng lưu ý hai điều trong việc hợp tác dạy luật. Một, nếu anh nghĩ rằng hợp tác với Việt Nam cũng như hợp tác với Phi châu thì anh làm to và hãy đi bán thóc giống mà ăn. Việt

Nam không cần phải tổ chức một hội thảo để mở xẻ Toà án hiến pháp của Đế quốc Cộng hoà Pháp chẳng hạn. Do đó, hai : Việt Nam học luật, trước tiên là học tinh thần, căn bản, và phương pháp của luật. Nói một cách khác, đó không phải là học luật của một nước nào, mà cốt yếu là luật so sánh. Dạy luật ở Việt Nam sẽ là một việc rất khó khăn : người dạy phải dạy trong tinh thần so sánh, nghĩa là phải am hiểu nhiều hệ thống luật lớn khác nhau trên thế giới. Dạy luật ở Việt Nam không có nghĩa là mang trong túi giăng văn đang dạy ở Pháp rồi cứ thế mà thao thao bất tuyệt. Muốn hợp tác với Việt Nam được thành công, việc lựa chọn giáo sư giỏi qua Việt Nam là điều quan trọng hàng đầu : giáo sư giỏi chưa đủ ; còn cần phải biết dạy cái gì có ích cho Việt Nam. Có lẽ anh em chúng ta, từ Bruxelles, từ Paris, từ Montréal, từ Tokyo, từ Washington, từ Bonn... góp được tiếng nói trong việc quan trọng đầu tiên này chăng ?

D Đ : Trong việc hợp tác giảng dạy ở Việt Nam, kinh nghiệm cho biết sinh viên đòi hỏi phải được cấp văn bằng hoặc chứng chỉ. Đây là một điều kiện tất yếu. Vấn đề này được giải quyết thế nào trong dự án dạy luật ?

C H T : Quan trọng thay là những sự việc cụ thể ! Đây là khó khăn mà dự án đang vấp. Trong dự thảo, chúng tôi đề nghị cấp văn bằng tương đương với DEA của Pháp (2). Để hiểu thôi : sinh viên đã học xong 5 năm ở Việt Nam, cộng thêm hai năm nữa là bảy ; bộ anh cấp cho họ cái bằng sơ học yếu lược à ! Thế nhưng có người trong đại học Pháp phàn nàn : trong chương trình Việt Nam, học thì nhiều nhưng học luật chẳng bao nhiêu. Một lý lẽ khác, vững chắc hơn, được đưa ra : việc công nhận tương đương bằng cấp là thẩm quyền của mỗi hội đồng đại học ; hội đồng có thể nhận mà cũng có thể bác. Đúng thôi. Nhưng nếu chịu khó nhìn xa hơn cái mũi của mình một chút thì những chuyện cắc kè này có nghĩa lý gì so với lợi ích mệnh mệnh của hai bên. Muốn giải quyết, có trăm phương nghìn kế. Anh ký một hiệp ước với Việt Nam, ở cấp chính phủ, đại học nào chẳng răm rắp tuân theo. Ai cũng tưởng vấn đề đã được giải quyết như thế hồi tháng 11 năm ngoái, lúc ông bộ trưởng ngoại giao Pháp Alain Juppé ghé Hà Nội. Thế mà chẳng thấy bút nào sa, gà nào chết. Mọi người đang chờ đợi chuyến viếng thăm Hà Nội của ông bộ trưởng tư pháp Méhaignerie vào giữa tháng hai sắp đến. Mỗi ngày qua là một chút hy vọng bay đi. Chuyện dạy luật, đâu có phải là khách má hồng mà truân chuyên đến thế !

D Đ : Chúng tôi được biết rằng có cơ quan trong nước đánh giá việc hợp tác giảng dạy như thế này : coi chừng, đó cũng là một âm mưu diễn biến hoà bình. Anh nghĩ sao ?

C H T : Tôi hoàn toàn đồng ý ! Nhiệm vụ của công an là nghi kỵ ; nhiệm vụ của chúng ta là ngay thẳng. Ai làm việc nấy. Cuộc đời là ma và Phật, hướng hồ chính trị. Nhiệm vụ của công an là thấy ma ; nhiệm vụ của chúng ta là nam mô. Và cuộc đời là đi tới.

D Đ : Anh không nghĩ rằng việc đào tạo luật sẽ đưa đến lệ thuộc Tây phương trong nếp suy nghĩ về luật và trong việc hệ thống hoá luật lệ ? Đây chẳng phải là vấn đề quan trọng

(2) Diplôme d'Etudes Approfondies, văn bằng được cấp ở năm thứ 5, sau tú tài. Với văn bằng này, sinh viên được bắt đầu làm luận án tiến sĩ.

hàng đầu trong việc xây dựng độc lập về tư tưởng và về chính trị sao ?

C H T : Sự lệ thuộc Tây phương về văn hoá trong đó có luật, là chuyện đã diễn ra và đang diễn ra. Đã diễn ra từ hơn thế kỷ nay, và đang diễn ra khắp nơi. Riêng về luật, hai yếu tố chính đã đưa đến lệ thuộc lúc ban đầu, nghĩa là từ giữa thế kỷ 19, ngay tại những nước muốn canh tân, Thổ Nhĩ Kỳ chẳng hạn. Một, là sự vay mượn về hình thức và kỹ thuật : các nước không cùng văn hoá với Tây phương không có truyền thống làm các bộ luật ; tiếp xúc với Tây phương, họ bắt buộc phải du nhập kỹ thuật đó mặc dù luật của họ bản chất là án lệ (các nước hồi giáo chẳng hạn), mặc dù phong tục trong nước thay đổi tùy dân tộc và địa phương (Ấn-Hồi, thành phần bộ lạc trong các nước Phi châu), hoặc mặc dù phong tục, tôn giáo là nếp sống linh động và sâu thẳm của tổ chức xã hội. Kết quả lắm khi là sự tách rời giữa luật pháp chính thức, có cũng như không, và luật lệ riêng biệt, tưởng hoá ra không mà vẫn cứ có, nghĩa là tách rời giữa một Nhà nước áp đặt và một xã hội đã cày sâu cuốc bẫm với những phong tục, lễ thói ngàn xưa. Tòa án có đấy, nhưng ông Toà ngáp ruồi, vì chẳng ai *kiện*, dàn xếp với nhau tiện hơn ; kiện làm quái gì, “ *được kiện mười bốn quan năm, thua kiện mười lăm quan chẵn*”. Khi Nhà nước Ai Cập ban bố bộ luật gia đình, buộc hôn thú phải làm dưới hình thức công chứng để che chở thừa kế và bảo đảm cấp dưỡng trong trường hợp ly hôn, lập tức người dân cưới nhau theo luật truyền thống để tương lai được cởi mở thoải mái. Người này có nợ máu với người kia ? Khỏi làm phiên luật sư, nhà tù, máy chém : *tha'r* ! tự xử, tự trả thù. Cũng tử như dân anh chị Sài Gòn đòi *xin tý huyết*. Yếu tố lệ thuộc thứ hai là áp lực của thương mại quốc tế : phải làm các bộ luật dưới ảnh hưởng của luật Tây phương để bảo vệ giao thương kinh tế với Tây phương và của Tây phương. Tơ, lụa, thuốc phiện, trà, ô-li, thuốc lá... những nguyên liệu đầu tiên đó đã mang lại tiền, nhưng đồng thời cũng mang lại bộ luật thương mại Pháp, bộ luật tố tụng thương mại, luật hàng hải, luật nghĩa vụ, ở Thổ, ở Ba Tư. Rành rành hơn cả là Trung Quốc sau cách mạng 1911, và nhất là dưới chính thể Nam Kinh. Buôn bán mở ra, tư bản tràn vào, nền tảng của chế độ là giới tư sản doanh thương Thượng Hải làm giàu dưới ảnh hưởng trực tiếp của các công ty ngoại quốc. Ngân hàng, máu huyết của tư bản, đồng thời cũng là máu huyết của chế độ : Tưởng Giới Thạch làm rể nhà họ Tống, mà Tống là chủ ngân hàng. Nhiều bộ luật được ban hành, giữa 1919 với 1932, mang ảnh hưởng luật la mã : luật dân sự, luật thương mại, luật tố tụng dân sự, luật đất đai. Mới thì có mới, nhưng đúng là luật của lớp trên, cao lương mỹ vị, chẳng phải máu mủ chảy khắp các tế bào xã hội. Là một điều là luật lao động của Tây phương thì chẳng nước nào du nhập, kể cả Nhật.

Đừng nghĩ rằng tôi chống canh tân, chống công trình xây dựng Nhà nước bằng tập trung luật pháp. Ngược lại. Nhưng, ngoài các nước Phi châu mà chuyện học thuật (mimétisme) đã quá hiển nhiên, điều mà tôi muốn lưu ý khi nhắc lại kinh nghiệm đầu tiên của các nước muốn canh tân là : việc canh tân luật pháp *chỉ* vì mục đích *thực tiễn* (utilitaire) và dưới sự thúc đẩy từ bên ngoài chẳng những đưa đến những vay mượn hời hợt mà còn tạo nên sự hệt hẫng giữa Nhà nước và xã hội.

Luật Tây phương dựa trên cơ sở lý trí, sự tối thượng của cá nhân và liên hệ khế ước. Các nước canh tân chưa kịp suy nghĩ nền tảng triết lý của luật đã phải vội vàng hệ thống hoá luật. Trách sao khỏi *anh đi đường anh tôi đi đường tôi* giữa xã hội và Nhà nước ? Cho nên có sự khác nhau một trời một vực giữa các luật gia Âu châu hồi cuối trung cổ với các luật gia các nước ngoài Âu châu giữa thế kỷ 19 : một bên góp phần trong việc tạo dựng Nhà nước tiên tiến bằng công trình canh tác, sửa đổi, quan niệm lại luật la mã thế nào để phù hợp với tiến triển của tư tưởng xã hội đương thời, với sự thành hình của chủ nghĩa cá nhân và với những cải cách nội bộ của chính Thiên chúa giáo ; một bên làm nhiệm vụ của người thông dịch. Hơn một thế kỷ qua rồi, hiện tượng mà chúng ta đang thấy trước mắt là sự nổi dậy của xã hội chống những tân tiến lắp ghép của Nhà nước trong rất nhiều nước trước đây lệ thuộc, hầu như ai cũng thấy mình đánh mất bản thể ; xã hội soi gương qua Nhà nước không tìm ra bản lai diện mục của mình.

D Đ : *Như vậy tại sao anh lại tích cực trong việc dạy luật ở Việt Nam ?*

C H T : Thứ nhất, anh có thể nhờ chuyên gia nước ngoài xây cầu, nhưng anh không nên nhờ chuyên gia nước ngoài làm luật. Cho nên anh phải có luật gia *thứ thiệt*. Thứ hai, anh phải định nghĩa lại chữ *học*. Học đồng thời là nhận và bỏ. Khi tôi đọc sách và thấy sách nói *trắng* thì đầu tôi vừa hiểu rằng nó *trắng* và *không trắng*. Học là lọc. Và do đó, thứ ba : lúc nào chúng ta cũng cần chuyên gia, nhưng người khó đào tạo nhất là người trí thức. Chuyên gia thấy việc, trí thức thấy vấn đề. Không biết dùng trí thức thì cũng như giấu vàng trong túi mà đi ăn xin. Làm luật, không phải chỉ biết luật, phải thấy toàn diện vấn đề xã hội, từ căn bản. Chuyện đó, chỉ có ta mới hiểu ta.

D Đ : *Luật có gì tương quan với tình trạng “ quá độ ” trong chính trị hiện tại ?*

C H T : Tôi vừa nói đến khủng hoảng bản lai diện mục. Đâu có phải chỉ xã hội mới bị khủng hoảng đó ; Nhà nước cũng vậy. Khắp nơi, Nhà nước nào cũng đang tìm cách biện minh, củng cố cho tính cách chính đáng của mình. Động đến vấn đề *légitimité* này, khó mà không nhắc đến Weber, mặc dù đây là chuyện thường thức. Như anh thừa biết đấy, Weber phân biệt ba loại chính đáng : chính đáng xây dựng trên những giá trị truyền thống, chính đáng xây dựng trên sự thu hút của lãnh tụ, và chính đáng xây dựng trên luật pháp và định chế. Không phải lãnh tụ nào cũng có bộ râu của Bác Hồ, và không phải ai cũng có thể vỗ ngực dán cho mình huy hiệu truyền thống. Tôi nghĩ rằng giá như chúng ta chiêm ngưỡng được nơi ai đó ba yếu tố cùng một lúc thì hạnh phúc biết bao nhiêu. Nhưng nếu thiếu vắng bóng hai cái đầu, thì mỗi một mình yếu tố thứ ba cũng đem lại bao nhiêu tiến bộ. Tôi vốn đặt nặng giá trị đạo đức trong truyền thống Việt Nam, và vốn nghĩ rằng không có đạo đức thì chẳng chính thể nào bền vững : chính trị hiện tại ở Âu châu đang học bài học vỡ lòng đó. Nhưng *nhân vô thập toàn*, nắm được của báu thứ ba này cũng quý lắm rồi, quý lắm rồi, mật gấu đấy. Và đó là lời chúc đầu năm của tôi.☉

Diễn Đàn thực hiện

Khu vực kinh tế ngoại thương của Việt Nam thật ra còn năng động hơn là được phản ánh qua các số liệu chính thức. Những khác biệt hiện lên khi so sánh các con số của Hải quan Việt Nam và của những phía đối tác cho phép nghĩ rằng thống kê thương mại của nhà nước thấp hơn thực tế một cách đáng kể. Hơn nữa, chi tiết về những khác biệt đó gợi ra rằng tỉ lệ hàng tiêu dùng trong nhập khẩu cao hơn khá nhiều so với tỉ lệ được các cơ quan hữu trách đưa ra (xem Bảng 1, so sánh những con số của VIAS – Công ty dịch vụ tư vấn về đầu tư tại Việt Nam – và VCCI – Phòng Thương mại và Kỹ nghệ Việt Nam). Cả hai giả thuyết nêu trên, nếu đúng, dẫn tới những hậu quả quan trọng về cách phân tích kinh tế và sẽ buộc ta phải chú ý tới chúng khi đánh giá những triển vọng của kinh tế Việt Nam.

Một công trình nghiên cứu của VIAS cho thấy có xu hướng chung ước lượng thấp trị giá hàng nhập khẩu. Do đó, các nỗ lực của chính phủ để cải thiện việc thu thập dữ liệu kinh tế chắc chắn sẽ mang lại thành quả cao: chính phủ và những nhà lãnh đạo kinh doanh sẽ được trang bị tốt hơn để lấy các quyết định phù hợp dựa trên một sự xác định hiện thực về tình trạng nền kinh tế và những khuynh hướng phát triển cần được theo dõi. Những sai lầm đắt giá có thể được tránh khỏi nếu quá trình thu thập dữ liệu và các chức năng xử lý được coi là ưu tiên, ngõ hầu những khuynh hướng kinh tế quan trọng không bị coi nhẹ hoặc hiểu sai.

Tuy nhiên, cũng cần nói là sự nghiên cứu kỹ lưỡng những số liệu thương mại có được vẫn góp phần soi sáng nhiều điều – dù các số liệu đó có sai sót chằng nữa. Mặc dù những dị biệt đáng kể giữa các số liệu chính thức của nhà nước và các số liệu của những bạn hàng của Việt Nam, tất cả các cơ quan làm báo cáo đều thừa nhận rằng cả xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam đã tăng nhanh trong những năm qua. Tuy nhiên, nhập khẩu tăng ở một tỉ lệ cao hơn nhiều, khiến cho tình trạng cán cân thương mại tương đối cân đối trong những năm 1990-1991 (tính về trị giá) càng ngày càng bị thiếu hụt. (xem Bảng 2).

Một sự thèm khát nguy hiểm

Theo những ước lượng của VIAS, trị giá hàng nhập vào Việt Nam đã tăng từ 55 \$/người năm 1992 lên đến 76 \$/người năm 1993 trong khi trị giá hàng xuất cùng thời kỳ tăng từ 35,7 \$/người lên đến 45,6 \$/người. Để so sánh, năm 1992 Trung Quốc đã nhập 73,1 \$/người và xuất 69,4 \$/người.¹

Những con số này chứng tỏ Việt Nam, với một ngành xuất khẩu còn rất chậm phát triển, có xu hướng nhập khẩu rất cao so với nhiều nước (xem Bảng 4). Nếu ta chấp nhận con số thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam là 200 \$, tức là con số thường được mọi người đồng ý, thì trung bình mỗi người Việt Nam dùng tới 38 % thu nhập để mua hàng nhập, trong khi con số tương đương ở Trung Quốc là 14,8 %.

Làm sao cắt nghĩa sự thèm khát hàng ngoại này? Phải đáp lại nó bằng loại chính sách nào? Rõ ràng, câu trả lời cho câu hỏi sau tùy thuộc cách nhìn câu hỏi đầu. Cần ghi nhận rằng sự thèm muốn những hàng hoá ấy, mặc dầu là rất cao so với những nước khác, phản ánh hiệu quả chông

Ngoại thương Việt Nam

Lê Anh Tú Packard¹

Nhưng sự nhập siêu ngày càng lớn không nhất thiết là đáng lo ngại. Điều đó tùy thuộc phần lớn vào cơ cấu hàng nhập và chiều hướng thay đổi của cơ cấu đó trong trung hạn và dài hạn. Nếu hàng nhập chủ yếu bao gồm trang thiết bị và máy móc để nâng cấp cơ sở hạ tầng và cải tiến bộ máy sản xuất, và những hàng hoá tư vật liệu dùng trong sản xuất, thì nhập siêu không phải là một dấu hiệu xấu. Sự tăng các mặt hàng nhập đó ngày hôm nay sẽ dẫn tới sự tăng trưởng ở cấp cao tổng sản lượng quốc dân (GDP) cho ngày mai.

Nhiều nước có trình độ phát triển kinh tế tương đương với Việt Nam cũng đã trải qua kinh nghiệm nhập siêu trong cán cân thương mại. Và điều đó không phải là bất bình thường trong bước chuẩn bị cất cánh. Thực ra, do sự tái lập viện trợ quốc tế và các nguồn cho vay nhẹ lãi từ các chính phủ nước ngoài và các định chế viện trợ đa phương, cũng như do sự tăng nhanh nguồn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, một dòng chảy tiền vốn tạo ra thặng dư về tư bản cho phép Việt Nam trang trải thiếu hụt trong cán cân thương mại mà không làm giảm đi dự trữ ngoại tệ.

Để biết cơ cấu ngoại thương có thật đáng lo ngại không, ta phải xem xét thành phần hàng nhập. Sự thiếu hụt tăng lên trong trao đổi hàng hoá với nước ngoài cần được coi là không chấp nhận được và có thể đẩy tới khủng hoảng về cán cân thanh toán nếu hàng tiêu dùng ngày càng chiếm phần quan trọng trong hàng nhập và phí tổn không được bù lại bằng thu

chất của sự dồn nén nhu cầu về hàng hoá chất lượng cao trong thời kỳ mà sự khan hiếm được kế hoạch hoá từ trung tâm. Nhu cầu đó lại không được đáp ứng bằng những mặt hàng nội địa có thể cạnh tranh được. Dưới khía cạnh đó, có thể coi đây chỉ là một sự phình ra tạm thời, sẽ xẹp xuống khi tới lúc. Còn như, nếu khuynh hướng đó phản ánh một sự ưa thích thường xuyên hàng ngoại so với hàng nội địa, bất kể phẩm chất của hàng hoá ra sao, thì hậu quả là một kẻ hở có ý nghĩa và không lấp được về nhập khẩu, cản trở đáng kể sự phát triển thu nhập và lực lượng lao động của Việt Nam trong tương lai.

(1) Cũng cần ghi nhận là Trung Quốc đã thực hiện chiến lược lấy xuất khẩu làm đầu tàu tăng trưởng kinh tế từ hơn một thập kỷ trước Việt Nam. Mặt khác, Trung Quốc cũng đã hưởng được hơn 20 tỉ đôla đầu tư nước ngoài; những xí nghiệp có vốn nước ngoài ở Trung Quốc đã góp phần đáng kể vào sự tăng nhanh xuất khẩu của nước này, với tỷ lệ tăng trung bình mỗi năm 12 % trong thời kỳ 1980-1992).

nhập tương đương từ hàng xuất. Vì thế, những nhà hữu trách và những người làm công tác phân tích những hiểm hoạ của đất nước cần giám sát chặt chẽ tỷ lệ hàng tiêu dùng trong toàn bộ hàng nhập ; sự tăng lên của tỷ lệ này, khi không có sự tăng lên bù lại của tỷ lệ xuất khẩu trong GDP (một chỉ số quan trọng khác cần được xem xét) là những dấu hiệu báo động sớm những vấn đề tiềm ẩn trong cán cân thanh toán. Vì tầm quan trọng của những chỉ tiêu nói trên trong sự phân tích cán cân thanh toán, người ta không thể chấp nhận những sai số quá lớn trong ước tính về thành phần hàng nhập.

Khi so sánh những khác biệt trong các bảng số liệu về mậu dịch song phương, người ta thấy rõ là hầu như tất cả các cơ quan làm báo cáo đều ước lượng thấp cả trị giá xuất khẩu

(xem tiếp trang 56)

Bảng 1 : Tỷ lệ hàng tiêu dùng trong hàng nhập
(phần trăm)

	1992	1993
ước lượng chính thức	16,6	15,6
ước lượng của VIAS	44,4	38,6

Bảng 2: a/ Trao đổi thương mại của VN với Nhật,
(triệu đôla)

	1990	1991	1992	1993
Xuất (1)	543	602	791	976
(2)	339,4	719,3	892,3	936,9
Nhập (1)	236	239	497	706
(2)	174	157,7	239,4	452,3

Bảng 2: b/ với Đức,

	1990	1991	1992	1993
Xuất (1)	38	91	216	264
(2)	41,2	6,7	34,4	50,1
Nhập (1)	162	81	55	135
(2)	118	97,8	40,6	72

Bảng 2: c/ với Đài Loan,

	1990	1991	1992	1993
Xuất (1)	51	73	112	140
(2)	28,1	58,3	87,3	141,9
Nhập (1)	69	168	306	552
(2)	40	59,3	138,5	217,9

Bảng 2: d/ và với Trung Quốc

	1990	1991	1992	1993
Xuất (1)	1	10	66	111
(2)	7,8	34,3	95,6	135,8
Nhập (1)	2	24	117	304
(2)	4,6	18,4	73,4	85,5

(1) Ước tính của Vụ Thương mại, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)

(2) Ước tính của Tổng cục thống kê Việt Nam.

Những con số xuất được tính theo trị giá FOB (Free on Board), có nghĩa là trị giá hàng hoá không tính phí tổn chuyên chở từ nước sản xuất sang nước nhập. Ngược lại, các con số nhập được tính theo trị giá CIF (Cost, Insurance, Freight or Charged In Full) tức là kể cả các phí tổn chuyên chở, bảo hiểm... hàng hoá tới nơi tiêu thụ.

Nguồn : IMF, Tổng cục thống kê và VCCI.

Bảng 3 : Khác biệt giữa người mua và người bán

	1991	1992	1993
Nhật	66	48	64
Đài Loan	35	45	39
Hồng Kông	46	14	26
Trung Quốc	77	63	28
Pháp	126	67	87

Chú thích : Đây là bảng đối chiếu trị giá hàng nhập (CIF) vào Việt Nam, do phía Việt Nam ghi nhận, so với trị giá hàng xuất sang Việt Nam cũng tính lại theo CIF, của các nước đối tác do các nước đó ghi. Các tỷ số được tính bằng phần trăm.

Nguồn : như bảng 2.

Bảng 4 : So sánh xu hướng dùng hàng nhập của một số nước

	nhập	xuất	dân số	pcm	pcx	pci	pct
Thái Lan	40466	32473	58	697,69	559,88	1840	37,92
Trung Quốc	80585	84940	1162	69,35	73,10	470	14,76
Indônêxia	27280	33815	184	148,26	183,78	670	22,13
Ấn Độ	22530	19795	884	25,49	22,39	310	8,22
Hoa Kỳ	551591	420812	255	2163,10	1650,24	23240	9,31
Nhật	230975	339492	124	1862,70	2737,84	28190	6,61
Hàn Quốc	81413	76394	43,7	1863,00	1748,15	6790	27,44

Chú thích : Các con số xuất, nhập tính bằng triệu đôla, dân số bằng triệu người.

pcm : trị giá hàng nhập tính theo đầu người (đôla)

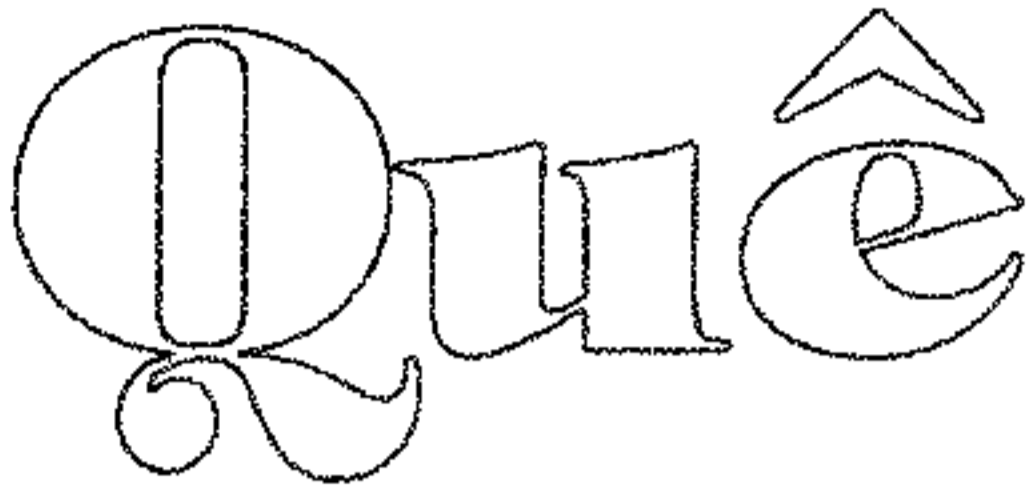
pcx : trị giá hàng xuất tính theo đầu người (đôla)

pci : thu nhập quốc dân (đôla/người)

pct : tỷ lệ pcm/pci (phần trăm)

Nguồn : Ngân hàng Thế giới (World Bank)

NGUYỄN LỘC



Bốn tuần về nhà qua nhanh thật. Đi nơi này vài ngày, nơi nọ dăm bữa, thế là thời gian qua vèo. Vậy mà cũng đủ để đầu óc căng thẳng với bao nhiêu là âu lo, phiền muộn. Mấy ngày cuối còn lại ở Sài Gòn tôi dự định chỉ quanh quẩn trong thành phố, mà cũng đi lại ít thôi, để được gần ông bà cụ và vợ chồng đứa em trong gia đình. Anh hàng xóm, quen thân với gia đình, hỏi: “Chú không đi đâu chơi à?”. Tôi nói “Đi đâu bây giờ anh? Có gì để mà chơi?”. Anh cười lớn, thách: “Chú muốn chơi gì? nói nghe coi”. Ông này là dân bán trời đây. Em tôi mau miệng: “Anh cứ ước gì được đi về miền Tây một chuyến.” Anh hàng xóm chụp ngay: “Thiệt không? Tưởng gì, cái đó dễ ợt.”

Mà hoá ra dễ thật, anh Quang, anh hàng xóm, có xe riêng và có việc phải đưa vợ về quê, một nơi cách quê nội tôi chưa đầy một tiếng đồng hồ lái xe. Vậy là tôi, và một chú em, quá giang gia đình anh đi về đồng bằng sông Cửu. Liên ngay buổi trưa ấy.

Sau mấy lần về thăm nhà, đây là lần đầu tôi ra miệt Phú Lâm, theo quốc lộ 4, đi về thăm lại quê nội, sau 28 năm trời xa cách. Mũi tàu Phú Lâm thì thiệt tình tôi chẳng còn nhận ra, nhưng khi đồng ruộng bắt đầu xuất hiện, thì Bình Điền, Bình Chánh cũng bắt đầu trở lại với tôi. Sắp đến cầu Long An, tôi nói đùa với anh Quang, ngày xưa tôi suýt thành con rể của tỉnh này, anh hỏi: “Muốn ghé thăm người xưa chút không?”. “Đùa thôi anh ơi, muốn thăm thì phải tìm ở Mỹ kìa, làm gì người ta còn ở đây mà tìm”. Tưởng mới đó, mà ký ức tuổi hai mươi sao đã xa tít mù khơi. Xe lên cầu, tôi nhìn về phía sông ra biển, bỗng bất chợt một chút xôn xao. Trời hôm nay hơi gió...

Ngã ba Trung Lương, ngã rẽ ngày xưa thường hay ghé trên đường đi về giữa “nhiệm sở” và gia đình. Nơi nhiều lần kẹt xe nằm lại cả buổi, cả ngày, vừa mệt vừa lo. Lo đêm về ai sẽ làm chủ quãng đường, khoảng đất này. Quãng đường có những buổi sáng tinh mơ xe đồ chạy qua, mọi người cúi mặt để khỏi nhìn mấy xác người còn để nằm ven lộ. Thường là một bà cụ, ông cụ nào đó trong số hành khách e dè dọ hỏi: “Lính bên nào vậy?”. Thường cũng chẳng ai trả lời. Người hỏi hình như cũng không chờ đợi câu trả lời. Có ai buồn để ý phân biệt những người kia là lính của bên nào chẳng? Những giọt mưa bụi dầm xiên xiên trên khung kính xe trông sao lạnh lẽo.

Anh Quang nói, tôi ngừng xe cho chú vô coi lại mấy vườn

ổi xá lị, còn nhớ ổi xá lị không ông? Trời đất, anh tưởng tôi thành cái giống gì rồi chắc. Ông chủ nhà, quần xắn đến đầu gối, cái áo lính cũ mềm, không còn nhìn ra kiểu lính “bên nào”, don đả bước ra mời khách thăm vườn. Mà sao lại nói giọng Bắc nặng nặng vậy kìa? Anh Quang thành thạo: không phải năm tư đâu chú. Ông nội này chắc vô giải phóng xong, giải phóng luôn một bà vợ với ngôi vườn lập nghiệp luôn ở đây chớ gì. Ông chủ vườn rất tự hào về cây mai tứ quý của mình, đứng cười hết cỡ cho khách chụp hình. Anh Quang bình thêm bên tai tôi, tui nghe nói ở ngoài đất đai ít ổi, khô cần, như ông này cấm dùi được ở đây, tết maróc mới quay trở về ngoài. Sau đó, anh cười toe, bắt tay ông chủ nhà, từ giã. Cái ông nông dân Nam Bộ mới “nhập tịch” này, nếu không ai nói ra, và ông ta không lên tiếng, thì làm sao tôi nhìn thấy cái gì khác lạ nơi ông? Chú em tôi, lúc nãy đứng cạnh ông ta chụp hình, có nghĩ tới mấy lần nó bị bắn hụt ở cầu sắt Long Định hồi còn chiến tranh không? Hồi còn chiến tranh! Nghe như đâu xa xôi lắm. Đi trong sự bình yên của con đường liên tỉnh chiều nay, vào cái giờ chập choạng tối “xôi đậu” quen thuộc của “ngày xưa”, chợt thấy lòng mừng vì một quá khứ đã thật sự qua đi. Và không bao giờ trở lại. Ít ra, đó cũng là một mong ước thành khẩn của tôi.

Chúng tôi qua phà Cao Lãnh thì chiều cũng vừa xuống hết. Vệt ráng chiều mong manh cũng tắt hẳn. Những chiếc honda vội vã phóng vọt đi như rượt đuổi thời gian. Khoảng đường ngắn tí xíu còn lại sao mà trắc trở, gập ghềnh. Anh Quang thành thạo giảng giải. Con đường này nằm cuối một tỉnh, dẫn vào một tỉnh khác. Là cái đuôi “vô dụng” của tỉnh nhà, nên không ai màng đổ tiền ra tu bổ nó. Còn cái tỉnh thật sự nhờ vả nó lại “không phải của tui”, làm sao mà đổ tiền vô đó được. Thành ra, mấy lớp đá xanh lờm chớm vẫn nằm đó, chờ thời. Thời ở đây là nhu cầu tu bổ nhà cửa, đường xá của bà con ven lộ. Đá xanh nhà nước bỏ dần vào bờ ao, lối đi trong xóm. Ấu cũng là một cách làm chủ (hay vô chủ?) tập thể. Tôi ngồi trên chiếc xe nhấp nhóm mà thấy bản khoăn nhiều thú. Có lẽ anh Quang cũng không bao giờ để ý về cách nói “đầu tỉnh”, “cuối tỉnh” của anh. Con đường chúng tôi đang đi là con đường hai chiều, vậy mà anh nói nghe như nó chỉ có một chiều, chiều từ thành phố về. Chiều ngược lại coi như không có?

Trước bữa cơm tối anh Quang đã hứa: Cơm nước xong tôi chở chú xuống M. L. chơi. Cái anh này coi vậy mà tinh lắm, như anh nói, dân *bi-di-nét* có khác. Mớ tiếng Anh học cực học khổ để chờ đi đoàn tụ, sau cùng anh lại đổi ý. Anh biết tôi lòng dạ còn chưa yên khi chưa về tới quê mình. M.L. tuy chưa hẳn là quê tôi, nhưng ít ra đứng bên này sông, ngó qua bên kia sông cũng đỡ... nhớ. Đò ngang không đưa vào buổi tối.

Chiếc xe của anh “bước thấp bước cao” qua các ổ voi trên con đường liên tỉnh, băng qua những vũng ánh sáng mờ nhạt, đút nối, hắt ra từ những ngôi nhà ven lộ. Xe ở đây hay đỗ là ở cái giàn dưới, anh Quang đã cất nghĩa cho tôi từ chiều. Những bóng điện neon yếu ớt trong những ngôi nhà tương đối khang trang. Nhà nào ọp ẹp hơn, lù mù ngọn đèn dầu. Có nhà tối đen. Người trong nhà kéo ra ngồi chơi ven lộ. Kiểu ngồi xỏm quen thuộc, lưng quay ra đường. Ngày xưa

mỗi lần về quê, tôi cũng hay ngồi lẽ đường, quay mặt vô nhà, nói chuyện với cô tôi và các anh chị. Có khi mỗi người còn thêm một lóng mía, vừa xúc mía, vừa nói chuyện. Trời gió nhẹ nên không có muỗi như trong nhà. Cứ năm bảy nhà lại có một nhà đèn sáng hơn, đông người tụ tập ngồi trên những ghế thấp. Anh Quang nói, người ta tụ lại coi truyền hình, uống cà phê. Đôi khi họ xem cả *video*. Tôi nói, sang vậy. Anh cười, có tiền, chỉ cần có tiền... Tôi hỏi phim gì? Đủ hết, phim Việt kiều gởi về, phim nhập, kể cả nhập lậu. Tàu viễn dương chỗ lậu đủ thứ chú ơi, có thiếu thứ gì.

Ở đây, anh Quang “nhắm mắt đi cũng không lạc”. Anh tìm một khoảng trống, đậu xe lại. Ba chúng tôi bước hẳn vào bóng tối của khu sạp quanh chợ M.L. Có tiếng ai đó hỏi, hia Quang mới về hả? Về hồi chiều, đưa bà về đám giỗ. Mai ghé tui nhậu chơi. Mai sáng tui đông rồi. Chỗ hai ông này đi vòng vòng, qua Long Xuyên, Cần Thơ rồi về trên luôn. Bà với thằng nhỏ ở lại. Mùi chợ, cái mùi quen thuộc trở về thật tự nhiên. Cái mùi gợi nhớ các nỗi cơ cực của ngoại phải cu mang mấy mẹ con tôi, những năm cha tôi vắng nhà. Thằng bé ngồi bán cái nồi cho bà ngoại ở đầu chợ Th. vẫn chưa rời bỏ tôi. Chưa một lần xa cách, chưa một lần ra đi. Vậy mà anh Quang đành lòng hỏi tôi còn nhớ ôi xá lị không. Đâu phải ai về đây cũng mặc “áo gấm”, mặc quần áo đánh *tennis*, kẹp nách chai *evian* đâu anh! Tôi về quê mà. Chắc anh Quang cũng khó mà biết rằng cái mùi chợ nặng nề suýt làm tôi rơi nước mắt. Tôi vừa nhận ra là mình vừa về đến nhà.

Tiếng ca cải lương vọng lại từ một cái *radio* để trên sạp bên đường đi. Chị đàn bà nằm quẩn trong chăn, cho con bú, vừa thiu thiu ngủ. Hay chị đang để mê thưởng thức cải lương không chừng. Tự dưng nhớ một anh bạn ở bên Mỹ. Nhớ nhà, bạn tôi nhắc lại ai đó đêm nào ca vọng cổ trong chợ Bàn Cờ, nghe đứt ruột. Đêm già biệt người yêu (thật hoặc tưởng tượng), lòng não nề mà ướp thêm sáu câu vọng cổ vào đó thì, xin lỗi ông Chopin, ông Beethoven, luôn cả cô Sade liêu trai của tôi nữa, các vị thua xa. Cái giọng ca ẻo lả, ẻo uột của Minh Cảnh (Minh Cảnh giả cũng được) ăn đứt! Nó đi ngọt lịm với cái mùi chợ của tôi.

Tôi ra đứng trên nền xi măng kiên cố nơi bến sông. Đêm hoàn toàn tĩnh lặng, đêm bao trùm. Thật sự yên bình. Cả âm thanh và ánh sáng đều thật dịu, đọng lại từng vòm, đây đó. Tiếng ai đó dội nước dào dào dưới bến. Sáu hơn, là tiếng dòng sông đang trôi chảy. Dòng sông luôn là một chốn trở về của tôi. Dòng sông đã đưa các cô tôi đi lấy chồng. Dòng sông đưa cha tôi lẫn khuất ra đi ở tuổi niên thiếu, trốn tránh sự ruồng bỏ của Tây, và ngón tay chỉ điểm đã xua cha tôi ra khỏi quê nhà, luôn cả ngưỡng cửa nhà thờ. Dòng sông đã một lần đón, đưa mẹ tôi bằng con về quê chồng tránh bom Đồng minh. Dòng sông năm xưa có người con gái bơi xuống đưa tôi đi thăm quanh vùng. Cù lao bên kia giờ này mà đã như say ngủ, thật ít ánh đèn. Một vài vệt sáng lung linh mặt nước. Tôi cố giương mắt tìm cái tháp chuông nhà thờ quê nội tôi. Nghe đâu, ngày xưa, đây là một trong những ngôi nhà thờ “chủ lực” của con đường truyền giáo tràn xuống vùng đất Nam Bộ này. Chỉ có bóng đêm nơi ấy. Màu vôi xanh nhạt của tháp chuông, hoen ố vì nắng mưa mờ mờ trong trí nhớ tôi. Ngôi nhà thờ tôi đặt chân vào đó không quá đôi ba lần, vì cô tôi không muốn mọi người trong họ đạo nhận ra rằng thằng

cháu của cô không biết làm dấu, đọc kinh. Vô nhà thờ mà cứ ngơ ngác ngác, chẳng biết lúc quỳ xuống, đứng lên. Sự tủi hổ, đau lòng của cô vì một đứa em không còn giữ đạo có lẽ không bao giờ nguôi. Cái cứng đầu, bướng bỉnh lại còn “di truyền” sang mấy thằng cháu không chịu nghe lời cô trở lại đạo. Tuổi nhỏ, bọn tôi cứ cho rằng mình thật lòng yêu mến cô, yêu mến cái đất cù lao này là đủ... Còn cách cô truyền đạo, thì phải thú thật là “không đủ sức thuyết phục”, như thằng em tôi có lần bình luận. Khôn lớn hơn, tôi biết thêm về sự khác biệt giữa tin và hiểu, càng thấy thương những bà chị của cha tôi hơn.

Tôi hỏi người đàn ông đang cúi húi cạo rửa một vật dụng gì đó cách tôi đang đứng độ năm bảy thước: Bến đò còn ở đây không anh? Dọn xuống phía dưới, ngang chỗ gần trường học rồi. Chút anh đi về phía đó, để ý sẽ thấy tấm bảng. Anh Quang nói thêm, bây giờ đò máy, không nhỏ xíu như hồi trước đâu. Anh có ý trêu tôi. Hồi chiều, tôi thú tội sợ sông nước của mình. Thằng bé thành phố, không biết bơi, lần đầu ngồi con đò mong manh băng ngang dòng sông chảy xiết, làm sao không thấy lo lo trong bụng. Một chút xoay trở trên đò cũng đủ trông chừng con đò chở khẳm. Mũi đò ngang xóc ngược dòng nước như người chèo đò muốn đi về thượng nguồn. Cô tôi nói, không thôi đò trôi tuốt về phía xa kia, làm sao ghé đúng bến bên kia sông. Con đò mà khách đi hình như ai cũng biết ai. Cô tôi nói thằng này là con thằng T. đây. Ít khi tôi nghe ai kêu tên cha tôi như vậy nên ban đầu thấy lạ. Người này hỏi một câu, người nọ hỏi một câu. Chào Bác đi con. Chào chú, chào cô đi con. Mấy tuổi rồi con? Tên gì? Được mấy đứa em rồi? Gần ba mươi năm tôi không trở về, ai còn ai mất? Giá như có ai nhắc đến họ, liệu tôi có còn nhớ không? Nếu sáng mai tôi đi đò qua sông, sẽ không còn ai nhận ra tôi.

Nhưng có hề gì, tôi vẫn còn nhớ con đường đất từ bến đò về nhà cô tôi. Cứ nhắm hướng nhà thờ mà đi. Các cô tôi mỗi người đi lấy chồng một nơi, nhưng cả ba người ai cũng cất nhà ở nơi gần nhà thờ xứ. Cha tôi hay trêu chọc, mấy bà ra đứng ngoài sân mà không ngó thấy gác chuông nhà thờ là chịu không nổi. Đêm nay, tôi đứng đây, đầu óc mông lung nhiều thứ. Tôi có cảm tưởng như có một thứ xúc cảm nào đó đang ngấm từ cái bóng tối bao quanh kia vào từng tế bào trong thân xác tôi. Và thân xác tôi càng lúc càng nhẹ tênh, trôi nổi dật dờ. Đêm quê nhà bình dị đến nao lòng. Một quê nhà không có chỗ cho lý trí tôi soi mói, vặn hỏi bất cứ điều gì. Trong cái bóng đêm bao trùm ấy, con mắt lý trí đã nhắm lại. Con mắt trái tim mở ra. Lòng tôi chan hoà ký ức và xúc cảm. Cái xúc cảm đơn sơ và dịu dàng của đứa con xa được bước vào ngôi nhà của Cha mình. Một quê nhà rất thật, rất riêng tư. Và tôi quyết định ngày mai sẽ nài anh Quang dành chút thì giờ đi với tôi qua cù lao. Chưa thăm được cô tôi, chưa nhìn được thấy gác chuông nhà thờ G., tôi cũng chịu không nổi.

Và tôi cũng biết rằng, sáng mai tôi cũng không tài nào đi lại con đường đất ấy — và luôn cả phần còn lại của chuyến đi này — với đôi mắt của lý trí nhắm lại, như đêm nay. Tôi chợt cảm thấy một sự mất mát...

NGUYỄN LỘC

California, tháng 12.1994

Đặng Tiên

Dải yếm

trong

văn học



ký họa của BUI XUÂN PHẢI

Thơ Tết, thơ Xuân thường là ước lệ. Nhưng qua những ước lệ chúng ta có được nhiều câu thơ hay, và hay về nhiều mặt : nghệ thuật, tâm cảm và phong tục. Trên ba kích thước ấy, có lẽ Nguyễn Bính là người lưu lại nhiều thơ Tết, thơ Xuân hay nhất, từ tâm sự tha hương đến hình ảnh mùa xuân đất nước hay ngày Tết dân tộc :

*Trên đường cát mịn một đôi cô
Yếm đỏ khăn thâm trẩy hội chùa
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc
Tay lần tràng hạt miệng nam mô*

1937, *Tâm hồn tôi*

Bài dưới đây ghi lại hình ảnh dải yếm, trong y phục phụ nữ Việt Nam ngày xưa, sau này ít người dùng và nhớ đến. Yếm là mảnh áo lót, che phần ngực bụng, hình quạt, có hai cặp dây buộc phía sau cổ và eo lưng. Tấm yếm gắn bó mật thiết với thân xác và nhan sắc người đàn bà, vừa khêu gợi vừa gìn giữ, phô bày và che đậy. Dải yếm nằm trong biện chứng kín và hở, khoe và che. Khi đọc nhan đề một tiểu thuyết *Khi chiếc yếm rơi xuống*, người ta có ngay một thành kiến — và thành kiến sai, vì trong tác phẩm (1939) Trương Tửu chỉ tố cáo những bất công và tệ đoan xã hội đưa người con gái đến nghề buôn hương bán phấn.

Trong Kiều, đoạn Thuý Kiều khuyên Thúc Sinh về quê thú thật với Hoạn Thư mối tình cát lụy giữa hai người :

*Để loà yếm thắm tròn kim
Làm chi bụng mắt bắt chim khó lòng*

Hai câu đều mượn ý tục ngữ : cái yếm đỏ thắm dù lộ liễu có khi người đời không để ý, còn tròn kim, tuy nhỏ bé, nhưng cố ý bới tìm vẫn thấy. Trong Kiều câu này nghĩa rộng hơn : để gì giấu được dài lâu mọi chuyện dù lớn dù nhỏ. Cũng có thể hiểu yếm thắm tròn kim là hai hình ảnh đối lập Hoạn Thư với Thuý Kiều.

Trong thơ cổ điển, Hồ Xuân Hương đã tả dải yếm đào trong bức tranh thiếu nữ khêu gợi và thanh tú :

*Lược trúc biếng cài trên mái tóc
Yếm đào trễ xuống dưới nương long.
Đôi gò bông đảo hương còn ngậm,
Một lạch Đào Nguyên suối chứa thông.*

Ca dao có những lời tình tứ :

*Ước gì sông hẹp bằng gang
Bắc cầu trái yếm cho chàng sang chơi*

Người con gái táo bạo, lẳng lơ, nhưng vẫn dè dặt vì chỉ nói lời ngông nghênh dựa vào dự tưởng. Câu ca dao này còn một thoại khác. Khởi đầu là lời người con trai huê tình nhưng từ tốn :

*Gần đây mà chẳng sang chơi
Để anh ngắt ngọn mồng tơi bắc cầu*

Người con gái bạo dạn, chanh chua hơn, trả lời ngay :

*Mồng tơi chẳng bắc được cầu
Để em trái yếm bắc cầu anh sang*

Câu đáp đằm thắm, sắc sảo, ý trách người con trai tán tỉnh vẩn vơ : là đàn ông, anh phải đến với em, chứ sao lại bắt em sang, mà lại còn trách cứ “chẳng sang chơi”. Vả lại tình cảm của anh chỉ mong manh như ngọn mồng tơi thì... yếu

quá. Chúng ta cũng có thể tưởng tượng một cảnh đối đáp khác :

*Đôi ta cách một con sông
Muốn sang anh ngả cành hồng cho sang
Uớc gì sông hẹp bằng gang
Bắc cầu trái yếm cho chàng sang chơi*

Đến câu đối đáp này mới thần tình :

- *Bông cúc vàng nở ra bông cúc tím (a)*
Em lấy chồng rồi trả yếm lại anh (b)
- *Bông cúc vàng nở ra bông cúc xanh (a')*
Yếm em em mặc, yếm gì anh anh đòi ? (b')

Chuyện tặng yếm, đòi yếm, trong thực tế, chỉ là chuyện dự tưởng, làm nền cho lời hát huê tình thêm thi vị và sắc sảo. Chúng ta thử sống lại dự tưởng đó. Khi tặng yếm cho nhau thì quan hệ giữa hai người đã đến độ mật thiết lắm. Tặng nhau chiếc yếm là đã đi sâu vào đời nhau. Khi đòi yếm lại, chủ yếu người con trai không phải là thu lại một vật sở hữu — *tình đã cho không lấy lại bao giờ* — như lời thơ Xuân Diệu. Chàng chỉ nhắc lại “ *tình mới đã thành xưa* ” để trách cứ nàng thay lòng đổi dạ. Lời trách có cơ sở, ít nhất về mặt chủ quan người nói, nhưng gặp phản ứng tài tình và chính đáng của cô gái, về hai khía cạnh : cô gạt phăng, gạt thẳng thừng và đánh đá chuyện đòi yếm, bản thân nó nhắm nhí (b, b'). Về chữ thủy chung, câu đáp tuyệt vời vì nó khẳng định tự do người phụ nữ : lấy ai và yêu ai là quyền của em. Thậm chí cỗ cây còn có khi thoát khỏi quy luật tất yếu (*nécessité*) đi vào cõi ngẫu nhiên (*contingence*) nói chi đến con người có lựa chọn. Bản chất nhân tính vốn tự do. Chàng trai trách, lời ẩn dụ văn hoa và chua chát :

Bông cúc vàng nở ra bông cúc tím (a)

Cô gái sử dụng lại ngay ẩn dụ ấy và quay ngược mũi kim :

Bông cúc vàng nở ra bông cúc xanh (a')

Lời trách (a) có phần nào hiện thực : bông cúc có khi vàng, khi tím. Lời đáp ương ngạnh đánh đá, vì không làm gì có màu cúc xanh (a'). Mà bông cúc vàng dù có nở thành màu xanh, thì là quyền của bông cúc, việc gì đến anh ? Cũng như lấy ai, yêu ai là quyền của em. Câu thơ thật hay, đã giàu màu sắc, màu sắc lại đậm đà ý nghĩa. Lời ví von, nhưng giản dị, gây ngay ấn tượng sâu xa. Cảm giác đầu tiên là sự dí dỏm, pha chút lẳng lơ chung quanh hình ảnh chiếc yếm, nhưng sau đó, người nghe suy nghĩ xa hơn : từ câu chuyện đòi yếm có tính cách tượng trưng, đến chuyện chung thủy thủy chung vốn phức tạp — “ *lạc từ cái ý chung tình lạc đi* ” như lời Nguyễn Bính — đến quyền sống của người phụ nữ trong một xã hội khe khắt với người đàn bà, và cuối cùng là tự do, tình yêu, hạnh phúc và định mệnh con người nói chung — giữa một trần gian dạt dào hương sắc, nhưng phôi pha và bất trắc.



*Ba cô đội gạo lên chùa
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư
Sư về sư ốm tương tư
Ốm lẫn ốm lóc cho sư trọc đầu.*

Gắn bó với bộ ngực, phần nữ tính lộ liễu nhất, tấm yếm

vừa che vừa khoe ; trong y phục cổ truyền, yếm là trang sức nhiều màu sắc, cùng với dải thắt lưng.

Yếm thắm bỏ bùa... Thật sự, biết đâu dải yếm, bản thân nó, chẳng đã là tấm bùa mê, vừa hộ mệnh, vừa đoạt mệnh.

*Một thương tóc bỏ đuôi gà
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên
Ba thương má lúm đồng tiền
Bốn thương răng nhánh hạt huyền kém thua
Năm thương cổ yếm đeo bùa
Sáu thương nón thượng quai tua dịu dàng*

Tấm bùa thì lấy gì làm đẹp ? Sở dĩ mê tấm bùa vì mê cổ yếm. Và không có thứ bùa ngải nào mê hoặc con người hơn nhan sắc cô gái — điển hình là chiếc yếm, ngày xưa chắc phải rực rỡ lắm :

*Dưới mắt nước chói loà yếm đỏ
Trên bầu trời rạng tỏ mây xanh
Từ ngày chia rẽ em anh
Nước trời còn đó, ai đành phụ nhau*

Báo *Kiến thức ngày nay*, số Xuân năm ngoái (1994) có đoạn viết hay về tấm yếm : « *Ở chùng mực nào đó, chiếc yếm thể hiện được bản sắc văn minh Việt Nam : kín đáo, đạo đức nhưng cũng rất gợi cảm. Đối với cô gái trẻ, chiếc yếm dùng để che bộ ngực thanh xuân bát ngát, làm giảm đi tính cách khiêu khích của phái tính nhưng đồng thời vẫn nói lên một thú ngôn ngữ lãng mạn của niềm tự hào về phái tính. Đó là chiếc yếm được may với những màu sắc tươi đẹp : màu hồng của hoa đào, màu xanh lục của lá non, màu xanh phỉ thúy của ngọc, màu trắng của bình minh nhan sắc. Chiếc yếm ấy được mặc trong cái áo tứ thân và vào những dịp quan trọng, những ngày lễ hội (...). Mùa xuân chiếc yếm thắm tạo màu sắc tưng bừng trên khắp nẻo đường quê. Những ngày hội làng, những đêm hát chèo, hát bội ; chiếc yếm thắm rộn ràng những cuộc gặp gỡ, xô xao những xúc động tình yêu và long lanh những lời hò hẹn* » (Lam Điền, tr.70).

Tác giả bài báo giàu rung cảm và tưởng tượng, đã dẫn chứng nhiều thơ — tiếc rằng câu nào ông trích cũng sai.

Yếm thắm, yếm đào là dư vang những ngày hội thuở xưa, như ta còn thấy trong một bài thơ đúm, trong lối hát quan họ :

*Sớm đi chơi hội
Tối về quay tơ
Dải yếm phát phơ
Miếng trầu, mời thuốc
Miếng ăn, miếng buộc
Miếng gói đầu giường
Muốn tìm người thương
Tìm đâu cho thấy*

Những lời tình nồng nàn, thiết tha như vậy, trong văn chương xưa nay không phải là nhiều.



Dải yếm, cùng với y phục cổ truyền đã lùi dần vào dĩ vãng trước làn sóng văn minh phương Tây. Thời trang mới, y phục mới, cho đến tình đời cũng đổi thay. Trong Thơ Mới, hình ảnh chiếc yếm ít xuất hiện. Nguyễn Nhược Pháp có ghi lại, cũng chỉ để gìn giữ một kỷ niệm về dân tộc học, qua *Ký*

sự một cô bé ngày xưa :

Khăn nhỏ, đuôi gà cao
Em đeo dải yếm đào
Quần lĩnh áo the mới
Tay cầm nón quai thao

(*Ngày Xưa*, 1935)

Anh Thơ, trong thi phẩm, đã ghi lại nhiều hình ảnh nông thôn. Dù được thi vị hoá, phong cảnh của Anh Thơ vẫn giữ được nét bình dị của **Bức tranh quê** (1941) :

Trong đồng lúa xanh rờn và ướn lặng
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra
Làm giạt mình một cô nàng yếm thắm
Cúi cúi cào cỏ ruộng sắp ra hoa

Những cô thôn nữ vùng Bắc Giang, khi cưỡi đất, có mặc yếm thắm hay không, tôi không biết. Cỏ ruộng có ra hoa hay không, tôi không rõ. Nhưng cứ tưởng tượng dải yếm đào giữa hoa đồng cỏ nội, là đã thích. Cũng như cảnh chợ Tết, không biết có “tưng bừng” như trong thơ Đoàn Văn Cừ :

Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon
Vài cụ già chống gậy bước lom khom
Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ
Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ

Đoạn thơ nhắc lại hai loại yếm : dải yếm sắc sỡ trang sức của tuổi trẻ, và tấm yếm không màu — chắc là yếm sồi, nhuộm nâu hay đen, của người mẹ, thâm lặng, kín đáo. Ông Lam Điền, trong bài báo đã dẫn cũng có nhắc đến chiếc yếm này, phổ biến trong toàn quốc : « Tôi nhớ mãi hình ảnh bốn mươi năm về trước, dưới luỹ tre của làng Bàn Thạch nằm cuối hạ lưu sông Thu (Quảng Nam). Mẹ tôi mặc chiếc quần vải tám đen, phía trên mặc chiếc yếm nâu lam lũ, đang khâu vá hoặc đang lật rau, chẻ củ (...) Tôi và bao nhiêu người trạc tuổi tôi đã lớn lên từ những dòng sữa ngọt, tự nhiên phía sau những chiếc yếm ». Viết được một đoạn như vậy, Lam Điền là người có tình có nghĩa.

Tả **Đám cưới ngày xuân**, Đoàn Văn Cừ ghi lại hình ảnh tươi sáng :

Hai má thắm, ngậy thơ nhìn trời biếc
Đám bảy cô phủ mình trong những chiếc
Áo đồng lằm, yếm đỏ, thắt lưng xanh

Đồng lằm là một màu áo, màu đồng xám như có nhuộm bùn (lằm) ; tác giả sử dụng màu này là để giữ lại một màu sắc nông thôn, cũng như Nguyễn Bính đã ghi lại màu yếm đỏ khăn thâm trong **Tâm hồn tôi**.

Chân quê, trong thi tập đầu tay này, là một trong những bài thơ sớm nhất và nổi tiếng nhất của Nguyễn Bính mô tả buổi giao thời giữa hai nền văn minh cũ và mới, và niềm u hoài tuyệt vọng của nhà thơ trước cảnh vật đổi sao dời.

Nào đâu cái yếm lụa sồi
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân ?
Nào đâu cái áo tú thân
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen...

Rồi Nguyễn Bính xa xôi, mắt mẹ :

Hoa chanh nở ở vườn chanh

Thầy u mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng cỏ nội bay đi ít nhiều

1936, *Tâm hồn tôi*

(*Tuyển tập*, bản Hà Nội và Hà Nam Ninh 1986)

Nhà thơ không cưỡng lại được một trào lưu văn minh đang ngày một ngày mai chiếm lĩnh cả toàn cầu, nhưng niềm u hoài đã tạo ra được những lời thơ đẹp nhất, cay đắng và nhẫn nhục như hương hoa chanh mong manh và bền bỉ, thâm lặng và thiết tha, dịu dàng mà quyến rũ trong một thoáng ca dao :

Cây chanh lại nở hoa chanh
Để con bướm trắng bay quanh cả ngày

Mùi hương đơn giản, từ những loại cây vườn tầm thường, dung dị, nhưng chiếm mãi một không gian trong đời mình : hoa bưởi, hoa cau, hoa khế, hoa mù u. Có lẽ vì đời mình chỉ là một mảnh vườn quê, hoang sơ, khuya khoắt.

Thời kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Bính lưu lạc ở Nam Bộ, chiến đấu và sống lẩn lóc khắp mọi miền. Sau này, thơ ông mang nhiều hình ảnh tổng hợp của đất nước, những kỷ niệm cái yếm sồi của tuổi thơ vẫn ám ảnh

Sông đỏ phù sa, nước lớn rồi
Nhà bè khói bếp lững lờ trôi
Đường mòn rộn bước chân về chợ
Vú sữa đầy căng mặt yếm sồi

Chiều thu, 1957 (?)

Nguyễn Bính gắn bó với cái Tết dân tộc cho đến tận cùng số mệnh. Ông mất ngày ba mươi Tết (ngày giáp năm Ất Ty, 20.1.1966). Bài thơ quê hương ca ngợi đất nước từ Lạng Sơn đến Cà Mau :

Quê hương tôi có sầu riêng măng cụt
Lòng bưởi đào, lòng gấc đỏ như son
Có gạo tám xoan thổi nổi đồng điệu
Cam Xả Đoài ai bóc cũng thơm ngon
Quê hương tôi có những người con gái
“ Một ngày hai bữa cơm đèn...”
Cách sông cái cũng bắc cầu giải yếm
Cho chàng sang đính ước chuyện nhân duyên

Bài thơ được ghi làm cho dịp Tết Bính ngọ 1966 phải chăng là tác phẩm cuối cùng của Nguyễn Bính, làm cho một ngày xuân mà ông không kịp hưởng :

Năm mới tháng giêng mừng một Tết
Còn nguyên vẹn cả một mùa xuân
(*Nhạc Xuân*)



Dải yếm thắm trong Thơ Mới, cuối cùng chỉ phảng phất âm hao xa vắng của những hương nhạt màu phai. Phải đợi đến thơ Hoàng Cầm thì dải yếm, ngoài giá trị hoài niệm, mới đạt tới chức năng thẩm mỹ, và động lực tạo hình, diễn đạt và cấu trúc :

Bao giờ về bên kia sông Đuống
Anh lại tìm em
Em mặc yếm thắm
Em thắt lụa hồng

HOÀNG CẦM

*Yếm hãm xuân tình em hé đôi
Gập cơn lốc cuốn tuốt lên trời
Cúi nghe thánh lý giờ roi thép
Ngồi bên Liễu Hạnh nhếch môi cười*

*Em phải quỳ run xe tóc lạnh
Từ nay dải yếm cấm buông lời
Buồn pha lê thiên không nức nở
Trời phạt may ra hiểu lẽ người*

*Chị Liễu liễu ném tan chén ngọc
Mù xanh thùng đá chúa tiên rơi
Còn em dày xuống làm thi nữ
Tay trói chân cùm chốt biết vui*

*Bông có đêm vàng yêu mai miết
Biết đâu là đất nhớ đâu trời
Tình mơ chợt thấy trần như lá
Ngọc chớp toàn thân những mắt người*

*Em đi trảy hội non sông
Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh*
(1948)

Hình ảnh dải yếm, bắt đầu cũng chỉ là một kỷ niệm, giữa rất nhiều kỷ niệm :

*Những nàng dệt sợi
Đi bán lụa màu
Những người thợ nhuộm
Đồng Tỉnh, Huế Cầu
Bây giờ đi đâu ? Về đâu ?*

Nhưng “ yếm thắm ” ở cuối bài thơ *Bên kia sông Đuống* là một hình ảnh tổng hợp toàn thể thanh sắc bài thơ. Giá trị gợi tình của dải yếm, ta đã thấy rồi, không cần nhắc. Chỉ nên lưu ý giá trị thẩm mỹ của từ *yếm*, làm bằng một âm đầu (y) dài và khép, một nguyên âm đôi (yê) dài và rộng và một phụ âm cuối (m) môi, dài. Mỗi âm vị như vậy đều có giá trị gợi tình ; nói đơn giản : trong những chữ *yêu em, âu yếm, yên ấm, êm ái...* ta đều thấy phát phơ bóng dáng và âm vang chữ *yếm* (ngày nay vật dụng tương đương với dải yếm được gọi là xú-cheng, hương đồng gió nội đã bay đi nhiều lắm). Câu thơ Hoàng Cầm *Em mặc yếm thắm*, mỗi từ đều có chữ *m* đọc thành *em*. Về từ vựng, tiếng Việt chỉ có hai chữ *yếm* : y phục phục nữ, nói rộng ra thành hình tượng *yếm cua, yếm rùa...* ; và chữ *yếm* trong nghĩa *âu yếm*. Nói thêm về nguyên âm đầu (voyelle initiale) thường tạo cho câu thơ cảm giác dịu dàng, mềm mại :

- *Ái ân bờ cỏ ôm chân trúc* (Thế Lữ)
- *Trời mưa ướt bụi ướt bờ*
Uớt cây uớt lá ai ngờ uớt em
- *Yêu anh thịt nát xương mòn*
Yêu anh đến thác vẫn còn yêu anh (ca dao)

Hội yếm bay

(huyền sử)

*Vội tìm chiếc yếm vua cha dặn
Định giấu bầu men lánh nẻo xa
Ngất núi ở kia anh võ nhíp
Bay cờ triệu yếm riu ran ca*

*Ngũ sắc chen nhau cầu lễ hội
Mướt mà cời bỏ áo hoa khôi
Em không buột thất lung thon nữa
Thả búp tròn căng nuốt ấy... ơi !*

*Nguồn sống tuôn thơm nhựa ú đầy
Một chiều e sợ bốn chiều say
Đã phanh yếm mỏng thì quăng hết
Nhưng nếp xiêm hờ giả bộ ngây*

*Hương ấm em lồng kín cõi anh
Yếm đào trút lại phía vô linh
Đung đưa gác lừng nghênh xuân ấy
Đôi núm hồng em nở hết mình*

Ngày xưa nhà thơ Đông Hồ có nhà xuất bản tên là *Yếm Yếm*, có lẽ vì hình ảnh về thính giác lẫn thị giác của từ ngữ.

Hoàng Cầm vừa mới xuất bản tập thơ *Về Kinh Bắc* bị đim 35 năm nay. Chỉ trong tập thơ mới này thôi, chúng ta đã tìm thấy nhiều hình tượng đẹp về dải yếm, từ người mẹ :

*Mùa chưa về
Tu hú gọi Em đi tìm Mẹ
Dây tre xa giấu biệt dải khăn điều
Khi gậy nằng ăn mây đã quăng sau núi
Hàng tre nhả yếm
trả Mẹ về
lều dột đón mưa đêm
... Bao giờ Mẹ về
Buổi yếm đào phai võ hát ru*
(Đội Mùa)

Cho đến dải yếm “ *gợn xuân tình trên bộ ngực thanh tân* ” (Đình Hùng) của những ngày hội :

*Luôn tay ôm say
giác bay lay đỉnh núi
Tuột hàng khuy lời yếm tóc buông mảnh*
(Thi đánh đu)

*Gái Tam Sơn đờ dẫn môi trầu
Ngực yếm phập phồng buổi ngọt*
(Hội vật)

Đến lúc nào đó trong sáng tạo, cái yếm mất tính chất hiện thực của nó, trở thành một hình tượng nghệ thuật có chức năng cấu tứ — như một số điển cố trong thơ xưa :

*Chùa Phật Tích ruỗi trong màn lụa bạch
Chuông chiều cỏi yếm
Chuông sớm đội khăn*

Trưa hè gãy rắc cành hoa đại
 Mái hậu cung bồ các tha rơm
 Liễu diều võ hoa soan lá tả
 Lụa sồng nén ghen búp thanh xuân
 (Đêm thuy)

Nhưng chức năng cấu trúc (*fonction structurante*) của hình ảnh dải yếm trong thơ Hoàng Cầm rõ nhất trong bài *Hội yếm bay* ở tập *Lá Diêu bông* (1993). Giữa hàng chục đám hội hè trên quê hương Kinh Bắc, Hoàng Cầm tưởng tượng thêm “huyền sử”, một lễ hội các nàng hoa khôi phải... tung yếm:

Đã phanh yếm mỏng thì quăng hết
 Những nếp xiêm hồ giả bộ ngây

Chúng tôi cho đăng nguyên văn bài thơ có bổ sung và sửa chữa theo ý Hoàng Cầm, theo lá thư anh viết cho tôi ngày sinh nhật của anh: 12 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1922), đúng ngày mở hội Quan họ (viết bài này cũng để mừng thọ Hoàng Cầm).



Vị trí ưu đãi của dải yếm trong thơ Hoàng Cầm là một biệt lệ, có thể là duy nhất trong thơ Việt Nam, vì bản thân thơ Hoàng Cầm đã mang sắc thái đặc biệt, một định mệnh lẻ loi. Ngày nay, trong thơ hiện đại — và đời sống — ta không còn thấy chiếc yếm, ngoài ký ức những nhà thơ cao tuổi như Đặng Đình Hưng (thân phụ nhạc sĩ Đặng Thái Sơn):

Bến lạ ngay gầm jường mưa to ngay ở gầm bàn và
 trong hòm mọi người chở một con tàu navir trọng tải
 những hình thù Hồng Hải, căng lên những cái yếm
 mùi nồng của đám cưới năm ngoái hong ra khoe và đã
 đi — những cột đèn đứng lại (Bến lạ)

Ngày xưa Tế Hanh đã so sánh “cánh buồm giăng to như mảnh hồn làng”, ngày nay những cơn gió xa lộng vào dải yếm. Gần đây nhà thơ Trần Hồng Châu (bút danh Nguyễn Khắc Hoạch, cựu khoa trưởng trường Văn khoa Sài Gòn), trong một thi tập xuất bản tại Mỹ, có câu:

Em là con gái mười thương
 Yếm đào một dải mấy đường nhỏ thon
 Thất lung hoa lý càng son
 Bốn thân áo đẹp gạch non nhuộm màu
 (Ước gì sông rộng một gang,
 trong *Nửa khuya giấy trắng*, 1992, tr. 106)

Và cùng trong một tập thơ ấy, ta lại được đọc:

Tôi lẫn mình trên cỏ xanh non
 Miệng ngậm nửa vành hoa tường vi
 Ôi màu tím nhạt cyclamen của những
 quầng mắt bài thơ
 Cửa áo ngủ Valisère rung rinh thuy triều trên
 mình em đại lục hoang vu...
 (Giới hạn, s.d.d., tr. 92)

Thơ ý thơ và lời thơ cốt lõi ở tự do, xoáy sâu vào thời gian nhưng cũng trải rộng ra không gian. Đã đành là vậy, cuộc đời là vậy, nhưng chúng ta vẫn ái ngại cho tâm tình một Nguyễn Bính ngày xưa, khi cô gái “đi tỉnh về”:

Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
 Áo cài khuy bấm. Em làm khổ tôi

Ước nguyện
 gửi Mẹ và Chị,
 cô Tấm,
 Bến Lúa, bên kia sông Giắc
 H.C.

Bên tám dáng Echo đi tám nhịp
 Trào du chưa với Khôi ân tình
 Hồ Sao Sỏi Mẹ bưng Cống chùa
 Chớp mắt nghìn buồn...
 Ước Sao Sỏi Chị lìn đim hát
 Tay gió dãn loi... yên tĩnh trình
 Vì chẳng Em cu' bỏ vợ nhớ
 Nặng hơn cơn mây
 Lá hiện hình
 Thi thuing cuộc là
 hôn Chia Thánh
 Mồ giặc chông rôn
 lệ chạp kinh.....
 Hà Nội, tháng Vu Lan Giáp Tuất
 19/8/1994
 210A Walden

thủ bút của nhà thơ Hoàng Cầm

Thị thành bôi nhọ em rồi
 Nào đâu cái yếm mua hồi sang xuân

Mấy câu này là nguyên bản bài *Chân quê* (1937) trong tập *Tám hồn tôi*, do nhà Lê Cường in năm 1940. Những bản in sau này đã thay lời đổi ý. Giấy trắng mực đen, ngày một ngày hai, còn thay đen đổi trắng, trách cứ chi cô gái quê chỉ mới gặp ghé xài... khuy bấm.

Chuyện cái yếm là cuộc rong chơi đông dài ngày Tết, không nên lấy làm đề tài văn hoá, văn chương hệ trọng.

Tết Ất Hợi
 ĐẶNG TIẾN
 16.1.1995

Tìm đọc

HỢP LƯU

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

- * Nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.
- * Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Hợp Lưu Magazine, P.O. Box 277,
 Garden Grove CA 92642, USA
 Tel. và Fax: (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu: M&Mme Lê Tất Luyện,
 15 Place Souham, F- 75013 Paris. Tel. 45 83 19 12

ANA BLANDIANA

bản dịch của **THUY TRÚC**

con mắt khép

Tôi không dám khép đôi mắt lại một lúc
Vì e
Đè bẹp thế giới giữa đôi mi,
Nghe thấy nó rạn vỡ ồn ào
Như một hạt dẻ giữa hai hàm răng.
Tôi còn tránh được giấc ngủ bao lâu nữa ?
Tôi còn duy trì được thế giới sống động bao lâu nữa ?
Tôi tuyệt vọng nhìn
Và thương xót như một con chó
Cái vũ trụ bất lực
Sẽ biến đi trong con mắt khép lại của tôi.

ghi khắc

Quá đẹp
Để không thể không bị chinh phục
Quá trẻ
Để có thể bị chế ngự
Quá giàu có để có thể thuộc về bản thân

Quá khôn ngoan
Để có thể chiến đấu
Quá can đảm
Để không thể không bị thương
Quá hoài nghi
Để không thể không bị thất bại

Quá bị thất bại
Để không thể không tự do
Quá tự do
Để không thể không bị hạ nhục
Quá bị hạ nhục
Để có thể chết.

tôi, tôi tin

Tôi, tôi tin rằng chúng ta là một dân tộc thực vật
Nếu không lấy đâu ra cái bình thân này
Trong khi chờ mùa rụng lá ?
Nếu không kiếm đâu ra cái can đảm
Buông mình trên chiếc xe trượt của giấc ngủ
Tôi mãi ngưỡng cửa của cái chết hay gần như thế
Với niềm tin chắc
Rằng chúng ta có thể lại
Tái sinh ?
Tôi, tôi tin rằng chúng ta là một dân tộc thực vật —
Có ai đã từng thấy
Cái cây nổi loạn ?

anh có nhớ bãi biển

Anh có nhớ bãi biển
Phủ những mảnh sành bén nhọn
Trên đó
Chúng ta đã không thể bước chân không,
Anh có nhớ cái cung cách
Anh ngắm nhìn biển
Và nói anh đang lắng nghe em ?
Anh có nhớ
Những con hải âu rít lên như điên dại
Xoay vòng vòng trong những hồi chuông đổ
Từ những ngôi giáo đường vô hình
Cùng với những đàn cá,
Cái cung cách
Anh bỏ chạy
Hướng về biển
Théo bảo rằng anh cần
Khoảng cách
Để nhìn em ?
Tuyệt
Đang tan
Hoà lẫn với chim
Trên nước
Với một nỗi tuyệt vọng gần như vui sướng
Em đã ngắm nhìn
Những dấu chân anh trên biển
Và biển
Khép lại như một vành mi
Trên con mắt nơi em đợi chờ.

có lẽ cần

Có lẽ cần sinh ra làm người đã già,
Bất đầu bằng sự khôn ngoan,
Rồi định đoạt số mệnh mình
Và biết những con đường nào khởi đi từ ngã tư đầu tiên,
Cái thèm muốn bước đi vô trách nhiệm của chúng ta.

Sau này có lẽ cần trở nên trẻ hơn, trẻ hơn,
Chấn chấn và mãnh liệt, và tiến tới ngưỡng cửa sáng tạo
Vượt qua nó, bước vào cuộc tình như những người niên thiếu,
Trở thành trẻ thơ khi con cái chúng ta sinh ra.
Lúc đó chúng sẽ già hơn cả chúng ta,
Chúng sẽ dạy chúng ta nói, ru chúng ta ngủ,
Và chúng ta sẽ biến đi, mỗi ngày một nhỏ hơn,
Như trái nho, hạt đậu, hạt lúa...

© THUY TRÚC 1992
Nhà xuất bản TRINH BÀY

YANNIS RITSOS

**Mười tám
bài ca nhỏ
cho tổ quốc
đang cay**

bản dịch của
Diễn Châu

1. Ἀναβάριση

Ἄβρια φλωκά βαφλισοῦνται σὺν πίπρᾳ ἐν δὲ κρημῶ,
φράσων φλεπὰ ἐν πέλοισι - κρημὰ ἐν κρημίδεσσι,

Ἄβρια κρημὰ ἐν κρημῶσιν ὁ κρημῶσιν - ἄβρια κρημῶσιν ὁ κρημῶσιν,
ἄβρια φλεπὰ φράσων σπαθιά ἐν κρημῶσιν ἐν κρημῶσιν.



Capp. 11. 22. 69

Hình khắc của Y. RITSOS tại Samos năm 1969.

1. Lễ rửa tội mới

Trong cay đắng và nước mắt, người ta rửa tội cho những
tử khốn khổ,
Chúng mọc cánh, chúng bay, những cánh chim, và ca hát,
Và từ này, từ của niềm bí ẩn này — từ tự do
Thay vì cánh, đã thoát ra từ sóng biển và xé toang bầu khí.

2. Nói chuyện với một bông hoa

– Anh thảo, anh thảo, trong kẽ đá nứt nẻ,
Mi đã kiếm đâu ra những sắc màu và nở hoa,
một nhánh non và dung đưa ?
– Núi đá tảng từng giọt lại từng giọt, ta đã thu lượm máu,
Đệt thành tấm khăn quàng cổ màu hồng và lúc này
ta gặt hái mặt trời.

3. Trông chờ

Và như thế trong trông chờ lớn lên những đêm tối
Nơi tiếng hát bèn rẽ và mọc lên như cội cây.
Và những kẻ bị xiềng xích kia, và những kẻ trong lưu đày
xa xăm nọ
Buông một tiếng thở dài cay đắng “ ôi ”, bay đi một lá liễu rung.

4. Nhân dân

Không có kiếm không có đạn trong cuộc chiến đấu của
những người dân hèn mọn
Vì cơm bánh của hết mọi người, vì ánh sáng và khúc ca.
Họ ngậm tăm những tiếng oán than và những tiếng hoan hô,
Nếu họ lộ vẻ muốn cất tiếng hát lên những điều ấy,
đá cũng nát tan.

5. Buổi lễ của những người chết

Trong một góc người ông đứng, trong một góc khác
mười đứa cháu,
Trên bàn, chín cây nến cắm sâu vào ổ bánh.
Những người mẹ bứt tóc, những đứa con cầm nín,
Ổ khung cửa sổ trở trên mái, Tự do trông chừng và thở dài.

6. Hùng đông

Hùng đông nhỏ của mùa xuân đầy ánh nắng và duyên dáng,
Đâu là đôi mắt để nhìn mi, để chào đón mi ?
Hai cục than hồng trong lư hương, hai hạt hương
Và một thập tự tro ở ngưỡng cửa của tổ quốc.

7. Không đủ nữa

Khiêm nhường và ít nói, y nhìn dưới mặt đất
Chiếc bóng của con chim nhỏ và tính toán chiều cao của nó.
Biết nói gì ? Và ích lợi gì ? Nguyên rửa không còn đủ nữa.
Than ôi, treo trên cành lê dại, khẩu súng cũ khốn khổ của y.

8. Ngày xanh tươi

Ngày xanh tươi toả rạng, triền núi đẹp xinh,
Với tiếng chuông và tiếng chiêng kêu, giữa đám
 hoa mỹ nhân đỏ và hoa sim trắng.

Cô gái kết môn hôn, chàng trai đan rổ rá
Và đàn dê trên bờ biển gặm muối trắng.

9. Nghi lễ

Dưới hàng dương, chim chóc và phụ nữ hợp lại
Đã khởi sự nghi lễ của mình với tháng Năm mới.

Lá rục cháy như những ngọn nến trên vùng đất của tổ quốc
Và, từ trời cao, một con phụng hoàng đọc Phúc âm.

10. Nước

Dước tảng đá, một chút nước được im lặng,
Sự rình rập của con chim, bóng những cây trúc đào thánh hoá.

Các nghĩa quân kín đáo uống, ngừng cổ lên,
Như những con chim sẻ và tạ ơn Mẹ Hy Lạp khốn khổ của họ.

11. Bông anh thảo

Một con chim hồng nhỏ bị cột bằng một sợi dây
Với đôi cánh quấn queo chập chững bay về phía nắng.

Nếu mi nhìn nó một lần, nó sẽ tặng mi nụ cười của nó,
Nếu mi nhìn nó hai lần, mi sẽ bắt đầu cất tiếng hát lên.

12. Những cô gái gầy

Những cô gái gầy gom muối lại trên bờ
Lưng thật cong, và thật cay đắng, các cô không nhìn
 thấy biển khơi.

Một cánh buồm, một cánh buồm trắng ra hiệu cho các cô
 trên nền xanh

Và chẳng được các cô nhìn thấy, đã tối lại vì muộn phiền.

13. Ngôi nhà nguyện trắng

Ngôi nhà nguyện trắng giữa nắng trên sườn dốc
Làm loé lên khung cửa sổ mỏng manh xưa cũ,

Chuông đổ trên cao, lơ lửng trên cây dương ngô đồng
Suốt đêm mừng lễ của dân Thánh.

14. Mộ chí

Con người dưng cảm ngã xuống đầu ngẩng cao
Đất ẩm không vùi lấp, sâu bọ không động tới

Thập tự là chiếc cánh trên lưng, chàng phóng lên cao mãi,
Và hoà mình với những con phượng hoàng lớn và
 các thiên sứ ánh vàng.

15. Nơi đây ánh sáng

Trên khối cẩm thạch kia, ri sét hư hao không bám được
Cũng như sợi xiềng không bám được ở chân người Hy Lạp,
 ở chân gió.

Nơi đây ánh sáng, nơi đây bãi bờ — những mũi nhọn
 vàng ánh và thiên thanh,
Khắc những hình nai trên đá và khối sự chặt xiềng
 nhát đầu tiên.

16. Xây dựng

Ngôi nhà này, làm sao xây dựng, ai sẽ đặt những cánh cửa?
Lúc này thật hiếm những cánh tay, và quá nặng nề
 những tảng đá.

Hãy im đi : trong lao động, những cánh tay sẽ vững mạnh
 và gia tăng

Và đừng quên : suốt đêm, những người chết cũng sẽ
 hỗ trợ chúng ta.

17. Hứa hẹn

Nín thinh những cánh chim, nín thinh những tiếng chuông,
Nín thinh nữa người Hy Lạp cay đắng, cùng với
 những người chết của mình.

Đơn độc, không ai giúp đỡ, trên tảng đá của im lặng
Y chuốt những móng tay, hứa hẹn cho tự do.

18. Đừng khóc những gì là Hy Lạp

Cái gì là Hy Lạp, đừng khóc nó, khi nó phải khom lưng
Lưỡi dao găm thấu xương và ngọn roi trên ót,

Kìa nó đã vùng dậy, lấy lại sức, lớn lên
Và phóng lao đâm con quái vật bằng mũi nhọn mặt trời.

Ghi chú của Yannis RITSOS cho bản Hy Lạp Kedros

Mười sáu trong Mười tám bài ca nhỏ cho tổ quốc đáng cay đã được viết chỉ trong một ngày — ngày 16 tháng Chín 1968 — tại Parthéni, trên đảo Léros, sau khi Mikis Théodorakis đã bí mật chuyển tới tay tôi một lá thư yêu cầu tôi cho ông một bản văn mới để phổ nhạc. Tôi lại cũng đã để công trau chuốt những bài ca nhỏ ấy tại Karlovassi, trên đảo Samos, vào tháng Mười một 1969. Tôi đã viết các bài 16 và 17 ngày một tháng Năm 1970. Bài thứ 7 đã được hoàn toàn sửa đổi vào tháng Giêng 1973, tại Nhà Điện. Trước, tôi không có ý xuất bản Mười tám bài ca nhỏ và đã yêu cầu người ta đừng in ấn, đừng phiên dịch, mặc dù những bài ấy đã được hát. Nhưng phần lớn các bài ấy đã được xuất bản ở nhiều nơi và trên các tạp chí nước ngoài, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Do đó tôi không còn lý do để tiếp tục duy trì quyết định ban đầu. Mười tám bài ca nhỏ cho tổ quốc đáng cay được để tặng Mikis Théodorakis.

Bản dịch dựa theo bản Pháp văn của
Jean-Pierre BOUZOU và Michel NAUDY
© DIỄM CHÂU

Hai người đàn bà xóm Trại

Nguyễn Quang Thiều

Vào lúc lên đèn thì trời có mưa. Có lẽ đây là cơn mưa cuối đông, vì chỉ còn mười ngày nữa là tết. Gió từ bãi sông rộng thổi hắt từng làn mưa bụi về phía chân đê. Tiếng mưa mỏng và nhẹ như tiếng người thì thào đầu đó. Cả triền bãi rộng chạy ven đê làng Chùa chỉ còn lại một ngôi nhà nhỏ. Trong ngôi nhà ấy có hai người đàn bà đã sống với nhau mấy chục năm nay. Bây giờ tóc họ đã trắng. Và lúc này họ đang ngồi trong chái bếp nhỏ ấm áp bởi hơi rơm, lá chuối khô và lửa bếp. Chiếc mâm gỗ có một vết nứt to được đặt trên nền bếp bằng đất lâu ngày cứng lại như đá. Trên mâm chỉ độc một bát canh dưa nấu tép bốc hơi nghi ngút. Hai bà lão ngồi ở hai phía mâm đối diện nhau. Hai cặp đầu gối xương xẩu nhô cao đỡ lấy hai gương mặt nhăn nheo và sạm đen.

– Bà mua mớ tép này của ai? Bà lão Ân hỏi và lấy đũa đảo đảo bát canh.

– Mấy đứa trẻ trâu — Bà lão Mật trả lời — Chúng nó mang vào tận đây.

– Mớ tép này mấy đồng?

– Hai ngàn.

– Bà cứ có tật mua nhiều. Không bảo chúng nó sẽ lấy một nửa.

– Có dùm tép bằng dùm muối, sẽ một nửa còn lại chúng nó bán cho ai.

Hai bà lão lặng lẽ bưng hai bát cơm xối với như cơm cúng và nhón nhén ăn.

– Nấu tép dưa phải nấu cho dừ — Bà lão Ân càu nhàu — Xương cứng ê cả răng.

– Tép bằng lỗ mũi xương ở đâu ra.

– Bà còn khoẻ răng, chú tôi sờ mãi chẳng được một cái.

Hai bà lão vừa ăn vừa lầm rầm những chuyện như thế. Bên ngoài ngôi nhà mưa vẫn thì thào. Trong tiếng mưa vắng lên tiếng chó từ mấy gia đình ở chân đê bên kia.

– Đấy, tôi nói rồi — Bà lão Ân khẽ kêu lên và ho — Hóc xương cá rồi đấy. Khổ.

– Bà cứ khạc mấy cái là nó ra — Bà lão Mật lo lắng.

Bà lão Ân đặt bát cơm ăn dở xuống mâm và quay sang phía khác khạc mấy cái.

– Có khỏ không?

– Có được đâu. Không khéo lại chết vì hóc xương tép.

– Bà cứ hay dở mồm — Bà lão Mật nói. Và chột reo lên — A, để tôi chữa mợ cho.

Bà lão Mật vội vàng cầm lấy hai chiếc đũa cả dính cơm và lom khom đến bên bà lão Ân.

– Bà ngồi im nhé. Cứ nhắm mắt lại.

Bà lão Mật vừa nói vừa đưa hai chiếc đũa cả cách đỉnh đầu bà lão Ân chùng gang tay. Rồi vừa gõ hai cái đũa cả vào nhau và vừa lầm rầm như người niệm chú: “*Gần ra, xa vào*”. Đọc đúng bảy lần thì bà dừng lại và hỏi:

– Được chưa bà?

Bà lão Ân không trả lời. Bà vất vả nuốt nuốt nước miếng. Một lát sau bà nói:

– Được rồi. Chả ăn nữa. Sáng mai đun lại cho kỹ.

Ăn xong bữa cơm tối, hai bà lão bỏ thêm cái gốc tre vào bếp và lấy trầu ra ăn. Bà lão Ân lấy một miếng cau tươi đưa cho bà lão Mật.

– Ở đâu mà cau tươi thế này? — Bà lão Mật hỏi.

– Cau từ hôm cưới con nhà Phấn. Chúng nó nhét đầy cả túi.

– Con nhà Phấn à?

– Con nhà nó chẳng ra đón bà vào ăn cỗ là gì. Bà ốm bà không đi mà lại còn không nhớ?

Sau đó hai bà lão im lặng nhai trầu. Ngọn lửa ăn dần vào gốc tre khô. Ánh lửa gần gũi và xa xôi chấp chờn trong hai đôi mắt đục mờ.

– Thế tết năm nay định gói bao nhiêu bánh? — Bà lão Ân quay lại phía bà lão Mật hỏi.

– Gói bao nhiêu thì gói. Nhưng vừa vừa thôi. Năm nào cũng bỏ mớ meo cá.

– Cứ nấu ba chục cái.

– Góm, bà làm như nấu cho cả làng.

– Cứ nấu thế. Trẻ con trong làng ra chơi thì cho chúng nó. Rồi...nhờ có ai về...

Nghe bà lão Ân nói vậy, bà Mật từ từ ngược đôi mắt đục mờ lên nhìn một lúc lâu rồi hỏi khẽ:

– Ai về?...

Mấy chục năm về trước. Cũng những đêm mùa đông giáp tết ở trong chái bếp như thế này. Hai bà lão ngồi trước bếp lửa và hồ hởi nói với nhau về chuyện gói bánh chưng. Ngày ấy họ còn trẻ lắm. Cả hai người mới ngoài hai mươi tuổi.

“ Năm nay thế nào hai anh ấy cũng về — Mật thì thầm — Chị Ân nhỉ ”.

“ Tao cũng mong quá — Ân nói như bằng hơi thở — Đêm qua tao mơ thấy con gà trống mổ vào ngón tay út. Mấy năm rồi chẳng ai về ăn tết ”

“ Em phát ốm vì chờ thôi ”

“ Giá như có đứa con...thì họ bao giờ về cũng được ”

“ Chị Ân ơi — Mật chột kêu và ôm lấy Ân — Mấy đêm trước em cũng mơ. Em thấy anh ấy về và...ngay đêm đó...”

Nói đến đó mặt Mật ửng đỏ và đôi mắt Mật vừa lấp lánh vui, vừa bối rối.

“ Đêm đó thì sao? Ân lườm mắt, mắng yêu Mật — Con khỉ ”

“ Ngay đêm đó em mơ em có mang. Lúc tỉnh dậy sờ bụng em thấy khang khác. Em sợ lắm ”

“ Con này nói chuyện vớ vẩn ”

“ Thật đấy mà, đêm hôm nay em vẫn thấy bụng mình khang khác như thế — Mật nói và cầm tay Ân kéo đặt lên bụng mình — Chị sờ mà xem. Đấy, chị thấy khác không ? ”

Vì tò mò, Ân đưa tay ân ấn vào bụng Mật. Và một lúc sau Ân cũng hoảng hốt vì cảm thấy hình như trong bụng Mật cũng không bình thường.

“ Này...— Ân thì thào — Chồng đi vắng, hay mày trót đại...”

“ Chị bảo đại cái gì ?...”

“ Có thằng nào nó rủ rê mày không ? ”

“ Không, làm gì có chuyện ấy. Có mà trôi sông ”

“ Tôi phải trông nom cô — Ân nói — Có chuyện gì thì tôi và cô cứ là bỏ cái xóm bãi này mà lên rừng đấy nhé ”

Ân và Mật đều mồ côi bố mẹ. Và lớn lên lấy chồng, họ đưa nhau ra xóm bãi lập nghiệp. Rồi một đêm hai người đàn ông của họ khăn gói theo một đơn vị bộ đội vượt sông Đáy về phía núi Miếu Môn. Trước khi qua sông hai người đàn ông dẫn : “ Hai chị em dọn về mà ở với nhau. Đến tết, kháng chiến thành công chúng tôi về ”. Từ ngày đó Mật dọn sang ở với Ân. Họ sống như hai chị em ruột với nhau.

Và khi tết đến, cả hai lại xuống bến rửa lá dong và vo gạo. Má họ rục đỏ trong gió lạnh cuối đông. Tiếng cười họ trong trẻo và rạo rục vang trên mặt sông mùa nước cạn yên tĩnh. Nhất là vào đêm luộc bánh, cả hai đều thấy hồi hộp lạ lùng. Họ cảm thấy da thịt họ thấm đầy hơi lửa bếp. Khi bánh chín, họ chọn những chiếc bánh đẹp nhất, chắc nhất để phần hai người đàn ông của họ. Nhưng những ngày tết thường vụt đi như tên bắn. Cánh bãi không còn tiếng pháo tép của trẻ con nữa. Và những bầy sáo tháng Giêng đã loáng thoáng bay về, Ân và Mật mang những chiếc bánh đã khô lá luộc lại. Cho đến khi ở đầu góc bánh đã lấm tẩm mốc xanh thì họ không còn bình tĩnh đợi chờ nữa. Cả hai cùng khóc. Đêm xuống, hai người đàn bà trẻ nằm xoay lưng vào nhau trên giường lót rơm và giấu tiếng thở dài.

“ Chị ngủ à, chị Ân — Mật thường bắt đầu câu hỏi như thế trong đêm.

“ Chưa ”. Ân trả lời trong chần.

“ Sao tết năm nay các anh ấy lại không về nhỉ ? ”

“ Có giới mà biết — Ân giận dỗi — Chắc chiến dịch bận ”.

“ Mai mình cứ luộc lại bánh chị Ân ạ ”

“ Luộc bánh thành cháo à. Bỏ ra mà ăn hết đi ”

“ Ăn làm sao hết những hai chục cái ”

Sau những câu chuyện như vậy cả hai chị lại chìm vào giấc ngủ lơ mơ. Thường sang Giêng gió sông ấm hơn và đất bãi phả hương phù sa dễ chịu làm giấc ngủ của họ thường có những cơn mơ. Trong mơ, Ân lại thấy con gà trống tía với chiếc mào đỏ rực, cái ức rộng, và đôi cựa bóng như ngà mổ vào ngón tay út của mình. Còn Mật vẫn cơn mơ vừa hạnh phúc vừa lo sợ. Mật thấy người lính trở về và ngay đêm đó Mật có mang. Và cú tỉnh giấc, Mật lại dè dặt tay lên bụng. Rồi Mật mơ hồ lo lắng cảm thấy bụng mình khang khác.

Rồi vào một ngày giáp tết, chồng Ân đột ngột ghé qua nhà. Tiếng gõ cửa gấp gấp trong đêm làm Mật choàng tỉnh.

“ Ai đấy ? Ai đấy ? ” Mật quýnh lên hỏi.

“ Tôi đây. Bác đây ”

“ Giời ơi ! Mật lập cập kêu lên — Anh Bác...”

Khi cánh cửa vừa mở thì người lính ủa vào và ôm lấy Mật.

“ Anh Bác — Mật hoảng hốt — Mật đây. Em đây mà ”

Vòng tay người lính vội rời ra buông thõng xuống.

“ Ân đâu ? ”

“ Chị Ân đi Kim Bôi sáng nay cùng mấy chị trong xóm, xem có lá dong rẻ hay quýt cam gì đấy mua về bán chợ tết. Em ở nhà trông nhà ”

“ Bao giờ Ân về ? ”

“ Có lẽ mai chị Ân về, thế bao giờ anh đi ? ”

Bác đứng lặng không trả lời. Gió sông lạnh thổi xốc vào ngôi nhà tranh bé bỏng.

“ Vào nhà đi anh, để em đốt đồng lửa cho ấm ”

Một lát sau ngọn lửa đã chui qua những cành củi khô và vươn lên.

“ Em nấu cho anh bát cơm nhé ? ”

“ Anh ăn rồi. Liệu ngày mai Ân có về kịp không ? ”

“ Chị ấy sẽ nóng ruột mà về. Sao các anh biệt tin lâu ngày thế ? Nhà em ra sao rồi anh ? ”

Mật rụt rè hỏi và đợi câu trả lời.

“ Sau ngày sang sông, chúng tôi sống cùng nhau ở một đơn vị được một tháng. Sau đó mỗi người đi một đơn vị. Nghe đâu Ngũ đang ở Bắc Cạn. Ở nhà không nhận được tin gì của nó à ? ”

“ Không — Mật nói như khóc — Em và chị Ân tết nào cũng mong các anh về. Năm nào hai chị em cũng gói nhiều bánh...”

“ Mình sắp đánh lớn. Đơn vị tôi đang chuyển quân lên mặt trận Hoà Bình. Hai chị em ở nhà có khoẻ không ? ”

“ Chúng em thế nào cũng chịu được. Chỉ lo cho các anh hòn đạn mũi tên. Sao anh về chẳng tin cho chị Ân biết trước ? ”

“ Đang kháng chiến mà cô cứ làm như...— Người lính cười.

Gió thổi mạnh hơn qua những tàu chuối ngoài vườn. Sương như xuống đầm đề trên mái rạ. Ngọn lửa như ngái ngủ cháy lò đờ trên củi.

“ Anh nghỉ một tí đi, kéo mệt — Mật nói — Hết canh ba rồi ”

“ Cô đi nằm đi. Tôi ngồi đây. Cũng sắp sáng rồi ”

Mật không trả lời. Chị ngồi im lặng nhìn những mẩu than nhấp nháy như những ngôi sao mùa đông. Giá như đêm nay Ân ở nhà thì Ân hạnh phúc biết bao nhiêu. Và giá như người lính kia là chồng chị. Nghĩ đến đó máu trong người chị dào lên chảy xiết. Chị thấy mặt mình nóng rát. Chị nhớ đến cơn mơ thường gặp và chị muốn khóc.

“ Chúng em ở nhà khổ lắm — Mật thỏn thức — Giá như có mụn con thì đỡ khổ ”

“ Sắp hoà bình rồi. Chúng tôi sẽ về cả thôi. Rồi không có sức mà đẻ ”.

Người lính nói và cười vang. Mật cũng bật cười theo. Nước mắt chị giàn giụa. Ngọn lửa cuối cùng đã chui vào đồng than đỏ và ngủ vùi trong đó. Mật ngồi trong bóng tối,

miệng lầm rầm : “ Chị Ân ơi về mau lên. Anh Bắc đang đợi, chị Ân ơi, mau lên ”.

Cái gốc tre đã cháy hết, hai bà lão vẫn ngồi im lặng. Hai gương mặt sạm đen và nhăn nheo như nằm bất động trên hai đầu gối xương xẩu. Một con chuột nhắt nheo hạt mít từ góc bếp bò ra. Nó rón rén leo lên chiếc mâm gỗ. Rồi bất chợt nó nhảy phốc lên miệng bát làm chiếc bát ăn cơm đổ kèn.

– Bà ngủ rồi đấy à ? Bà lão Ân quay sang phía bà lão Mật hỏi.

– Ngủ đâu mà ngủ — Bà lão Mật mở mắt nói và lại nhai tiếp miếng trầu còn ngậm trong miệng. — Ăn miếng trầu thế mà say say.

– Chiều bà có che kỹ cái chuồng gà không ?

– Che rồi. Tôi cho uống cả nước vôi trong. Sương thế này sợ rù mất mấy con gà.

– Mẹ Phấn nó bảo tết năm nay đón hai cụ vào nhà nó ăn tết. Nó bảo hai cụ sống ngoài bãi như ma ấy.

– Ăn uống được gì đâu mà vào. Nó còn con cháu, khách khứa, thì giờ đâu mà hầu mình. Thôi chết, tôi bỏ quên cái rổ có cái áo giặt dở lúc chiều.

– Bà lú lẩn hơn cả tôi — bà lão Ân nói.

– Chiều đang giặt dở thì bà Mên tưới trên bãi gọi chuyện. Thế rồi cứ quên mà về. Tôi phải xuống bến tôi lấy.

– Thôi mưa gió tối tăm thế này, đi rồi ngã ra đấy. Có cái rổ rách với cái áo nát, ma nó lấy.

Nhưng thấy bà lão Mật cứ khăng khăng đòi đi, bà lão Ân với lấy cái nón đưa cho bà lão Mật và dặn : “ Đi chậm chậm thôi, bà ạ ”.

Trời đêm mênh mang. Bà lão Mật lom khom xuống bến. Bà đã đi không biết bao nhiêu lần trên con đường này. Và con đường đã ăn sâu vào trí nhớ bà.

Khi cấp rổ định quay về thì có tiếng cá quẫy mạnh sát bờ. Một vật gì đó vô hình rơi vào ký ức bà tựa như cái quẫy của đuôi cá. Và rồi những vòng sóng kỷ niệm cứ loang ra, loang mãi. Bà từ từ ngồi xuống nhìn dòng sông trong đêm. Nơi đây, mấy chục năm về trước bà đã tiễn chồng theo bộ đội sang sông. Và chính nơi đây, bà đã tiễn Bắc đi trong lần người lính ghé qua nhà không gặp vợ mình.

Suốt cả ngày hôm ấy vẫn không thấy Ân về — Bao nhiêu kỷ niệm đều mờ đi theo tuổi tác, nhưng những đêm như thế vẫn bám dai dẳng trong bà lão Mật — Hôm ấy, cứ thỉnh thoảng Mật lại chạy lên mặt đê ngóng về phía xa. Buổi tối ăn cơm xong, Bắc nói :

“ Khuya tôi phải đi. Mai Ân về bảo tôi vẫn khoẻ ”.

“ Chỉ sáng mai là chị ấy về thôi — Mật nói như van — Tối mai anh hãy đi ”

“ Không được đâu. Tối nay tôi phải có mặt nơi đóng quân ”.

Khoảng chín giờ tối thì Bắc lên đường. Mật tiễn Bắc xuống bến sông. Khi sát mép nước Bắc quay lại. Anh đặt bàn tay lên vai Mật. Những ngón tay người lính như mỗi lúc bầu chặt vào vai chị. Mật thấy rét run lên, hai hàm răng chị va vào nhau lập cập.

“ Anh đi nhé — Người lính thì thào — hai chị em ở nhà thương nhau. Anh và Ngũ sẽ về sớm ”.

Bắc đi được một tiếng đồng hồ thì Ân về. Nghe tiếng Ân gọi của. Mật run bắn và oà khóc. “ Chị Ân ơi, anh Bắc về, Bắc về ”

“ Đâu, đâu ? Anh ấy đâu ?...đâu ? ”

“ Anh ấy đi rồi. Anh Bắc chờ chị suốt cả đêm qua. Anh vừa sang sông ”.

Bó lá dong lớn và sọt quít đòi đổ xuống như người ngã.

“ Anh ấy đi lâu chưa ? — Ân hỗn hển — Anh ấy đi lối nào ? ”

“ Anh Bắc lội qua bến nhà mình ”. Vừa nói Mật vừa nắm tay Ân đi như chạy xuống bến. Đến bờ sông, Ân giật tay chị ra khỏi bàn tay Mật và lội ào ào xuống nước.

“ Chị ơi ! anh ấy đi xa rồi — Mật đứng trên bờ ôm ngực khóc gọi — Đùng sang sông nữa, chị ơi ”.

Mật vội thụp xuống bờ cát ướt lạnh và bung mặt nức nở cho đến tận khi chị nghe tiếng khoả nước mội vào bờ. Ân rét ướt nghiêng ngả bước lên bờ. Hai người đàn bà trẻ đứng im lặng trước nhau. Rồi cả hai lao vào ôm lấy nhau nức nở. Gió sông như ấm hơn thổi dạt dào qua bãi về phía chân đê. Và đâu đó thoảng mùi cỏ lên mằm hăng hăng.

Tết năm ấy, Ân và Mật lặng lẽ gói nhiều bánh. Nhưng tết năm ấy, cả hai người lính của họ vẫn không về. Sang giêng, hai người đàn bà mấy lần mang bánh luộc lại và mấy lần nhìn nhau khóc.

Mấy năm sau ngày hoà bình lập lại, Mật nhận được báo tử chồng. Nhưng tết đến họ vẫn gói nhiều bánh. Trong mơ chị vẫn thấy người lính trở về. Và tỉnh giấc vẫn rứt rứt đặt tay lên bụng mình và thấy khang khác. Nhiều lần Ân khuyên Mật nhận lời một người đàn ông nào đó. Những lần như thế, Mật chỉ nở một nụ cười xa xăm và ngơ ngác như một nụ cười của một người vừa thức giấc trong giấc ngủ trưa. Và sau đó thì Mật nói với Ân : “ Bao giờ anh Bắc về với chị thì em đi lấy chồng ”.

Đợi lâu không thấy bà lão Mật về, bà lão Ân sốt ruột ra đầu ngõ hướng xuống sông gọi :

– Bà Mật ơi ! Bà Mật.

– Tôi về đây.

– Đã bảo đêm hôm rồi còn mò xuống — bà lão Ân cần nhằn — Già rồi còn thích làm tội thân, tội mình.

Nói vậy nhưng bà lão Ân vẫn đứng lại đợi cho đến khi bà lão Mật lên đến đầu ngõ.

– Vào đi ngủ thôi bà ạ — Bà lão Ân nói — Tôi đau hết cả lưng rồi.

Gian nhà nhỏ trong đêm như rộng mênh mông. Hai bà lão nằm quay lưng vào nhau và thỉnh thoảng lại khúc khúc ho.

– Bà vẫn nhai trầu đấy à ? — Bà lão Ân hỏi.

– Tôi nhai cho hết kẻo phí.

– Nhai thế mà không mồm mồm.

Đâu đó trên mái nhà có tiếng chuột đuổi nhau rinh rích. Và từ cổ áo quan có tiếng một ngiến gỗ trèo trẹo.

– Bà có cầm bao diêm đấy không ? Bà lão Ân hỏi.

- Có, làm gì nữa bây giờ ?
- Tôi xem con mọt. Có khi lúc mình chết thì mọt cũng cắn nát cổ áo ra rồi.
- Nó nằm trong gỗ chứ nó lại chui ra cho bà xem.

Nói vậy nhưng bà lão Mật vẫn lấy bao diêm đưa cho bà lão Ân. Bà lão Ân bật diêm châm đèn soi cổ áo quan. Bà nghiêng đầu nghe ngóng một lúc rồi lấy tay đập đập vào cổ áo : tiếng mọt chọt im bật. Bà đứng bên cổ áo quan cho đến khi yên tâm là con mọt không còn dám cắn nữa thì mới tắt đèn lên giường.

Gần sáng những ngọn gió cuối đông tuy còn lạnh nhưng đã chớm chớm xuân thổi rạo rục qua ngôi nhà của hai bà lão. Và bà lão Mật lại mơ thấy người lính trở về. Nhưng khi nhìn rõ mặt thì bà nhận ra đó không phải là Ngũ mà là Bắc.

Vào đầu năm 1960, Ân nhận được thư Bắc gửi về, trong thư anh nói đang đóng quân ở Quảng Bình bên cạnh một dòng sông đẹp như sông Đáy quê anh.

“Chị Ân ơi — Mật cống quít — Chị đi vào tìm anh ấy đi. Đi ngay đi. Mọi việc đồng áng cứ để em”.

Suốt mấy ngày đó, cứ chốc chốc Ân lại mang thư chồng ra đọc và khóc. Cuối cùng chị quyết định khăn gói đi thăm chồng.

Nhưng cuộc đời thật trớ trêu. Ân đi được dăm ngày thì Bắc về.

“Anh Bắc, anh gặp chị Ân không ? — Mật hết hoảng hoi khi chị linh cảm thấy điều không bình thường — Chị Ân vào Quảng Bình tìm anh rồi”.

“Tìm anh hả ? Đi bao giờ ?”

“Chị Ân đi được dăm ngày rồi”.

Nghe Mật nói, Bắc đứng chết lặng. Mãi sau anh mới nói :

“Người lính nay đây mai đó, tìm sao được”.

“Anh Bắc ơi, lần này anh phải ở nhà chờ chị ấy — Mật nói và khóc — Em không cho anh đi đâu cả. Anh Bắc ơi ! Anh Ngũ hy sinh rồi”.

“Ngũ hy sinh rồi ư ! Hy sinh bao giờ ? ở đâu ?”

“Có giấy báo tử rồi anh ạ. Hơn ba năm rồi”.

Đêm ấy Bắc nói với Mật :

“Sáng sớm mai anh phải đi rồi. Lần này anh đi rất xa và có lẽ lâu lắm”

“Không. Anh phải ở nhà chờ chị ấy về rồi đi đâu thì đi. Nếu không chị ấy chết mất”.

“Không làm sao khác được Mật ạ. Anh phải đi”.

Khoảng canh tư thì Bắc khoác ba lô lên đường. Mật tiễn Bắc lên đến mặt đê. Bỗng Mật ôm lấy Bắc và khóc nức lên.

“Anh Bắc ơi ! Em thương chị Ân quá. Em thương anh hu...hu... và thương cả cái thân em nữa. Nếu anh Ngũ về được một lần thì em đỡ khổ, đỡ ân hận biết bao. Anh Bắc ơi, sao em không phải là chị Ân, sao anh không phải là anh Ngũ, hả anh ? hu...hu...”

Bắc không nói được gì. Anh ghì Mật vào lòng. Cả hai người run lên. Mật vội đẩy Bắc ra và vội vã nói :

“Anh đi đi, anh Bắc, anh đi đi”.

Nói xong, Mật chạy nhào xuống chân đê. Chị vừa chạy,

vừa ngã và nức nở gọi tên Ân và tên chồng chị.

Rồi Bắc cũng không trở về, khi Ân và Mật vừa bước qua tuổi bốn mươi. Đêm đêm hai người đàn bà thường xuống sông ngồi khóc. Và tết lại đến, những ngọn gió chớm xuân thổi đầm ấm và rạo rục qua ngôi nhà của họ suốt đêm. Và những ngày giáp tết là những ngày họ thường mơ nhiều hơn. Trong mơ có tiếng gà gáy và tiếng gõ cửa gấp gáp, có ngan ngát mùi lá dong xanh và hương ẩm đậm của gạo nếp đã vo sạch. Họ vẫn ở lại ngoài bãi sông, mặc dù những gia đình khác đã dọn vào làng theo qui hoạch của chính quyền xã và để tránh những năm nước sông lên to. Có một điều gì đó thiêng liêng và đau khổ đã gắn chặt họ với ngôi nhà nhỏ và bến sông.

— Này, bà Mật ! bà Mật, ngủ mê đấy à ? Bà lão Ân lay gọi bà lão Mật — Kêu gì mà khiếp thế.

— Tôi ngủ...mê à ? Bà lão Mật ú ớ hỏi — Sáng chưa bà ?

— Còn chán.

— Bà cho tôi mượn bao diêm — Bà lão Mật ngồi dậy nói.

Bà lão Mật lục đục tìm đèn và bật diêm. Ngọn đèn dầu toả một quầng sáng vàng ấm trong nhà.

— Bà dậy đi.

— Không.

— Già thì phải chịu khó mà đi. Không nhớ ra quần, ra áo khai lắm.

— Ôi giờ ! Bà lão Ân cựa mình và chép miệng — Bệnh già nó thế, ai mà muốn.

— Khi gà trong xóm bên kia chân dê thì nhau gáy ran thì hai bà lão lại tỉnh giấc. Bà lão Mật lại nhóp nhép nhai cái bã trầu vẫn ngậm trong miệng khi ngủ.

— Thế bà định tết này gói bao cái bánh ? — Bà lão Mật hỏi.

— Cứ bảo mẹ Phấn nó mua cho đủ lá gói ba chục cái. Mình thì ăn là mấy, nhưng nhớ có ai về...

Nghe bà lão Ân nói vậy, bà lão Mật ngừng nhai trầu và hơi nghiêng đầu về phía bà lão Ân như định hỏi điều gì đó. Nhưng bà lại thôi.

Và bên ngoài, những ngọn gió sông đã chớm chớm xuân vẫn rạo rục thổi qua ngôi nhà nhỏ.

Hà Đông, cuối Đông 1992

Nguyễn Quang Thiều



Văn hoá và thị trường : Văn hoá đại chúng

bùi mông hùng

Thông tin đại chúng – Văn hoá đại chúng

Mass media là từ ngữ nguồn gốc ở Hoa Kỳ, bao gồm những phương tiện thông tin đại chúng : báo chí, phim ảnh, truyền thanh, truyền hình... Và *mass culture*, văn hoá đại chúng cũng cùng một gốc để chỉ văn hoá do *mass media* sản xuất và truyền đi.

Các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thanh, truyền hình, vidêô đang lan rộng trong nước ta, từ khi cửa mở cho cơ chế kinh tế thị trường. Và ta ưa hay là không thích, chúng vẫn cứ là một bộ mặt tiêu biểu cho cơ chế thị trường, đang chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống văn hoá và đời sống hàng ngày ở nước ta, và sẽ còn lan rộng, thêm trọng lượng hơn nhiều trong tương lai. Theo sau chúng là một loạt vấn đề, có thể tạm tóm gọn trong câu : “ *Ai, nói những gì, cho ai nghe, tác động như thế nào ?* ” Những câu hỏi mà cũng là những mối ưu tư của rất nhiều thành phần xã hội : chính quyền, xí nghiệp kinh doanh thông tin, chính trị gia, trí thức, dư luận quần chúng... Các xí nghiệp truyền thanh, truyền hình, quảng cáo thì muốn biết về thị trường của mình, về *ai nghe*. Dư luận quần chúng, trí thức, chính quyền đặc biệt lưu tâm đến ảnh hưởng các phương tiện thông tin đại chúng, *mass media* tác động vào quần chúng đến đâu.

Những vấn đề đang đặt ra cho nước ta thật ra thì đã được lưu tâm tại các nước công nghiệp từ những năm 30. Công trình nghiên cứu xã hội học trong những năm này của Layne Fund Studies đã đi đến kết luận rằng không thể dứt khoát qui cho loại phim hung bạo một ảnh hưởng quyết định đến tình trạng thiếu niên phạm pháp.

Chính vì điều tra xã hội học – cục bộ và giới hạn trong những thời điểm nhất định – không đem lại được giải đáp dứt khoát về ảnh hưởng văn hoá toàn bộ của *mass media* trong dân chúng, mà văn hoá đại chúng trở thành đề tài tranh luận sôi nổi dưới mọi khía cạnh thẩm mỹ, đạo lý, văn hoá, chính trị... Vào những năm 50 ở Hoa Kỳ, trong những năm 60 ở Âu châu. Có ý kiến cho văn hoá đại chúng là một thứ văn hoá giả mạo, một loại phản-văn-hoá, là phương tiện giật dây lệ thuộc hoá quần chúng. Và ngược lại có những cái nhìn lạc quan, cho rằng văn hoá đại chúng là bước đầu cho văn hoá phổ biến, đến được với mọi người.

Thay vì nhai đi nhai lại những luận cứ đã cũ, chúng ta thử đặt các tác nhân của văn hoá đại chúng trong quan hệ qua lại của chúng, vào thời điểm mà các phương tiện thông tin (phim

ảnh, truyền hình, viễn thông, máy vi tính,...) đang chuyển mình hội nhập vào multimedia, vào “ xa lộ thông tin ”. Từ cái nhìn đó, nhận định chỗ đứng của một nước chưa phát triển như nước ta. Đó là bước đầu cho mọi hành động có ý thức. Không than vãn tự ty, không hy vọng hảo huyền. Và không lẫn lộn các bình diện khác nhau, nghệ thuật với công nghiệp thông tin chẳng hạn, như trong lập luận trong bài Văn hoá và Thị trường của Ngọc Trai (ĐD sẽ đăng trong một số tới).

Trước hết cần xác định rõ hơn ý nghĩa “ văn hoá đại chúng ”. Văn hoá được hiểu như là một kích thích tiềm tàng trong đời sống xã hội : phong cách ứng xử với mình, với người với thiên nhiên, những tập tục và thói quen truyền từ đời nọ đến đời kia. Hiểu như vậy văn hoá là nơi trí năng giao tiếp với xúc cảm, là hệ thống dựng cấu trúc cho cách nhận định thế giới, sáp nhập thực tại với tưởng tượng qua các biểu tượng, huyền thoại, lý tưởng, ý thức hệ chung của một nhóm người.

Từ “ đại chúng ” gợi trong lòng chúng ta cảm tình đối với một từ ngữ cách mạng dùng để chỉ số đông nhân dân nói chung. Ở đây nghĩa của nó lấy từ trong cụm *mass media* để nói ý phổ biến rộng cho một số đông.

“ Văn hoá đại chúng ” là văn hoá sản xuất ra nhằm phổ biến rộng cho một số đông người, không kể đến thành phần nghề nghiệp và xã hội của họ.

Văn hoá và văn hoá

Nhưng sẽ thiếu sót và thậm chí sai lầm nếu cho rằng văn hoá đại chúng là một thể đồng nhất. Vì quên tình huống đa thành phần, và vì vậy đa văn hoá của xã hội ngày nay. Nhiều luồng văn hoá cùng tồn tại, có khi xung đột với nhau : văn hoá học đường, văn hoá quốc gia, văn hoá dân tộc, văn hoá tôn giáo, văn hoá chính trị và văn hoá của giới “ có văn hoá ”... Mọi luồng văn hoá đều có thể sử dụng thông tin đại chúng, trừ các loại văn hoá bị cấm kỵ, các luồng văn hoá ngầm.

Văn hoá đại chúng vì vậy không toát ra một cách máy móc từ phương tiện thông tin đại chúng, tuy rằng nó phát triển theo và do các phương tiện này, với một động thái lịch sử riêng của xã hội công nghiệp - tư bản, trong một thị trường nhờ phương tiện phổ biến đại chúng mà ngày càng rộng lớn thêm ; sản phẩm văn hoá đưa vào thị trường này như là hàng hoá tuân theo luật cung cầu. Vậy, văn hoá đại chúng không chỉ bắt nguồn từ phương tiện thông tin đại chúng, mà cội rễ chính của nó là **kinh doanh tư bản**.

Những mâu thuẫn cơ bản

Và đó là nguồn gốc của những mâu thuẫn cơ bản tiềm tàng trong văn hoá đại chúng.

Thế giới văn hoá, một thế giới do chính con người tạo nên, những đồ vật cụ thể trong thế giới này – sách, tranh, tượng, nhạc, kiến trúc – là bằng chứng sờ mó được cho một quá khứ ghi sâu trong ký ức của mỗi dân tộc, của loài người. Chỉ tiêu đích thực của một đồ vật văn hoá là tính trường tồn, xa hàng thế kỷ vẫn xúc động lòng người xem.

Tiêu biểu cho văn hoá là tác phẩm nghệ thuật. Không cần thiết cho sống còn như cơm ăn nước uống, không để tiêu thụ, sử dụng đến hao mòn như vật dụng thường ngày, tác phẩm

nghệ thuật tồn tại từ thế hệ này qua thế hệ khác, độc lập với các quy chiếu lợi ích và chức năng. Người thưởng thức tác phẩm nghệ thuật, trong giây lát gác mỗi bận tâm, quên nhu cầu đời sống, cho lòng tràn ngập một niềm vui không vụ lợi.

Trái lại, sản phẩm văn hoá đại chúng là **hàng hoá làm ra để tiêu thụ**, để sử dụng cho đến tiêu hao hết như những hàng tiêu dùng khác nhằm thoả mãn nhu cầu tiêu khiển của một xã hội tiêu thụ. Một nhu cầu không ngừng tăng trong những xã hội mà chẳng còn mấy ai dành thời gian rảnh rỗi để cải thiện con người mình, đa số dùng toàn bộ thời gian ấy vào việc tiêu khiển. Một cách thức tiêu thụ, mỗi ngày mỗi phải nhiều hơn, phải dễ tiếp cận hơn. Vì thế, văn hoá đại chúng chất chứa khuynh hướng đơn giản hoá vấn đề, vạt bỏ những góc cạnh đặc thù của mỗi luồng văn hoá riêng biệt phải mất thời gian tìm hiểu để biến tất cả thành trò giải trí.

Tuy nhiên tác động của phương tiện thông tin đại chúng vào ý kiến, dư luận, niềm tin của con người không trực tiếp và tất định như chúng ta lầm tưởng. Những ý niệm truyền đạt qua phương tiện thông tin đại chúng mà trái với niềm tin, với huyền thoại căn bản của một tầng lớp xã hội thì không khỏi bị cực lực chống chọi.

Có trường hợp, gây ông đập lưng ông, tác động ngược hẳn với mục tiêu mong muốn. Một ví dụ trước mắt : học sinh bị nhồi ép mácxít lêniniít vào đầu óc suốt thời gian cấp sách đến trường đến ngấy lên tận cổ, kết quả là “ trả bài ” cho kỳ thi xong ai nấy đều vội quên cho hết. Thoáng nghe đến mác-lê là đã bịt tai. Đài truyền thanh sáng chiều oang oang ở đâu xóm, báo chí ngày lại ngày đưa tin một chiều. Mà ý truyền đạt qua báo qua đài khác nào nước đổ lá môn, có lọt vào tai người phò thường dân thì họ lại diễn giải theo ý riêng của họ...

Chính quyền có thể nhắm mắt thi hành ý đồ của mình, bằng tiền của nhân dân, chẳng cần đếm xỉa đến kết quả. Tư bản thì khác, nào dám khinh thường phản ứng công chúng trước sản phẩm tung ra thị trường : **đó là yếu tố quyết định lợi nhuận**. Chính vì văn hoá đại chúng là một thực tại đa kích thước, lẽ sống còn của nó hoàn toàn lệ thuộc vào kinh tế nhưng rễ nó lại bám vào tâm lý con người, yêu cầu của nó là bám sát thực tế trong chức năng đưa người bay vào không gian tưởng tượng. Vì vậy, không thể đơn giản quy văn hoá đại chúng vào kích thước duy nhất là kinh tế. Và, tuy có thể quan niệm hệ thống văn hoá đại chúng theo mô hình kinh tế kinh điển (sản xuất, phân phối, tiêu thụ), ta không thể quên tính chất phức tạp với những mâu thuẫn nội tại của nó.

Trong chuỗi đặc trưng của văn hoá đại chúng “ *Ai, nói những gì, cho ai nghe, tác động là gì ?* ”, **ai** là công nghiệp văn hoá (sản xuất - sáng tạo), **nói những gì** là các chủ đề văn hoá, **ai nghe** không phải là công chúng chung chung mà là thế giới tiêu thụ văn hoá gồm nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, **tác động** thuộc về những vấn đề chức năng và loạn chức năng của văn hoá đại chúng trong xã hội.

Công nghiệp văn hoá

Phương thức sản xuất công nghiệp theo chân văn hoá đại chúng tràn vào lĩnh vực văn hoá. Các kỹ thuật thuần lý hoá nhằm nâng năng suất và khả năng sinh lợi lên tối đa (phân

công, tiêu chuẩn,...) được đem áp dụng vào báo chí, sản xuất phim ảnh, truyền thanh, truyền hình.

Hoàn thành một tác phẩm, trước đây là công việc của một tác giả, nay được phân ra nhiều giai đoạn kỹ thuật. Trong toà soạn của các tạp chí đại chúng, một bài báo thường được phân công cho nhiều kíp chuyên môn : phóng viên săn tin gửi về cho một hay nhiều biên tập viên thu thập lại viết ra một bài nháp, bài đó qua tay một *rewriter* gọt rũa cho câu văn trong sáng, dễ hiểu, cảm động, linh hoạt...

Tác phẩm dù là bài báo, phim, một buổi phát thanh hay truyền hình phải tuân theo một số tiêu chuẩn, về nội dung (đề tài, cách hành văn, tính dễ hiểu,...) và về hình thái (theo một khuôn thời gian và không gian nhất định, phim dài khoảng một giờ rưỡi đồng hồ, bài báo giới hạn trong một số chữ, buổi truyền hình phải bắt đầu và chấm dứt đúng giờ giấc). Qui luật sản xuất hàng loạt cũng áp dụng vào công nghệ văn hoá. Nhưng khốn nỗi, ở đây không thể áp đặt tiêu chuẩn hoá quá máy móc : xe hơi thì có thể sản xuất hàng loạt được, còn sản phẩm văn hoá, không nhiều thì ít, phải có tính cách duy nhất, phải có khác biệt với sản phẩm tương tự. Quay đi quay lại phim Tarzan, được ! Với điều kiện là mỗi phim mỗi có tình tiết đặc biệt, mỗi Tarzan mỗi có cá tính riêng của mình.

Tiêu chuẩn hoá đến cùng là chết công nghệ văn hoá. Mỗi lần sản phẩm mới ra mắt, không sao lường trước được công chúng tiếp nhận ra thế nào. Quá gần với cái cũ, khán giả nhàm chán, thất bại và lỗ lã ; quá độc đáo, quần chúng hoang mang không hiểu, lại cũng hỏng.

Mâu thuẫn cốt tử trên hai bình diện kinh tế văn hoá là một yếu tố qui định cấu trúc cùng hoạt động của công nghiệp văn hoá. Đầu tư vào công nghiệp này có cơ lời to nhưng cũng có cơ lỗ nặng. Khả năng sinh lợi lớn thu hút giới đại tư bản tiền tệ quốc tế. Theo chân giới này, khuynh hướng bàn giấy, tập trung, thuần lý hoá xâm nhập công nghiệp văn hoá.

Tuy nhiên mâu thuẫn kinh tế - văn hoá tạo một thế đối ngẫu. Cấu trúc công nghiệp - bàn giấy - tập trung - thuần lý hoá và cấu trúc doanh nghiệp cá nhân - phiêu lưu - liêu lĩnh, khi thì cộng tác với nhau, khi lại căng thẳng, xung đột.

Tình huống nước đôi này đậm nét hay không theo mỗi ngành. Ngày nay các nhóm tư bản lớn chiếm lĩnh ngành báo chí đại chúng. Trong ngành, nguy cơ lớn đến từ cạnh tranh, có vốn dài làm hậu thuẫn là thêm sức chịu đựng, giảm nguy cơ lỗ lã. Trái lại, trong ngành phim ảnh, chi phí thực hiện phim ngày càng lớn, nguy cơ lỗ ngày càng cao, lượng người xem xiné lại giảm, các công ty khổng lồ ở Hollywood thu nhỏ tầm vóc lại, tập trung nắm khâu ăn chắc là phân phối trên toàn thế giới. Còn khâu thực hiện, lời lỗ bấp bênh khó lường, thì nhường cho các nhà sản xuất độc lập kinh doanh, chạy tiền làm mỗi phim, lời ăn lỗ chịu. Các đài truyền thanh, truyền hình do tư bản tư nhân kinh doanh, chủ yếu sống bằng quảng cáo, cạnh tranh với nhau giành giật một thị trường kén khắt. Doanh số của một đài truyền thanh tương đối không lớn, Europe 1 của Pháp, là 2,5 tỷ frăng trong năm 1994. Trường hợp đài quốc doanh, nhà nước gánh chịu nguy cơ lỗ lã.

Nói chung, công nghiệp văn hoá gồm một khối trung tâm đồ sộ trong tay hệ thống tư bản tập trung. Các thành phần cá

nhân phiêu lưu xoay vần bám quanh như những vệ tinh mong manh, không ít thì nhiều dưới sự kiểm sát của trung tâm.

Xu hướng hội nhập các kỹ thuật viễn thông, phim ảnh, máy vi tính v.v... vào multimedia, vào “ xa lộ thông tin ” đòi hỏi đầu tư kỹ thuật nặng. Muốn cho khối lượng đầu tư đó sinh lợi thì phải chiếm một thị trường tầm cỡ toàn cầu mới tương xứng. Sản phẩm làm ra phải sao cho khắp năm châu đâu đâu tiêu thụ cũng được : đó là những yếu tố thúc đẩy thêm tập trung tư bản, tiêu chuẩn hoá thêm gắt gao để người ở khắp dưới gầm trời nơi nào xem cũng không bị chướng tai gai mắt. Vì đó mà tiềm tàng nguy cơ sản phẩm làm ra nhạt nhẽo, vô vị. Tuy nhiên các xu hướng lấn át máy móc này sẽ vấp vào mâu thuẫn đặc trưng trong quan hệ sản xuất - sáng tạo.

Quan hệ sản xuất - sáng tạo

Trong công nghiệp văn hoá, sản xuất đã chẳng trọn vẹn công nghiệp mà cũng không hoàn toàn là sáng tạo nghệ thuật, trong ý nghĩa thông dụng của hai từ này. Muốn sát với thực tế hơn, chúng ta phải nói sản xuất - sáng tạo, hai khái niệm quấn quýt vào nhau, vừa thu hút vừa xô đẩy lẫn nhau. Vì ai trong ai làm thật ra không phải một mà là hai : một bên là nhà sản xuất – nhà kinh doanh tư bản hay là nhà nước-chủ nhân ông – một bên là người sáng tạo. Cộng tác với nhau, nhưng trong thế tiềm tàng tranh chấp. Đạo diễn phim phải chống lại áp lực của nhà sản xuất đòi áp đặt một tài tử minh tinh, yêu cầu thay đổi một đoạn phim. Bài của nhà báo thường bị cắt xén, thay đổi, gọt bớt bén nhọn để tránh đụng chạm, cho phù hợp với quan niệm toà soạn, v.v...

Thực tế thì trong công nghiệp văn hoá thường xuyên có sự giằng co giữa người sáng tạo với hệ sản xuất. Giới sáng tạo chỉ mong sao cho việc làm của mình không phải lệ thuộc sản xuất, cầu cho sản xuất tôn trọng những điều kiện, nếu thiếu thì sáng tạo khó mà nảy nở.

Trong tương quan sản xuất - sáng tạo, khi thì sản xuất lấn lướt, sản phẩm bị bó khuôn trong các tiêu chuẩn ; khi thì sáng tạo át được sản xuất và tính chất tác phẩm tương tự với tác phẩm nghệ thuật, văn chương. Nhiều khi khuôn phép do sản xuất đặt ra vẫn được tuân thủ, nhưng trong khuôn khổ đó có đủ tự do cho sáng tạo : cấu trúc rập mẫu những phim cao bồi western không ngăn cản các nhà đạo diễn tài hoa thực hiện được kiệt tác. Cũng như các quy luật nghệ thuật sân khấu cổ điển Pháp, khuôn mẫu sản xuất có cơ gò bó bóp chết tác phẩm, nhưng cũng có khi làm cho găm lại thêm hoa.

Trong các tờ báo nổi tiếng, tương quan giữa sản xuất và sáng tạo tùy theo mục, theo trang. Có những bài thực hiện tập thể, nhưng cũng có những bài do tác giả trú danh ký tên. Nhà sản xuất mời nhân vật nổi tiếng, dựa vào tiếng tăm của họ, vì thế cũng nói cho họ được rộng tự do phát biểu.

Hệ thống công nghiệp văn hoá dựa trên logic nước đôi : logic công nghiệp - bàn giấy - tập trung - tư bản - tiêu chuẩn hoá - nhằm sản xuất hàng loạt và logic cá nhân - đổi mới - sáng tạo. Đó là nguyên nhân làm cho hệ thống thiếu ổn định, thường phải biến chuyển theo tương quan lực lượng giữa hai logic mâu thuẫn nhau. Và ta hiểu vì sao nó có khả năng sản sinh ra được tuyệt tác đồng thời với những sản phẩm rất tồi.

Tiêu thụ văn hoá

Văn hoá quốc gia và văn hoá học đường là những luồng văn hoá quy định bởi gia đình và hệ giáo dục. Còn văn hoá đại chúng thì là thị trường đề nghị. Nó gợi ước mong, hứa thú vui. Căn bản, nó là hoan lạc chủ nghĩa.

Vì vậy, văn hoá đại chúng là một văn hoá giải trí. Nó xen vào những giờ phút nhàn hạ và sống nhờ thời gian rảnh rỗi. Người ta tiêu thụ theo nó theo thị hiếu thẩm mỹ. Nói thế có nghĩa là trong quan hệ với sản phẩm văn hoá, người tiêu thụ đứng nước đôi giữa hai trạng thái, vừa cách bức lùi xa vừa tham gia thực sự. Khán giả ý thức mình đang xem một cuộc biểu diễn đó, nhưng cũng tham gia hết mình vào đấy. Chính sự tham gia này là điểm bí yếu trong tiêu thụ văn hoá. Khán giả xem xine có xu hướng “ ngoại xuất ” nghĩa là gán cho các nhân vật chính, các tình huống trong phim, những xung năng, khát vọng, lo sợ thể hiện trong thế giới tưởng tượng của cuốn phim, đồng thời cũng đồng hoá chính mình với nhân vật sống trên màn ảnh, trên màn truyền hình. Trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê ấy, hiện tượng ngoại xuất - đồng hoá thể hiện một sự thâm nhập giữa sản phẩm văn hoá với người xem.

Lâu ngày chầy tháng, sự thâm nhập thường xuyên ấy có những tác động gì ? Không thể giải đáp câu hỏi này một cách tất định. Nói cách giản đơn thì tiềm tàng hai khả năng đối cực : một mặt là trốn tránh thực tại, đi vào thế giới tưởng tượng mộng mơ, mặt khác là tự đồng hoá với nhân vật, bắt chước xử sự phỏng theo phim.

Vì vậy, tùy trường hợp, tùy điều kiện, văn hoá đại chúng là một nhà máy reo rắc mộng mơ, hoặc ngấm ngấm gài những huyền thoại, những ý niệm trội sấp nhập vào xã hội. Nói chung thì nó thể hiện cả cả hai vai trò nói trên, và vì thế – hiểu theo nghĩa xã hội học và dân tộc học – văn hoá đại chúng là một văn hoá đích thực. Trong các nước tư bản, điều không thể chối cãi được là văn hoá đại chúng thể hiện chức năng sấp nhập con người vào ý thức hệ chính thống.

Khi văn hoá đại chúng của các nước công nghiệp tràn ngập thế giới, sức chinh phục như vũ bão đem phổ biến khắp nơi một kiểu folklo chung chung, lấn lướt đè bẹp các nền văn hoá địa phương độc đáo.

Các phong cách ứng xử, những ý niệm rất là tự nhiên trong xã hội công nghiệp, khi du nhập vào thế giới thứ ba biến thành ước mơ xa vời thực tại. Đồng thời, chúng reo rắc hình ảnh một lối sống khác lạ, kêu gọi tưởng tượng, kích thích nhu cầu mới – thử nghĩ có quảng cáo nào sánh được với sức kích thích tiêu thụ quần jean của phim cao bồi western Hoa Kỳ ? Và cũng không thể loại trừ khả năng chúng gây ý thức mới cho những yêu sách xã hội trong các nước chậm tiến.

Như đã nói ở một đoạn trên, “ xa lộ thông tin ” sẽ tăng sức ép của tập trung tư bản, của sản phẩm văn hoá rập khuôn. Vệ tinh từ trên trời, nào có đếm xỉa gì tới ranh giới quốc gia, đến đặc trưng văn hoá, ngày đêm trút xuống khắp nơi trên hoàn cầu hình ảnh, âm thanh do một vài trung tâm khổng lồ chế tạo ra. Trước ý chí chinh phục thị trường văn hoá thế giới của những lực lượng nắm trong tay thế lực tài chính, kỹ thuật, chính trị vượt sức lực quốc gia riêng lẻ thì cái quyền mỗi nhóm người, mỗi dân tộc được tự tình bằng âm thanh, hình

ảnh, ngôn ngữ của xúc cảm, tâm tư tự đáy lòng mình chỉ là cái quyền của trầu non trước mõm lang sói. Tuy nhiên...

Thế đứng nước nghèo

Chính vào những thời điểm công nghiệp thông tin chuyển động mạnh, trước khủng hoảng, trước yêu cầu mới của kỹ thuật, của xã hội, cả hai xu hướng cơ bản trái ngược nhau – tập trung tư bản và sáng tạo nghệ thuật – đều tự khẳng định trong công cuộc tìm lối thoát.

Vào cuối thập kỷ 50, đầu 60, trước khủng hoảng lượng người xem xine giảm sút, công nghiệp phim ảnh phải sắp xếp lại toàn bộ hệ sản xuất - sáng tạo - phân phối.

Khi ấy xu hướng của các nhà tài to mặt lớn trong công nghiệp làm phim là thu hút khán giả bằng cách sản xuất phim dàn cảnh vĩ đại, ngân sách khổng lồ.

Đồng thời cũng nảy ra cách làm phim của một bộ phận trẻ, dựa vào các nhà sản xuất nhỏ, vào trợ giúp của nhà nước. Ngân sách khiêm tốn, chẳng cần minh tinh, nhưng tác giả sáng tác theo ý riêng khác xa các mẫu sáo mòn của công nghiệp văn hoá. Khi đó, nổi lên ở Pháp đợt sóng mới *nouvelle vague* – phim *A bout de souffle* (Hết hơi) của Godard ra mắt khán giả năm 1957. Và ở Ý những phim của Antonioni, của Fellini (*La Dolce vita*, rồi *L'Avventura*, *La nuit*, *Le désert rouge*,...), nhìn xã hội dưới nhãn quan mới lạ. Làm ra những tuyệt tác để đời.

Khi công nghiệp văn hoá phải lột xác để thích nghi với kỹ thuật mới, thì cũng là thời cơ cho tìm tòi nghệ thuật nghe nhìn mới, cho sáng tạo cùng tư bản tiền tệ chen chân vào.

Nước nghèo có cơ tìm được một chỗ đứng hay chẳng ?

Kẽ hở quả là rất hẹp. Cho tới nay, có trường hợp đặc biệt Ấn Độ, tiếng là nước nhưng thực ra là cả một lục địa. Công nghiệp phim ảnh khai thác nhu cầu mơ mộng thoát ly đời sống bùn lầy vũng hẹp của một xã hội nghèo và đông dân. Mua những giờ phút đi vào thế giới mộng ảo bằng một vé xine không phải là cái gì quá đáng đối với số đông.

Ở các nơi khác, công nghiệp văn hoá sống được là nhờ biết giữ thế quân bình mong manh giữa hai mặt vừa đối chọi vừa không thể tách rời nhau : công nghiệp và sáng tạo nghệ thuật. Ở châu Phi, nhà sản xuất phim Ahmed Attia, người Tunisie tạo cho mình một thế đứng then chốt, nhờ phim có giá trị (từ *Homme de cendres*, người tro bụi, năm 1984 cho tới *Les Silences du Palais*, những im lặng của cung điện, năm 1994) và có chiến lược toàn diện sản xuất - phân phối. Ông ta “ *hiện đang suy nghĩ về một chiến lược ở quy mô bao gồm Phi châu, Địa trung hải và Ả rập* ” (*Le Monde* 23.11.94).

Tại Nam Mỹ, “ Nhóm ba nước ” (Colombie, Mexique, Argentine) họp nhau lại thành một thị trường chung phim ảnh. Sức lực công nghiệp phim hồi sinh với một nghệ thuật hướng vào thực trạng xã hội. Những phim kể chuyện đời sống dưới chế độ độc tài Perez Jimenez và những khó khăn thai nghén dân chủ hiện nay ở Argentine, (*La Boda*, Đám cưới, 1982, của Thaelman Urguelles ; *Macu, la femme du policier*, Macu, vợ người cảnh sát, 1986, của Solveig Hoogstein), đời sống hàng ngày đầy hung bạo giữa đường phố thành phố Madellin, Colombie, trung tâm buôn lậu ma tuý quốc tế

(Sicario, 1994 của José Ramon Novoa), v.v... được khắp thế giới mến phục.

Những sự kiện đó nhắc nhở – nếu ta không nghĩ tới – rằng công nghiệp văn hoá trước tiên là một công nghiệp. Với các khâu liên hoàn sản xuất - phân phối - tiêu thụ. Yếu một khâu, cả ngành èo uột. Chính sách của Pháp về phân phối phim ảnh thiếu sáng suốt trong nhiều năm. Lúc bùng mất tỉnh ngộ thì Hoa Kỳ đã chiếm lĩnh thị trường phân phối mất rồi. Sản xuất của Pháp có tài hoa, có sáng tạo đấy, nhưng đang ngẹt thở chỉ vì không được phân phối ở thị trường Hoa Kỳ to lớn.

Vai trò của nhà nước, của một chính sách công nghiệp văn hoá dài hơi, sẽ rất quan trọng trong giai đoạn sắp tới. Sự phát triển của multimedia, của xa lộ thông tin, đòi hỏi sự kiên trì thực hiện một chiến lược công nghiệp văn hoá có tầm nhìn bao quát cả khu vực, khắp thế giới.

Chính quyền nước nghèo có ý chí thực hiện một chính sách xây dựng một công nghiệp văn hoá có sức chen chân vào cuộc cạnh tranh toàn cầu, cho dân chúng còn có cơ được thấm nhuần văn hoá dân tộc, cho văn hoá của ta phần nào có thể đứng bình đẳng với văn hoá các dân tộc khác hay không ?

Đó là vấn đề.

Khi có quyết tâm, chính quyền có sáng suốt nói tay cho sáng tạo đủ tự do hay chẳng ? Lại là vấn đề khác. Căn bản chẳng kém ý chí xây dựng công nghiệp văn hoá. Vì tự do cần thiết cho sáng tạo nghệ thuật như dưỡng khí cho sự sống. Mà thiếu sáng tạo, công nghiệp văn hoá nhất định phải tàn tạ. Khi ấy chỉ có cách bán sông, bán núi, bán cảnh, bán người chó không mong chen chân vào thị trường văn hoá thế giới được.

Riêng cho nước ta, vấn đề đặt ra gay gắt. Xưa nay, chính quyền xem văn hoá như một công cụ phục vụ cho ý thức hệ, cho chính trị. Nghệ sĩ như thuộc hạ kẻ cầm quyền.

Trong ý thức hệ nhà Nho, văn để chỗ đạo, dĩ nhiên là đạo Nho (văn dĩ tải đạo). Nhà cầm quyền xưa lấy chính trị của mình làm thước đo giá trị tác phẩm văn hoá. Vua Minh Mạng đánh giá công trình bách khoa toàn thư đồ sộ **Lịch triều hiến chương loại chí** của Phan Huy Chú : “ *Sách này soạn thuật dẫu khéo, nhưng lập ngôn thường thường bênh vực họ Trịnh, thì kiến thức cũng què.* ” Nghệ nhân thời Nguyễn phải che dấu tài hoa. Chẳng may mà danh bay ra khỏi lũy tre làng, họ có cơ bị bắt phải rời bỏ gia đình làng mạc, vào kinh phục vụ trong các ty thợ của nhà vua. Cho đến khi đầu bạc, sức tàn.

Quan điểm của chính quyền nước ta ngày nay về văn hoá, về nghệ sĩ, đã là khuôn vàng thước ngọc suốt mấy chục năm nay, chúng ta ai ai cũng được thấm thía. Không cần rườm lời nhắc lại làm chi, chỉ xin trích dẫn giáo huấn của ông Đỗ Mười trước đại hội lần thứ V của Hội nhà báo Việt Nam : “ *Mọi hoạt động của thông tin báo chí là phải bám sát nghị quyết của Đảng..... Cái gì sai trái với mục tiêu và định hướng nói trên, chúng ta kiên quyết phê phán và bãi bỏ.* ”

Chính vì thế mà vấn đề cốt tử là gột bỏ được nề nếp bóp nghẹt tự do, giết chết sáng tạo. Có vậy mới mong công nghiệp văn hoá chen chân vào thị trường thế giới, chúng ta xây dựng nên một nền văn hoá dân tộc hiện đại.

bùi mộng hùng (1.1995)

bảo tồn và cải tạo KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI

Văn Ngọc



Hà Nội theo cảm nhận của tôi có nhiều cái đẹp do thiên nhiên ban tặng cho, mà con người chưa khai thác hết : hồ Gươm, hồ Trúc Bạch, hồ Tây, sông Hồng, và ...bầu trời, chân trời Hà Nội những buổi chiều mùa hạ, nhìn từ những gác sân thượng xinh xinh !...

Cũng có nhiều cái đẹp khác do bàn tay, trí óc con người, do những truyền thống văn hoá lâu đời tạo dựng nên : các công trình kiến trúc cổ, các đền chùa còn lại từ các thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn, và đặc biệt là khu “ 36 phố phường ” của Hà Nội cổ.

Đó là những hòn ngọc quý cần được nâng niu, trau chuốt, và là những di sản lịch sử, văn hoá cần được bảo tồn.

Đó cũng là những danh thắng có sức lôi cuốn khách du lịch đến tham quan thủ đô, với điều kiện là phải được cải tạo và trang bị để trở thành những khu danh thắng thật sự, vừa làm tăng thêm vẻ đẹp của thành phố, lại vừa có tác dụng về các mặt kinh tế và văn hoá.

Khu phố cổ Hà Nội từ xưa tới nay vẫn vừa là khu ở, vừa là khu buôn bán. Đồng thời nó là một khu di tích văn hoá, lịch sử. Nhiều thí dụ ở các nước phát triển trên thế giới cho thấy xu hướng chung là người ta rất quý trọng những khu phố cổ. Mỗi thành phố đều có chính sách đầu tư vào việc trùng tu và cải tạo những khu phố đó, vì người ta biết chắc rằng chúng sẽ là những điểm hấp dẫn trong một thành phố và về lâu dài sẽ đem lại cho họ nhiều nguồn lợi .

Đặt vấn đề bảo tồn và cải tạo khu phố cổ Hà Nội là phải thấy trước được những khó khăn, phức tạp của nó, vì nó đòi hỏi khá nhiều khả năng về tài lực và vật lực.

Trong thời Pháp thuộc, không bao giờ nhà nước bảo hộ nêu lên vấn đề này, kể cả trong những phương án quy hoạch của các nhà kiến trúc sư Ernest Hébrard (1920) và Mario Cerruti (1940). Điều đó cũng dễ hiểu, vì họ cho rằng việc làm này không kinh tế và không đem lại lợi ích gì cho họ.

Sau này, từ năm 1955 trở đi, qua mấy đợt quy hoạch xây

dựng và cải tạo thành phố Hà Nội, nhà nước Việt Nam vì nhiều lý do kinh tế, chiến tranh, và vì những nhu cầu trước mắt, cũng đã không coi vấn đề này là ưu tiên, mặc dầu vẫn luôn luôn nhắc nhở đến trong các phương án quy hoạch.

Hiện nay, vấn đề đã được nêu lên một cách khẩn trương trong kế hoạch phát triển, xây dựng và cải tạo chung cho cả thủ đô trong giai đoạn mới, tuy nhiên chưa có được một phương án cụ thể nào, chưa thấy đưa ra được một ý lớn, có thể áp dụng được vừa cả cho khu phố cổ lẫn các khu phố khác, trong viễn cảnh một thành phố có dáng dấp hiện đại, xứng đáng với một thủ đô và đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế.

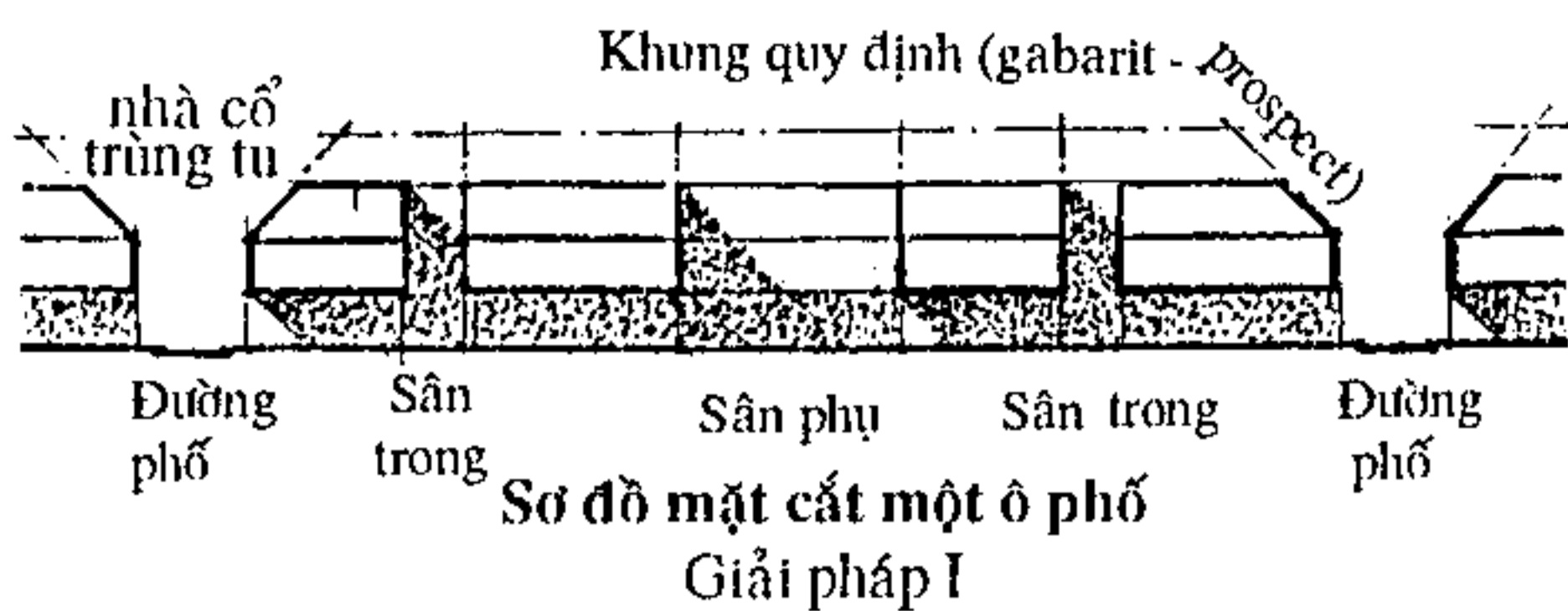
Trùng tu hay cải tạo ?

Nhìn vào các đợt quy hoạch, xây dựng và cải tạo trước đây, chúng ta thấy rằng ngay từ thời Pháp thuộc, chính quyền bảo hộ mặc dầu không đụng đến cái mô bào (*tissu*) của khu phố cổ, nghĩa là không đụng đến mặt bằng những ô phố, nhưng đã không ngăn cấm việc nâng tầng nhiều ngôi nhà cổ ở khu “ 36 phố phường ”, miễn là giới hạn ở mức hai, ba tầng. Như vậy cũng đã là một bước đầu cải tạo, mặc dầu còn rất rụt rè và cục bộ. Nhiều ngôi nhà vì đổ nát quá mà đã được xây lại mới, đôi khi với những mặt tiền khác hẳn và không có gì là cổ cả. Nói chung, những ngôi nhà cổ nhất ở Hà Nội còn tồn tại cho đến ngày nay cũng chỉ mang niên đại từ thời Minh Mạng, Tự Đức, nghĩa là không đến 150 năm. Những ngôi nhà cổ này, thật ra không còn mấy và điều đó cũng dễ hiểu : với cấu trúc tường gạch, sàn gỗ, vì kèo gỗ và mái ngói ta, nhiều nhà ở các phố cổ bị hư nát, siêu vẹo ngay từ khi người Pháp mới đặt chân đến đất này, không nói gì là lại còn trải qua mấy cuộc chiến tranh tàn phá.

Riêng ở khu Đông-thành cũ, trong một trận quân Pháp tiến đánh khu vực Hàng Thiếc, Hàng Nón ngày 7-1947, nhiều dãy nhà đã bị phá huỷ, chủ yếu bị đốt cháy. Ở phố Hàng Bát Đàn, dãy nhà bên số lẻ cùng ô phố với Hàng Thiếc, Hàng Nón, Hàng Điều, đã bị thiêu trụi đến một nửa số nhà, trong đó có những ngôi nhà cổ hai ba tầng, với cửa “ thượng song hạ bản ” (trên song dưới ván) ở tầng một và cửa lùa ở tầng dưới nhà. Mặt bằng và không gian bên trong được bố cục theo trình tự : cửa hàng – sân trong – nhà cầu – nhà thờ (tổ tiên) – buồng ở – sân trong – nhà phụ (nhà bếp, buồng xí, buồng tắm, vv...). Sau này, từ 1947 đến 1954, dân hồi cư về, có những kẻ cơ hội lợi dụng tình thế hỗn quân hỗn quan, xây dựng tạm bợ lên để ở, rồi sau đó từ 1955 trở đi, những đợt người khác cũng lại xây dựng một cách bừa bãi, cấu thả. Có những ngôi nhà lẽ ra trước kia là hai ba tầng thì chỉ xây lại có một tầng. Dãy phố trông nham nhở, thưa thớt như bữa mất răng.

Khu vực Hà Nội 36 phố phường

Khu phố cổ, còn được gọi là “ khu vực Hà Nội 36 phố phường ”, nằm gọn trong một hình tam giác cân, với hai cạnh đều bằng 2,5 km và cạnh đáy dài 3 km nằm áp vào bờ sông Hồng. Đỉnh của hình tam giác này là góc đông nam khu Thành Nội (sát ngõ Hội Vũ). Ranh giới phía nam là đường Tràng Thi.



nhưng tùy theo chức năng của từng ngôi nhà, hoặc của từng dãy phố mà thích nghi.

Về giải pháp này, người ta có thể có một nhận xét : nếu chỉ bảo tồn khu phố cổ theo đúng hình dáng xưa, với những ngôi nhà trùng tu hoặc xây mới lại, có mặt tiền rập theo đúng những kiểu mẫu nhà cổ, nhưng vẫn giữ hình khối và dung lượng cũ, thì liệu nó có đáp ứng được những chức năng về nhà ở và cửa hàng của một khu phố nằm giữa trung tâm một thủ đô đang trên đà phát triển không ? Có thể nó sẽ phải đổi hẳn chức năng để trở thành một khu thắng cảnh đón khách du lịch với những cửa hiệu cùng nhà hàng ăn uống, với một phần nhỏ dành cho việc ở chảnh ?

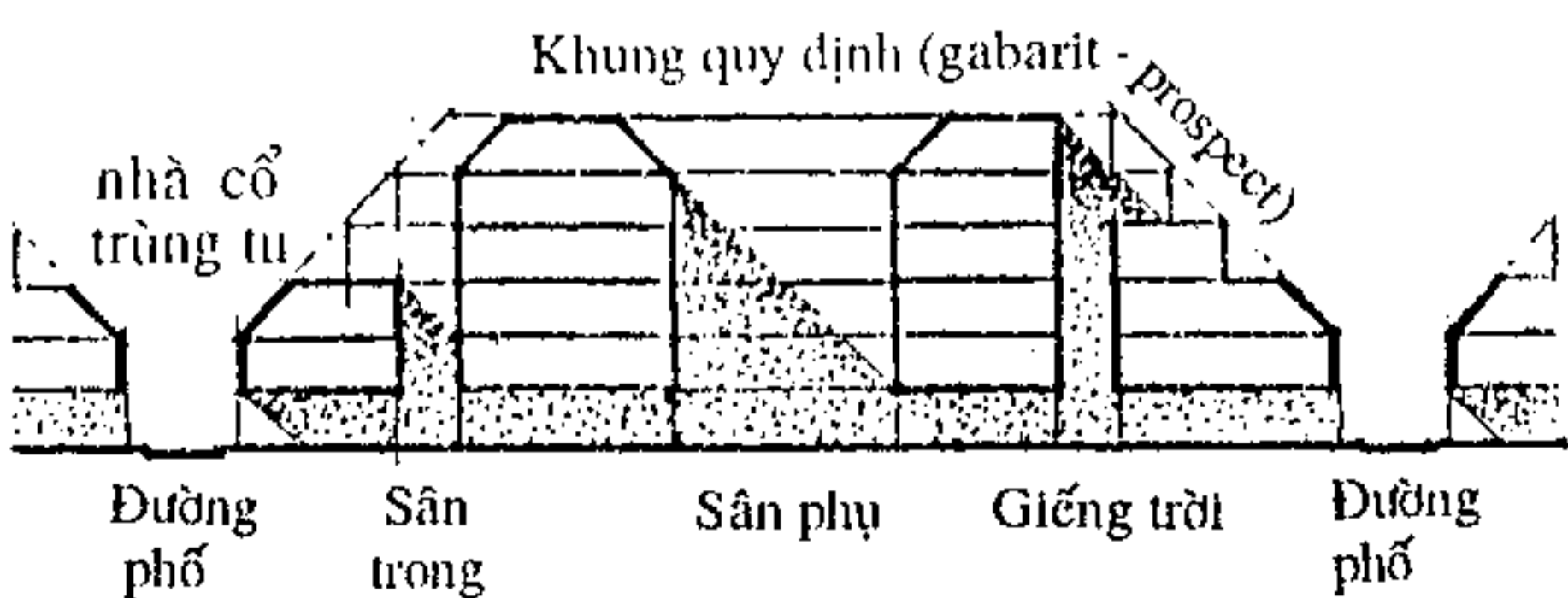
Ở rất nhiều thành phố lớn nhỏ ở Pháp như Rouen, Dijon, Troyes, Metz, Nancy, Mulhouse, Strasbourg, Toulouse, vv... và ở khắp Âu châu, nói chung, người ta vẫn bảo tồn được cả từng khu phố cổ rộng lớn, với những đường lát đá viên vuông (pavés) như những thời xa xưa, với những ngôi nhà cổ để làm cửa hàng, tiệm ăn hấp dẫn khách du lịch.

Giải pháp II : vừa trùng tu, vừa cải tạo

1.2.3 : như đã nói ở trên. Các điểm 1, 2 và 3 của giải pháp I đều được áp dụng ở giải pháp II. Tuy nhiên, ở điểm 2 có khác một chi tiết là : bắt đầu từ nóc mái tầng 1 (1er étage), hoặc tầng 2, nếu có, xây lui vào theo kiểu bậc thang, dựa theo những quy phạm thông thường về gabarit và prospect (tạm dịch là khung quy định : $H = L$ hoặc $H = L + \dots$ vv..).

4. Mặt quay ra đường phố, xây nâng tầng theo khung quy định mà bề rộng đường phố cho phép. Số tầng tùy theo kích thước của ô phố, nhưng cũng không nên quá bốn, năm tầng vì những lý do kinh tế (nền móng, thang máy, vv...). Mặt quay vào phía lối ô phố, chỉ cần dành chỗ cho một khoảng sân lộ thiên như ở điểm 3.

Giải pháp này đòi hỏi một số vốn đầu tư lớn hơn, nhưng cũng có năng suất lớn hơn để có thể bảo đảm những chức năng phong phú của một khu phố nằm ngay giữa trung tâm thành phố.



Sơ đồ mặt cắt một ô phố
Giải pháp II

Giải pháp xây dựng và cải tạo những khu phố khác

Ngoài khu phố cổ “ 36 phố phường ” và khu “ phố tây ” ra, ở các khu phố khác, đặc biệt về phía Nam, cũng cần giữ một số nguyên tắc đã được nêu ở trên :

1. Khoét rộng những ô phố trong chùng mực có thể để tạo lối vào cho xe cứu hoả và xe chở hàng, đồng thời tạo những sân chơi.

2. Hình dáng mặt cắt phải tuân theo đúng những luật lệ về gabarit và prospect đã được ấn định cho từng khu vực.

Biện pháp xây chùng theo kiểu bậc thang với những gác sân ở mỗi tầng, và sân lộ thiên (hay giếng trời) là một biện pháp phù hợp với quan niệm kiến trúc truyền thống, cũng như hiện đại, nghĩa là phù hợp với điều kiện thiên nhiên ở xứ nhiệt đới ẩm.

3. Số tầng tùy theo gabarit đã được ấn định cho từng khu vực, nhưng theo tôi, nên khai thác tối đa khả năng nâng tầng của mỗi ô phố để rút ra một quy tắc chung cho cả thành phố.

Ở Paris chẳng hạn, gabarit chung cho cả thành phố là khoảng 25 m bề cao. Cũng có những khu xây dựng mới được phép xây cao hơn mức quy định này, nhưng phải có những lý do đặc biệt. Nhà cửa ở các mặt phố chính ở Paris thường cao 7 tầng, thêm một hai tầng xây thụt vào trong, theo đúng đường chéo 45 độ của khung quy định (prospect). Hà Nội đất nền móng xấu, ở các khu phố sá hẹp xây lên tới 5 tầng là vừa, với điều kiện là phải trả giá bằng việc sử dụng một cách thích ứng các kỹ thuật nền móng đất yếu.

Tóm lại, dù trong giả thuyết nào, hay giải pháp nào, việc trùng tu và cải tạo lại khu phố cổ của Hà Nội hiện nay đòi hỏi một tầm nhìn xa, một sự quyết tâm và cố gắng đặc biệt về đầu tư sức người, sức của ở nơi những người có thẩm quyền quyết định, cũng như nó đòi hỏi nhiều công phu sáng tạo ở nơi các nhà quy hoạch và kiến trúc.

Văn Ngọc



ĐÍNH CHÍNH

Sở trước, chúng tôi đã giới thiệu bộ sách+băng dạy tiếng Việt **ASSIMIL : LE VIETNAMIEN SANS PEINE** của hai tác giả **Đỗ Thê Dũng** và **Lê Thanh Thuý**. Nay xin đính chính về giá bán : sách 100 F, bộ 4 băng casset 340 F, toàn bộ sách + băng casset để trong hộp : 435 F.

Cùng là miếng thịt heo...



Nguyễn Thắng

Có những điểm người và lợn giống nhau thật. Không có con vật nào trái tim gần với tim heo bằng con người. Vì vậy mà trong phẫu thuật thay van (valve) tim bị hư hỏng, tim lợn được chọn làm một loại van nhân tạo.

Về sinh sống thì cả người lẫn lợn đều thuộc loài ăn tạp, gạo, rau, thịt, không chừa món nào. Vào những thời buổi đói kém cần bớt miệng ăn, bụng người còn chưa đủ, lấy đầu ra mà cho heo cho cúi ăn. Chỉ khi nào cơm thừa canh cạn có dư mới là lúc nghĩ đến nuôi con lợn, như tiền bỏ vào ống.

Ở Pháp, thời trung cổ, thức ăn còn khan hiếm, thường là cả làng chung nhau một đàn lợn. Có người giữ chức chăn lợn (porcher), lùa đi kiếm ăn đầu làng cuối bãi. Phải đến khi khoai tây – loại cây du nhập từ Nam Mỹ – được trồng phổ biến khắp nơi, thức ăn tinh bột dư dả, mới có chuyện mỗi nhà nuôi lợn riêng.

Điểm giống nhau thì có đấy, nhưng nhiều cái rõ ràng chỉ là suy bụng ta ra bụng người. Dâm dục trong lòng đùng đùng nổi lên thì vội cho là “con lợn lòng” vùng giẫy...

Có lẽ đấy là thói người thị thành đó thôi, chớ người nông thôn nào có quàng xiên đến thế, dù rằng họ là người biết rõ lòng lợn hơn ai hết:

Trông mặt mà bắt hình dong

Con lợn có béo bộ lòng mới ngon

Mà ở ta cũng như Pháp, người nông thôn thường khi tôn trọng con lợn tới mức không mấy người ở đô thị ngờ được. Không lẽ họ lại đi gán những thói nhờn tình xấu xa cho con vật được yêu mến và kính vì.

Thật vậy, mãi cho đến những thập niên đầu thế kỷ này, người nông dân Pháp vẫn còn thói quen gọi lợn bằng “ông”, Monsieur, địa phương Auvergne nói trại ra là Mouchu, ở Perigord là Mouchur. Nên nhớ là các vùng này có truyền thống chế biến thịt lợn tuyệt diệu. Vùng Normandie gọi lợn là “le noble”, nhà quý phái, ở Lorraine thân thiết hơn dùng những từ “le mignon”, người yêu quý, hay “le camarade”, anh bạn. Trong nhiều nông trại ngày nay “cochon”, con heo, con lợn, vẫn còn là từ cấm kỵ. Nếu rủa buột miệng nói ra, thì liền dùng thành ngữ lễ phép “sauf votre respect”, xin mạn phép...

Nông thôn ta nào có khác gì, ở nhiều làng đồng bằng sông Hồng, lợn được gọi là “ông ỷ”.

Chỉ khổ cho lợn là được yêu, được trọng để chờ ngày làm thịt. Nhưng mà mỡ lợn có mùa có tiết chú chẳng

phải là chuyện của bất cứ ngày nào. Ở ta, là ngày tết, ngày đám. Ở Pháp, ngày truyền thống giết lợn là vào lúc lập đông. Thịt dành ăn dần qua mùa giá rét, khan hiếm thức ăn. Vùng Bourgogne chẳng hạn giết lợn đúng ngày Thánh Martin, 11 tháng 11.

Và ngày đó là vui như tết.

Vui mà không căng thẳng, khác với tình huống “cãi nhau như mổ bò”. Mổ lợn không phải là cơm bữa, đã hào hứng cái hương vị của chuyện khác thường lại là việc làm quen tay. Trẻ con quên sao được không khí những ngày trước Tết, nghe lợn kêu eng éc là mở cờ trong bụng. Chờ các chú các anh mổ bụng lợn quăng cho cái bong bóng, xúm nhau lại thổi phồng lên làm bóng đá. Cả bọn trong xóm quần với nhau. Cho đến khi bỏ hơi tai, bụng vừa đói là đúng lúc nên chạy về nhà, xẻn lên đứng cạnh nồi luộc thịt khói bay thơm phức. May ra được mẹ dúai cho cái đuôi, anh em reo lên, chạy ra sân, hết đùa nọ đến đùa kia vừa thổi vừa chia nhau cắn từng miếng. Da dòn sần sật mà béo ngậy mỡ. Liếm tay, mà bụng còn thòm thèm.

Người lớn vui thú vui người lớn. Có những tục lệ truyền thống đặc biệt và bữa đánh chén ê hề. Hãy nghe Ngô Tất Tố kể việc “tế ỷ” trong *Cuộc thi giết lợn*, một chuyện thuộc **Tập án cái đình**:

“Tiếng trống cái và trống con âm âm thúc ở các ngõ. Những ông hương lý láo nháo chạy ra trước đình, con nít thì nhau hò reo: “Ỗ của quan đám đã ra!”

Một toán, hai toán, ba toán, bốn toán. Hai phía đầu đình cả bấy nhiêu toán lần lượt tiến vào. Toán nào toán ấy, cờ mở trống dong, linh đình như những đám quan trầy.

Đó là bốn con lợn lớn. Thú lợn nuôi để cúng thần, đã được tôn làm “ông Ỗ”.

Giữa đám lợn xanh lợn vàng xúm xít bốn “ông lợn” lớn, chõm chọc ngòi trong bốn chiếc cũi tre, giống như hồi xưa người ta giải các tướng giặc bị bắt. Có điều cũi tướng giặc ngày xưa chỉ đánh chốt đóng giữ, còn cũi của mấy ông lợn này thì chẳng buộc toàn bằng thùng trạc nhuộm màu cánh sen, coi bộ cực kỳ long trọng. Hơn nữa, đằng sau mỗi cũi, lại có đội âm nhạc đủ cả đàn, sáo, kèn, nhị và một ông già đội mũ tế mặc áo thụng xanh, cung kính đi hầu.

Như đám hàng tống đánh cướp, trống cái trống con của các toán thi nhau thúc một hồi cuối cùng. Bốn chiếc cũi tre đồng thời được rước vào tận trước đình, và sắp thành hàng chữ nhất. Bằng vẻ mặt rất tự nhiên, cả bốn “ông lợn” cùng chầu vào cửa đại đạo, không sợ hãi và không ụt ịt một tiếng nào hết.

Cờ quạt tàn lọng vừa được dựa lên mái đình hay là cắm vào tổ giá, một đội nôi, sanh ở đâu nhất tề tiến ra với những người khoẻ mạnh hung tợn chẳng khác một bọn tướng cướp. Các sanh đều có để bát muối trắng và con dao bầu sáng choang. Các nôi đều đặt vào chiếc quang dài do hai người khiêng lễ mẽ. Miệng nôi tuy có dây nắp, hơi khói vẫn bốc lên nghi ngút, tỏ rằng ở đó có đựng nước sôi.

Trong đình nổi một hồi tùng cắc. Ông thủ từ phủ phục phía trước hương án, hai tay giơ lên che miệng và khấn lầm rầm, để cho một lũ ông khác sì sụp lễ theo.

Mỗi người vừa hết bốn lễ, ba vái thì tiếng tùng cắc vừa tan. Một ông trong bọn vừa cởi áo thụng vừa chạy ra trước đình để nói một câu rất hách dịch :

– Chạ đã làm lễ tỉnh sinh xong rồi. Các quan đám truyền cho gia nhân vào việc đi chú !

Tiếng reo đồng thời nổi lên ồn ồn với những tiếng ti-u của các hiệu sùng, hiệu ốc. Trẻ con đàn bà, những người vô sự hết thấy bật ra ngoài tường bao lan, nhường khu đất trước đình cho các đội đồ tế. (...)

Mỗi cũi chừng hơn mười người sấn vào. Nhanh như cắt, họ túm “ ông lợn ” lôi ra sềnh sệch.(...) Tựa cái sức mạnh của đám đông người, họ không cần trói, chỉ giữ bằng bàn tay không, thế mà ông lợn cũng chỉ há mồm mà kêu eng-éc, không thể động cựa, dù mà sức lực “ ông ấy ” to lớn gần bằng con trâu. Cái sanh đựng muối đã được một người sách lấy hai quai và húng dưới cổ con vật đáng thương. Một người khác sấn gọn hai ống tay áo, lăm lăm con dao bầu đâm vào cổ nó, giữa lúc hai người béo lớn lật đặt khiêng nôi nước sôi đi sau, để cho một người nhanh nhẩu cầm gáo múc nước dội vào mông nó.

Bấy giờ công việc mới càng tui bụi ! Tiết ở cổ lợn cứ việc chảy ra lòng sanh, nước ở trong gáo cứ việc đổ vào mông lợn, người bung cái sanh, người cầm cái gáo, người khiêng cái nôi nước sôi cũng như những người túm bốn chân lợn, đều chạy như bắn. Ra khỏi đầu đình bốn tốp chia ra bốn ngã, tốp nào về nhà chủ lợn tốp ấy. Sao mà tài quá đi mất ! Cả đám đều chạy như thế, mà không người nào giầy xéo lên chân người nào, tiết lợn cũng không vung vãi ra đất một giọt. ”....

Cái vui ngày mổ lợn đã vào thành ngữ, câu vè Pháp :

*Si tu veux être heureux un jour
Marie - toi donc,
Si tu veux être heureux huit jors
Tue ton cochon*

(Muốn vui một ngày, mày cưới vợ đi, Muốn vui cả tuần, gì bằng mổ lợn) là phương ngôn vùng Maule ở Ile - de - France. Ngày giết lợn truyền thống còn có tên là festo pourcalo, tết lợn ở vùng Languedoc – là Saint - Porc, ngày thánh lợn, ở xứ Basque – ở Bourgogne là Saint - Cochon cùng nghĩa như trên. Nhiều nơi khác, ý các từ ngữ chỉ ngày mổ lợn thiên về cuộc đánh chén hơn : fête à boudin, tết dồi huyết ở Normandie, cuisine du goret, nấu lợn non, ở các vùng miền Tây nước Pháp.

Cũng nhan nhản tục lệ. Tất cả mọi người tham gia làm thịt con lợn cùng xúm lại ăn một bữa ê hề món lòng món tiết. Bữa đó ở vùng Compiègne gọi là boudinée, chén dồi huyết, nhậu rượu táo (cidre) . Ở Bourgogne bữa grillote chỉ có toàn đàn ông, bộ lòng – vùng đó gọi là fressure – phải do chính tay họ nấu nướng. Ý nghĩa tương tự với tục lệ gruotte : sấn được heo rừng, lòng và miếng thịt trứng đạn đem nấu nướng, đám đàn ông ăn với nhau ngay tại nơi săn bắn.

Nhiều nơi, đàn bà không được nhúng tay làm một số món ăn. Vì tin rằng người có kinh nguyệt sờ vào là hỏng món sốt vang, hư thịt muối ; thịt muối mà ôi thì khốn nạn cho cả nhà suốt mùa đông, chớ nào phải chuyện vừa !

Lòng lợn, tiết canh, cháo lòng, là những món ăn trong Ngày giết lợn ở Việt Nam. Tục lệ Pháp cũng tương tự. Nội ngày hôm đó phải làm cho xong những thức khó để lâu : món tiết gọi là sanguette. Đầu bếp danh tiếng thời trước Joseph Delteil viết giấy trắng mực đen : “ Bọn làm sang chê món sanguette, chú đối với tôi món ấy ngon chẳng khác cam lồ ”, và Alain Chapel đầu bếp đương thời thì cho rằng “ Đó là món ăn của bậc vương giả ”. Rồi món boudin, dồi huyết, khi trộn với củ hành tây thì gọi là gogues aux oignons ở Auvergne. Có pha táo và lê gọi là fricot ở vùng Savoie. Nước luộc dồi đem làm món súp, vùng Périgord gọi là jimboura.

Có nơi cũng có lệ nấu ăn ngay trong bữa đầu miếng thịt ngon nhất trong con lợn : món thịt thăn quay gọi là triballe ở vùng Sologne.

Ngày đám, ta có những món cỗ bàn cổ truyền. Trong Nam thường là thịt phay, giò heo hầm măng, thịt kho, nem... Những món ở đồng bằng sông Hồng, Ngô tất Tố đã liệt kê trong *Cuộc thi giết lợn* :

“ Không biết họ đã cạo lông lúc nào, cái mông con lợn của họ đang khiêng đã trắng phôm phốp cả rồi.

Trong sân nhà quan đám đã kê sẵn một tấm phản ngựa, dao, thớt, rổ, rá, bát, đĩa, nôi, chậu la liệt bày khắp chung quanh.

Con lợn sau khi bị khiêng qua cổng, liền được đặt huych vào phản.

Người ta làm việc đúng như nhà thương mổ xẻ người bệnh. Một người khoét miếng thịt mông đã cạo lông rồi quăng ra cái rổ. Hai ba người khác pha miếng mông ấy làm hai mảnh và lọc lấy thịt nạc thái ra. Rồi lại hai ba người nữa bỏ những thịt ấy vào cối mà giã. Một người cứ múc nước sôi đổ vào mình lợn. Hai ba người khác cạo lông. Giữa lúc người này cầm cái sỏ lợn đem luộc, thì người nữa cũng rạch bụng lợn moi lấy lòng gan đem rửa.

Hoạt động chưa đầy một giờ đồng hồ họ đã làm xong mâm cỗ lớn đủ cả giò, nem, ninh, mọc, lục phủ ngũ tạng con lợn và đệ ra đình cúng thần.

Mọi người hí hửng cười ran.

– Chắc là cỗ của nhà ta được giải nhất ”

Khác với ngày đám cả con lợn ăn hết vèo trong nội nhật, vào dịp Tết, thịt lợn đem làm những món để được dăm bữa nửa tháng : miền Bắc là bánh chưng, thịt đông, kho tàu, còn trong Nam thì bánh tét, thịt kho nước dừa ...

Ở Pháp, những hôm sau ngày giết lợn, cả nhà nhện lên chế biến những thức dùng cho cả mùa đông.

Mỡ trắng cắt vào hũ ; tốp mỡ gọi là rillons ở vùng Touraine, grillons ở Bourgogne, griaudes ở Morvan. Các cô các bà miền Nam có thói nhấm nháp tốp mỡ ngào đường. Vùng Morvan, xưa đem tốp mỡ làm bánh gâche aux griaudes ; ngày nay vẫn có tục rắc tốp mỡ vào bánh galette, bánh brioche.

Pháp không làm thịt chà bông, gọi là ruốc ở miền Bắc. Họ có món rillettes, mà người Canada vùng Québec gọi là crêtons : nấu âm ỷ thật lâu những miếng thịt béo thái nhỏ, cho đến khi thịt tới thành sợi, ngâm trong mỡ chảy ra.

Phần lớn con lợn đem ướp. Làm ra nào là các loại xúc xích, pa tê, đôi ruột (andouilles), nào các loại thịt muối. Cả tảng thịt ba chỉ muối làm lard. Quý nhất là bắp đùi làm jambon, muối hoặc sấy khói. Vào thăm nông trại cổ, ta thường thấy cái bể chứa thịt muối (saloir) xưa, bằng đá tảng chắc nịch, đặt ở một góc nhà không bao giờ xa tầm con mắt của chủ nhân ông. Những vùng ưa thịt sấy thì treo lủng lẳng đùi lợn trên lò sưởi. Vùng Franche Comté, lò sưởi to gọi là tué, riêng dùng để sấy thịt. Còn vùng Auvergne, đùi heo treo ngay trên chỗ ngồi sưởi – tiếng địa phương gọi là cantou – khói gỗ thông ngày đêm âm ỷ cháy, hun đượm cho jambon một hương vị đặc biệt. Đầu xuân, ngày lễ Phục sinh (Pâques), cái jambon, thường là bên phải, được trình trọng đem ra ngâm trong giếng cho nhả bớt muối mặn, làm ra bữa tiệc thịnh soạn vào dịp đó.

Ấy thế, trong con lợn có những miếng thịt được trân trọng hơn miếng khác. Ta thấy rõ thứ tự này trong phần biểu. Việt Nam thì cái thủ nhất định là hàng đầu rồi. Theo lệ, khi tế bằng lợn, cái sỏ phải biểu cụ *chuông lễ*.

Khoanh cổ, gọi là cái lăm lợn hay là cổ nọng, cũng chẳng vừa. Phải là vai về thế nào mới được “ ăn phần cổ nọng ”. Nhiều nơi, sau buổi tế thần, cổ lợn cắt ra làm hai khoanh, một biểu ông *chủ tế*, một phần ông *tả vãn*.

Người sành ăn, thì chắc chắn chọn cái lăm thay vì cái sỏ. Không đâu khắp trong thân con lợn mỡ đã dòn lại không ngấy bằng cổ nọng. Làm đôi huyết truyền thống xứ Béarn không thể thiếu miếng goula. Chính là cái lăm lợn (goula gốc tiếng latin để chỉ gorge, cổ nọng). Tim, lá lách, phổi và cổ nọng luộc cùng với poireau (tỏi tây), trong khi đó hành băm nhỏ rắc ít lá thym (xạ hương thảo) và persil (mùi tây), phi lên cho thơm. Da lợn thái hạt lựu. Thịt và poireau để cho ráo nước băm chung, gia tứ vị hương (quatre épices) gồm tiêu, nhục đậu khấu (noix muscade), đinh hương và gừng, thêm ớt địa phương Espelette, nhào trộn vào huyết, nhồi thành đôi.

Truyền thống nông thôn Pháp, mỡ lợn bao giờ cũng có miếng biểu xén. Cho hàng xóm mắc bận không đến, cho các vị trọng vọng trong làng, cha xứ, thầy giáo... Vùng Périgord phần biểu ấy gọi là fricocheiro, gọi ý thịt tươi, có khúc anchaud, thịt thăn nòn. Vùng Gascogne, thịt biểu có khoanh cổ nọng, vùng này gọi là gola. Nơi khác, từ ngữ thiên về ý nghĩa quà biểu – vùng Mâcon gọi là cadeau, vùng Rouergue là présent – gồm miếng thịt thăn, khúc đôi huyết, và mỡ để chiên đôi. Nói chung phần biểu nơi nào cũng có đôi huyết mới làm xong và một miếng thịt ngon hạng nhất.

Nói cho cùng, miếng thịt là phần sỏ được của quan hệ giữa người với người.

Xưa, phần thịt biểu là ngôn ngữ ngọt bùi của quan hệ tương thân tương ái giữa những người chung sống trong một cộng đồng nông nghiệp. Đồng thời nó là dấu ấn khẳng định tôn ti trật tự, chỗ đứng, vai vế của mỗi người trong cái xã hội nhỏ nhỏ đó. Chính vì vậy mà miếng thịt mỏng lại cân nặng tất cả sức nặng tượng trưng của nó. Và ta hiểu vì sao ngày trước “ *một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp* ”.

Người nông dân Pháp với Monsieur con lợn của họ có mối liên quan tay đôi, người - thú. Monsieur là của quý bảo đảm cho cả gia đình no ăn suốt mấy tháng trời đông giá.

Ông ý với người nông dân ta, có khác. Quan hệ tay ba : thần làng - ông ý - người. Ông ý, là con vật hy sinh chết thay người để cho cõi người thông với cõi thần bí, mang tính cách thiêng liêng, vừa thuộc cõi người vừa thuộc thần linh. Chính vì thế mà gặp lúc ông ý ể mình, gia chủ đương cai phải sửa lễ ra đình kêu đức thượng đẳng vuốt ve cho ngài.

Vào đám là nghi lễ, định kỳ nhắc nhở củng cố mối giây thiêng liêng gắn bó người làng với nhau, gắn bó cộng đồng với thần làng. Miếng thịt ông ý, người cùng làng chia sẻ với nhau, là hiện thân vật chất cho mối gắn bó thiêng liêng ấy.

Ý nghĩa tượng trưng cho quan hệ xã hội đó đã ăn sâu vào tiềm thức dân tộc. Ngày nay vẫn chưa phai trong tâm thức con cháu những người di dân vào tới đất tận cùng miền Nam đất nước. Sơn Nam ghi trong bút ký **Một mảnh tình riêng**, mới xuất bản năm 1993 : “ *Cách đây vài năm thôi, về quê xứ (Rạch Giá, NT), gặp lúc trong xóm ven rừng có người làm thịt heo, kêu gọi hàng xóm “ ai muốn chia thì chia ”. Chũ chia này rất rộng nghĩa. Anh nọ đi qua, đòi chia một kí lô. Cầm cục thịt anh ta quay mặt đi. Người chủ con heo gọi : “ Trả tiền chó ? Quên hả ? ” Anh nọ nổi giận, trở lại, ném cục thịt trước mặt người chủ trước sự chứng kiến của vài người trong xóm. “ Khinh thường tôi hả ? Cái mạng tôi vậy mà không đủ tiền mua một kí lô thịt à ? Chùng nào cao hứng tôi trả ”. Anh chủ con heo giật mình, chạy theo năn nỉ, tình cờ gặp đứa con anh nọ, khuyên nó cứ đem cục thịt về nhà. “ Vài ngày nữa, tao tới nhà ba mày, tao đem rượu lại để nói chuyện phải quấy với nhau ”.*

Nói chuyện tiền bạc trên miếng thịt heo, người chủ nhận mình có phạm lỗi. Đó là chuyện nơi rừng rú hẻo lánh, lòng người chưa thật quen nổi với cách thức đã phổ biến khắp nơi : một kí lô thịt ba rọi, 25 000 đồng, răng rắc...

Cách thức đơn giản của quan hệ hàng hoá. Máy móc, lạnh lùng nhưng thực sự đã thay thế các mối quan hệ đượm tình người xưa kia phản ánh trong miếng thịt heo.

Thay vào các kiểu quan hệ cổ, xã hội Pháp xây dựng cho đời sống người công dân một hệ thống luật pháp, định chế bảo đảm được quan hệ tương thân tương trợ trong một xã hội công nghiệp. Tầm vóc, tính phức tạp của thể chế ngày nay vượt xa khả năng những quan hệ của một xã hội nhỏ bé nông nghiệp. Nhưng, hệ thống luật pháp phiền phức không khỏi lấn át, làm rơi vãi mất cái nồng ấm tình người với người. Tiềm thức người Pháp vẫn vẫn vương luống tiếc cái tình nghĩa ấm áp thời chưa mấy xa xôi đó. Nhiều khi, bè bạn người ở tỉnh kẻ nông thôn vẫn giữ lệ chung phần nuôi Monsieur con lợn để cho cả mấy gia đình được hưởng cái “ vui ngày mỡ lợn ”...

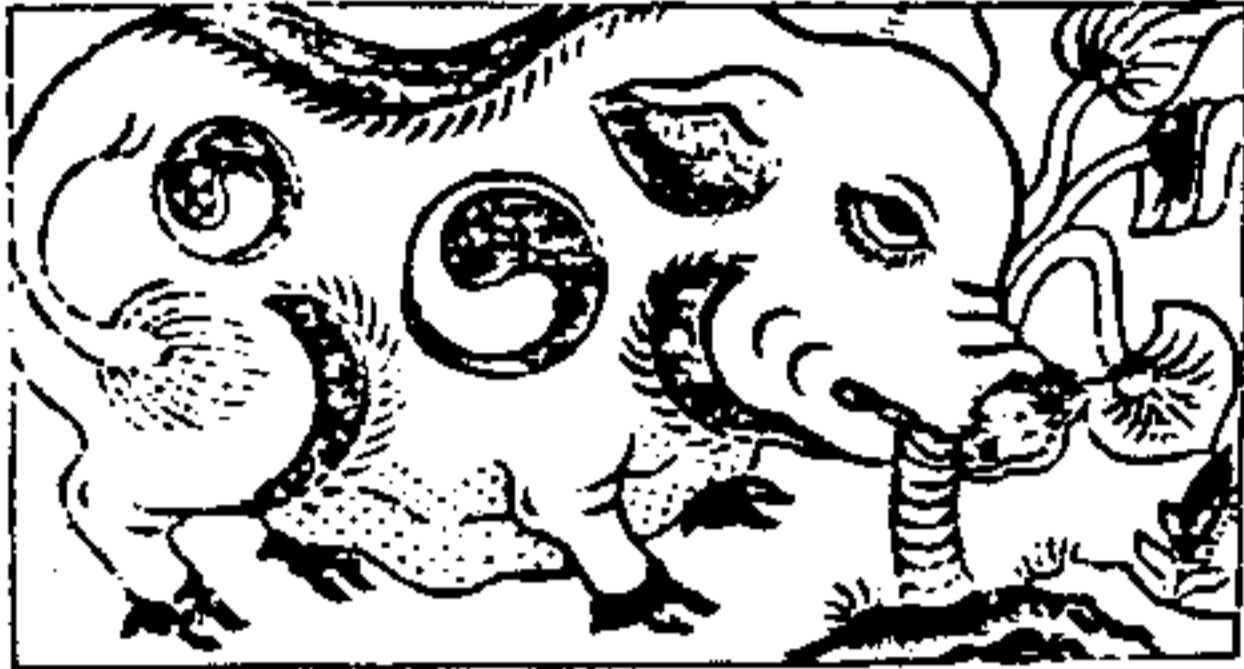
Phần ta, những ấm áp tình người phản ánh xưa kia trên miếng thịt lợn nay đã không còn. Mà thể chế, luật pháp làm nền móng cho quan hệ giúp đỡ lẫn nhau trong cái xã hội đang hình thành còn quá phôi thai.

Làm sao vừa xây dựng nên thể chế hữu hiệu cho tương thân tương trợ trong một xã hội phát triển, vừa giữ được cung cách đối xử đượm tình người ? ...Nhưng đã sa đà, chẳng còn là chuyện miếng thịt heo mất rồi ! Mà là vấn đề của chúng ta.

Nguyễn Thắng (1. 1995)

Con heo và miếng thịt luộc Chợ Đệm

Nguyễn Văn Trấn



L.T.S. Một mối tình dài, bảy tám mươi năm. Tổ tình này, lời lẽ, chữ nghĩa nào cho đang? Vậy mới nảy ra một tác phẩm lạ lùng. Bối cục khác thường. Văn phong như buông thả, thoải mái chẳng giống một ai. Có khi mặn đắng, có lúc chua lôm, hệt như nước sông mùa phèn mùa mặn, thế mà đọc lại cứ lịm vào lòng, chẳng khác gì miếng thịt heo luộc Chợ Đệm. Đã nếm mùi, không sao quên nổi.

Tác giả phân bua, về mối tình Chợ Đệm của mình “Chúng ta chung một tổ quốc, nhưng ai nấy đều có quê hương riêng”. Bác ơi! cần chi mà phải phân bua, khi đem cái vốn một đời hoạt động sôi nổi để ghi lại cuốn phim đời sống Chợ Đệm suốt trên một thế kỷ, đầy chi tiết màu sắc. Thầy, một ông già gần 100 tuổi trò chuyện bên tách trà với một thanh niên đang lú 70. Tuy hai mà một trong tình cảm, trong ước vọng cho nơi mình sinh ra, lớn lên, chiến đấu cùng với bạn bè, ngày nay người còn kẻ đã hy sinh. Chuyện như tầm phào, mà lại chính xác chẳng khác ghi chép dân tộc học, thêm chan hoà mối tình khoẻ mạnh của người thanh niên miền Nam.

Chợ Đệm quê tôi, nxb Văn Nghệ TP Hồ Chí Minh, 515 tr, ra mắt bạn đọc từ 1985, **D Đ** nhiều lần dự định mà chưa giới thiệu được. Trễ còn hơn không, Tết năm Hợi, xin trích tập 11, một trong 21 tập của quyển sách.

Có lẽ cũng nên thêm, “Bảy Trấn” là người cộng sản kỳ cựu, năm 1945 là phó chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Nam bộ, là người tổ chức cuộc họp mở rộng của Xứ uỷ Nam Kỳ tại Chợ Đệm ngày 17.8.1945 định thì giờ khởi nghĩa, chỉ định Ủy ban hành chánh lâm thời Nam Bộ...

Một đời hoạt động, bị huớng trí “tối nghĩa”, nói theo cách tác giả nói phốt qua trong đoạn trích đăng. Với tư tưởng, tính khí lộ ra trong lời văn, thì việc đó chẳng có gì đáng lạ. Lão tướng, mà là lão tướng Huỳnh Trung, năm 1993 đã trên 80 tuổi còn cho ra quyển **Trương Vĩnh Ký** để tặng “Bà con hai tỉnh Vĩnh Long Bến Tre và les Anciens du Lycée Pétrus Ký”.

TÔI – Minh cứ hự hợ. Nói chuyện vựa heo.

THẦY – Ủ thì là Chợ Đệm!

Và nói làm sao nghe như chuyện vựa đường.

Từ trong đám bầu vàng thể ngọc, tách ra. Đi buôn. Vạch một gạch qua phân lịch sử kinh tế.

TÔI – Tài tử làm khách giang hồ. Gió giỡn trắng. Hành vân lưu thủy.

Em ở lại nhà...

“ Một hũ vàng chôn, không bằng cái lồn heo nái ”

Nghe vậy, Thầy có thích không?

THẦY – Chú đã ăn sáng chưa?

Bụng tôi đang nghĩ

Nói miếng thịt heo là nói mức sống của dân.

Như nói thớt thịt ở mỗi chợ là nói tới sự chăn nuôi của dân cư vùng ấy.

Đã vậy, mà còn nói về Chợ Đệm thì sao khỏi nói thịt luộc cháo lòng?

Liên nghe chú mở đầu, nghe mất ngon.

TÔI – Vậy mà ngon, mới ác.

Câu hát đó cũng là lịch sử. Vào đầu buổi, nền kinh tế tự nhiên bị cuốn vào kinh tế hàng hoá, như bị cơn trốt hốt.

Mấy bà... câu hát đó là của đàn bà... mấy bà nhà giàu... có giàu mới có hũ vàng chôn... liền thấy rõ ra cái thể hàng hoá, cái thể mạnh ở con heo.

Tôi nói chuyện quê ta nuôi heo. Thì như Thủ Thừa, Trà Cú. Có khác chi đâu.

Chỉ có là... Tôi nói nghe, hơi kỳ cục.

Thể thao nuôi heo. Và ảo thuật nuôi heo.

THẦY – Kỳ cục thật.

TÔI – Chắc Thầy cho rằng chữ “ thể thao ” này là tôi chế?

Tôi lượm nó trong sách kinh tế học nghiêm chỉnh. Và tôi hiểu như vậy.

Ngày xưa. Ngày tôi vừa lớn chưa khôn. Mấy bà nhà giàu quê ta moi hũ vàng chôn lên, nuôi heo nái.

Nuôi heo nái. Kiếm heo con. Đem heo con cho mấy bà nhà nghèo “ nuôi rē ”.

Một hành tinh. Như bác Ba gái tôi.

Biết mấy vệ tinh. Chị Năm Bằng, bà Hai Lai, bà bóng Vông, chị Ba Cẩm, thím tư Châu, thím Chín Thời, thím Hai Hy... nghĩa là các bà, các chị trong các xóm Tân Kiên.

Nuôi rē là lãnh con heo về nuôi. Tắm, cám, bèo, rau là của người nuôi heo. Nuôi cho heo lớn. Bán nó vào lúc nào? Do chủ heo định. Bán heo, tiền chia “ tứ ” cho chủ, “ lục ” cho người nuôi.

THẦY – Chia “ tứ lục ” là làm phước, để chết mà được nhắm mắt.

Có người còn cho nuôi “ rē bán ”. “ Bán ” là phân nửa. Rē bán là chia đôi.

Nhưng giao heo cho người nuôi rồi, bà chủ heo cũng có từng đợt cho mượn tiền mua cám. Khi bán heo, thì chủ heo lấy tiền ấy lại và có tính lời.

Chia tam, chia tứ gì người nghèo cũng hàm ơn.

Nói theo lời của chú, nuôi heo rē cũng là một kiểu lao động làm thuê.

Muốn có hột cơm ăn, phải chịu cực, chịu khổ. Cơm sôi, lửa tắt, heo kêu.

Có cực khổ quá thì mắng chông, hoặc kêu trời. Chớ có ai đã biết mà than bị bóc lột.

TÔI – Như vậy Thầy đã nói cái thể thao nuôi heo rồi.

Tôi kể cho Thầy nghe thêm một giai thoại. Của Tây. Coi như bổ sung. Vào thế kỷ XIX, ở bên Tây có hai thằng cha

nuôi chung một con heo. Ban đầu chưa có chuyện gì. Con heo nó ú lên lần. Mới sanh ra lộn xộn...

Một trong hai người cho rằng đã đến lúc “thịt” con heo.

Người kia không chịu. Cho rằng con heo còn đang sức lớn bán uống.

Bị không đồng ý hai lần, ba lượt, thằng cha thứ nhứt mới nói.

Thôi thì phân nửa của mày, mày muốn làm gì mày làm. Còn tao. Tao sẽ làm thịt cái phân nửa của tao. Vì tao túng quá.

THẦY – Làm như vậy, thì cái phân nửa kia có còn sống được đâu !

TÔI – Bối vậy cho nên. Tờ báo **Khoa học Pháp** mới có thông báo, đã chế tạo ra được cái máy lạng được mỡ heo mà con heo vẫn còn sống.

Thông báo ấy đã viết vào đâu :

Người nông dân thật thà nhứt cũng biết rằng con heo, đến thời điểm *tâm lý* của nó, nghĩa là đã ú hết cỡ rồi, thì chuột có cắn cả mảng thịt của nó, nó cũng trở trơ.

THẦY – Chém chết cái giai thoại này cũng kết thúc theo kiểu Ba Phi.

TÔI – Cái máy ấy không đem ra dùng được. vì hội **Bảo trợ súc vật** đòi phải gây mê cho heo bị lẻo thịt đúng. Mà thuốc mê, cò-lô-rô-phốt (chloroforme) lại rất mắc tiền.

THẦY – Xạo thiệt !

Mà đó cũng là trong chuyện nuôi heo rã. Lúc nào là lúc bán heo ?

Người chủ heo cứ muốn nuôi lâu. Cho heo đạt tới thời điểm *tâm lý* của nó hử. Làm cho dài cái ngày vay mượn tiền cám của người nuôi heo.

Nếu ép tôi hiểu chữ thể thao nuôi heo, thì tôi mạn phép cải biên câu “ *giàu nuôi chó, khó nuôi heo* ”, ra là “ *nhà giàu làm khó, nhà khó nuôi heo* ”.

Để cho ! cái việc nuôi heo *gia công* bây giờ ngẫm nghĩ.

Còn như “ *ảo thuật nuôi heo* ”. Tôi miên cho chú.

Miệng mồm của chú thì thế nào cũng nói mờ ớ đến kế hoạch *ảo thuật* nuôi heo ở các làng.

Chẳng qua, người khó nuôi heo. Vì sự sống của dân nghèo, mà có cái kế hoạch của anh. Thôi đi.

Chú hãy tiếp cái ý ban đầu của tôi.

TÔI – Số thớt thịt của chợ, nói lên sự phồn vinh của chợ. Phải cái ý đó không ?

Tôi cũng quen nghĩ như vậy.

Ngày xưa, năm 37 - 38. Dịp tôi lên chơi nhà chị Hai Sóc.

Tôi đếm. Chợ Bà Điểm có tám thớt thịt.

Vừa rồi đi thăm Mộc Hoá, tôi có rủ anh Mười Dã bí thơ huyện uỷ đi chợ sáng, uống cà phê. Tôi khen, “ *chợ của Anh thật sung* ”. Vì tôi đã đếm. Mười bốn bàn thịt.

Ngày còn xưa lắm. Chợ Đệm đã có tới sáu vừa heo. Của : Ba Chuẩn, Tư Trai, Hai Y, Bảy Dư, Hai Hoa, Tám Lại.

THẦY – Sau đó lại thêm có vừa của chú Hai Hanh.

TÔI – Mỗi vừa, luôn luôn có mặt đứng chuồng trên dưới hai chục con heo.

Thầy nhắc Hai Hanh. Tôi lấy chuồng heo của chú để làm chúng.

Một hôm chú Hanh uống rượu tối với chúng tôi. Trong đám có Thái Văn Sáu, liệu không còn nhậu nổi nữa, bèn bỏ

chạy trốn phía đằng sau nhà. Chú Hai Hanh bung đèn đi kiểm bắt. Rọi đèn khắp vườn rồi rọi tới chuồng heo. Hươ đèn mấy lượt trên lưng heo. Nhưng vì rượu, nên cặp mắt đã lèm nhèm, chú không thấy ra có người đang bò trốn lẫn trong bầy heo.

Sáu, bảy vừa. Vừa nào cũng có xam bản mua heo, ngày nào cũng theo đường của người đi mua bao, mà rao : ai có heo bán hôn ?

Nhưng Chợ Đệm nổi tiếng về thịt luộc, mà không phải là thiên đàng của heo, nói theo thuật ngữ của Tây, “ *Đồng Tháp Mười là paradis des canards, thiên đàng của vịt* ”.

Vậy thì chung quanh Chợ Đệm heo không đủ bán cho vừa.

Thì vừa phải làm sao ?

Họ đã thấy, ghe heo Trà Cú, Cao Lãnh đã lấy Chợ Đệm làm chỗ dừng ghe, nuôi thúc vài ngày cho heo lợi nghĩnh...

Vừa Chợ Đệm mà mua heo đó thì mua sao lại mấy bà ghe dón ?

A ha ! chào ghe Cần Đước.

Chèo tới Chợ Đệm, đoàn ghe Cần Đước tách đôi. Một tốp tách thẳng ra Ba Cùm, một tốp quẹo Cai Tâm. Ghe Chợ Đệm theo tốp này, đi mua heo tận Đá Biên, Bắc Chiên, Vòng Đế, Sóc Rồ đem về bán ngay lại cho vừa ở Chợ Đệm.

THẦY – Bên này, từ xóm hương lễ Danh chạy xuống Mười Giò, ngó qua bên kia sông, xóm Năm Hào, Sáu Học, hai vợ chồng Ba Chỉ - Tư Hương, người ta “ ra ” không biết bao nhiêu là ghe heo.

TÔI – Bây giờ nói liền về thớt thịt.

Vừa heo đỡ đầu cho thớt thịt.

Chợ Đệm sớm có sáu, bảy vừa heo. Trừ Hai Hanh ra, chủ vừa heo nào cũng cho con, cháu mình ra “ *đứng thớt* ”.

Chi vậy ?

Nếu nói rằng để bán thịt thì nói làm chi.

Cái này là :

Trong vừa của họ, đã nói rằng lúc nào cũng có nhiều heo. Sao cho khỏi có con vui con buồn. Con heo nằm buồn, ngôn ngữ ta gọi là heo “ *lơ* ”. Nó thấy cám nó lơ, mà lại còn ra dáng suy nghĩ.

THẦY – Lí lặc nữa !

TÔI – Để lưu ý rằng con vật cũng có tư duy.

Nhưng mấy tay chủ vừa thì không cho heo suy nghĩ. Thấy heo đã dượt thì họ “ *thịt* ” liền, chớ không đợi heo chết rồi đem liêng xuống sông.

Cho nên Hai Y đã cho con là Sáu Cẩm, cho cháu là Ba Luông ra hai thớt thịt và một lò quay.

THẦY – Vừa heo dựa thớt thịt. Đó cũng là một kinh nghiệm hay. Nói tiếp đi. Sao lại ra chiều suy nghĩ ?

TÔI – Vừa ở Hà Nội về tôi đã kết bạn với ông Thuận Phong Ngô Văn Phát. Thương nhớ ông quá. Ông vừa mới chết.

Ông biết tôi là người Chợ Đệm, nên trong buổi chuyện trò, ông nói : phải người Chợ Đệm nói về thịt luộc Chợ Đệm thì nghe mới sướng.

Nghe ra thì đó là ông xúi tôi.

Với người bạn mới, là người có tiếng văn chương ngay lúc đó tôi đã nói lại liền, cũng là để tỏ ra ta đây là này nọ. Tôi nói Vôn-te có viết một truyện triết lý tựa là **Mi-crô-mê-gas**. Để chế nhạo những “ *ý niệm bẩm sinh* ” của triết gia Ê-các, ông “ *te-te* ” ấy đã cho một nhân vật nói :

– Tại sao anh để cho linh hồn của anh đã hết sức thông minh từ trong bụng mẹ lại hoá ra ngu đần đến thế, khi anh có râu dài ở cằm ?

Ông bạn Phát quả thật thông minh. Ông nói cắt ngang.

– Tôi đã từng cười thầm cái người đem vốn văn chương của mình để tả một tô phở tái. Nhưng ai dám cười người tả miếng thịt lợn luộc trong tỏ tình đối với quê hương.

THẦY – Lý, tình đã đủ.

Cho chú nói về thịt luộc Chợ Đệm ?

Đối với sử gia, “ không nói thêm nói bớt ” là điều ít thấy đó nha.

TÔI – Này ! Mạnh ai nấy nghe.

Nước biển Đông chảy vào Sài Gòn với 300 mét khối-giây lùa nước mặn xuống Chợ Đệm, qua khỏi Bến Lức.

Dân nghèo vùng ta, quanh năm khổ vì nước, như đã nói rồi.

Mùa nắng nước mặn.

Mùa mưa, mưa xuống ruộng, mưa xuống sông. Nước ruộng thông với nước sông, pha loãng thành một thứ nước “ chè hai ”⁽¹⁾ lờ lợ.

Vừa tưởng có thể mức nước đó để nấu ăn, thì chớp biển mưa nguồn, trời mưa khỉa khỉa. Nước sông Mêkong ngập lảng Tháp Mười. Hai cánh tay Vàm Cỏ, đưa nước phèn chua về Chợ Đệm.

Sông Chợ Đệm hoá trong xanh, leo lẻo, thấy cá lội.

Nước sông hai mùa, mặn thì mặn đắng, chua thì chua lảnh, chua lè, chua lòm.

Như vậy làm sao, như người viễn phương nói, lấy nước đó mà luộc thịt, nên thịt luộc Chợ Đệm hiển danh.

Xin Thầy gặt đầu cho tôi một cái lấy hên.

THẦY – Gặt mấy cái cũng được.

Vậy thì nhờ đâu mà thịt luộc Chợ Đệm nổi tiếng ?

TÔI – Nó ngon là ở và tại bốn điều.

THẦY – Nghe như chiếc xe lửa, kéo bốn chục toa, đã “ xúp lè ”.

Thương Thầy lắm, chớ không tôi còn nói tới, bảy tám điều.

THẦY – Nào. Tôi quận tôi nhắc. Một là ?

TÔI – Một là miếng thịt luộc ngon của Chợ Đệm không phải là của con heo nuôi tại Chợ Đệm.

Thầy đọc tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Chánh Sắc ắt đã thấy nói đến những con heo được đặt tên.

Tôi không nói ra đây sợ trùng tên với người.

Bác Ba gái tôi đã bán con quẩn... cho vợ của Tư Trai rồi mà ngày nào đi chợ, bác cũng tạt qua đó thăm heo. Thấy nó còn nằm đó, bác gọi con... con. Nó mở mắt ra. Bác liệng cho nó một cái bánh bò...

Mấy bà nhà giàu quê ta đích thân nuôi heo, để cho nuôi rē, là nuôi heo nái, giống lớn. Họ nói rằng khi con heo nặng trên 80 ki lô thì nó ăn ít, chỉ nằm cho “ phát mỡ ”. Có con nằm như vậy, chuột khoét háng nó, nó cũng chẳng hay.

Con heo ấy nặng trên tạ, mới kêu bán cho vợ. Vợ ở Chợ Đệm đem bán lại cho vợ ở Xóm Củi, xuất cảng.

Vậy là con heo Chợ Đệm là heo “ mỡ cao ”. Thịt luộc mà ngon thì phải là của con heo “ mỡ thấp ”.

THẦY – Anh nó học mấy tiếng đó ở đâu vậy ?

TÔI – Học của mấy người cạo heo ở Chợ Đệm.

Ngày xưa báo chữ Tây ở Sài Gòn đã nói Chợ Đệm là nơi sành ăn (Chợ Đệm – milieu des gourmets). Thằng thống đốc Pagès, muốn tỏ ra là một tay thực dân đáo để, đã cho ghi trong “ mủ ni ” (menu, chú thích của người đánh máy) một bữa tiệc lớn của nó, món “ cochon de lait de Chợ Đệm rôti ” – heo sữa quay của Chợ Đệm.

Nó loè người ta.

Chợ Đệm làm gì có heo sữa đem bán !

Từ hồi nhỏ, tôi đã thấy heo con gánh từ Vĩnh Lộc, Hóc Môn xuống ta mà bán.

Thầy gặt đầu cho tôi một cái nữa đi.

THẦY – Ủa, không nhẽ.

TÔI – Tôi nói về con heo “ mỡ thấp ”. Thịt của nó luộc ăn mới mê. Thịt luộc Chợ Đệm là thịt của con heo mua ở Đá Biên, Bắc Chiên, Bắc Chang, Vồng Đế, Thổ Địa, Sóc Rồ... vùng Đông Bắc Tháp Mười. Của Long An ngày nay.

Từ Trà Cú lên tới Sóc Rồ, đời này qua đời nọ, người ta nuôi heo không có “ kế hoạch ” gì hết, mà rất nhiều. Nói tiếng “ sốc ” (mà chúng ta nói dốt), thì biết dân cư ở đó phần đông là ai rồi. Đồng bào Khơ-me và người Việt ở đó nuôi một giống heo, không biết tên la-tinh của nó là gì, còn tên ta gọi thì nói ra sẽ coi là kỳ thị dân tộc.

Hãy cho phép tôi gọi nó là con “ heo chạy ”.

Tôi cắt nghĩa.

Trong phong trào Mặt trận bình dân tôi cũng thường theo ghe heo của Cù Đê, Sáu Ngõ, Một Tiều lên vùng ấy thăm dựng tôi, ông hương trưởng Trụ, cha của Giáo Tiếp, Sáu Nhâm, thăm người em bạn dì của tôi, xuôi gia của Thầy, là Năm Quán, cha của Tám Bình.

Có lần tôi ở nhà của dựng hương trưởng...

Tôi nghe “ quan lớn đòi ”, tôi vừa “ lấy giấy ” thì đứa cháu nhỏ trong nhà chỉ cho tôi cây gậy, dựng sẵn ở góc bếp. Nó cười. Tôi không biết nó cười gì. Vậy mà con heo trong nhà, nó đã hiểu trước tôi. Tôi cầm gậy, đi ra gò. Mấy con heo tỏ ra phấn khởi. Tuy là đi theo cây gậy, chúng cũng ngoắt ngoắt cái đuôi, ịch ịch đi bén gót tôi.

Khi ngồi xuống miếng “ đất lự ” nói theo từ ngữ của kinh thánh tôi mới hiểu ra. Cái gậy là để hươ heo.

“ Heo chạy ” là con heo đó. Nó chạy kiếm ăn.

Ở Đồng Tháp Mười, mùa mưa nước ngập. Đồng bào ở giữa đồng cất nhà ở những chỗ cao, gọi là vồng, như là Vồng Đế...

Mùa nắng thì đồng khô cỏ cháy. Vậy mà vẫn còn những trũng, những trấp – như trấp Rừng Rình – có nước đọng cho trâu bò uống mãn mùa.

Trên Đồng Tháp Mười, trong cỏ có bàng, đế, lác, năn...

Heo giống nhỏ, khó kêu tên ấy, mình nó thon thon, cẳng cao cao, nuôi ở vùng ấy, nó chạy ra đồng, uống nước trời mưa đọng vũng và đào ủi củ năn, củ cỏ ăn thêm.

Thầy cười à ?

Có cười, thì xin cười cái cách nói nghe cho thông thái này.

Con heo chạy đó là yếu tố cơ bản thứ nhất quyết định miếng thịt luộc Chợ Đệm ngon, giòn.

THẦY – Tôi cười chú đã nói chuyện thịt luộc Chợ Đệm như chuyện cổ tích để dụ tôi.

TÔI – Đầu phải là vì thịt luộc.

Mà vì kế hoạch chăn nuôi.

(1) Chè hai : nước ngọt từ nguồn đổ xuống pha với nước mặn từ biển đổ lên thành nước lợ gọi là chè hai.

Thầy cứ yên tâm mà uống nước để tôi lại nhắc tới người bạn rất thân của tôi. Anh Lương Định Cửa. A ! anh cũng là đồng hương Sóc Trăng với ông Ngô Văn Phát.

Không nhớ ngày nào, anh Bùi Kin, bí thư tỉnh uỷ Hoà Bình, nhờ tôi mời nhà bác học Lương Định Cửa lên chơi.

Hôm ấy anh Cửa góp ý kiến với tỉnh uỷ về chuyện trồng cây dâu dổi. Đứng trên dổi mà thuyết pháp. Nói tạm xong. Thích cảnh sanh tình, anh lại còn nói rằng, góp một ý kiến về cách “ nuôi heo chuồng nhỏ ”.

Một tối chúng tôi đứng trên triền núi nghe anh.

“ Đất Hoà Bình. Rừng, núi.

Ta có thể nuôi heo với chuồng nhỏ như vậy.

Ở rìa chân núi ta cất nhiều chuồng nhỏ. Mỗi chuồng thả ít chục con heo.

Chuồng của ta đây là một cái gai nhỏ. Rừng núi thừa cây lá, dễ làm. Cất nó rất ít tốn kém. Miễn là có mái cho heo dụt mưa, có lá ủ cho heo không bị lạnh.

Gai này cách gai kia xa xa. Giữa khoảng cách, ta rào ngăn. Chừa mặt lên rừng cho heo tự do đi đào ủi củ mài, củ sắn mà ăn. Chừa mặt suối cho heo đi tắm và uống nước.

Tất nhiên là ta cũng có cất trại, cất lán, cho một số anh em nấu cái gì đó cho heo ăn, có bữa ”.

Và với văn-phong-cách của người Nam bộ, anh Cửa nói với anh Kin và cùng cười :

“ Đồng chí sẽ thấy, trong sự tự do kết hôn, mấy chú heo dục rừng sẽ làm cho số “ đầu heo ” của đồng chí vượt kế hoạch. Cũng không thể không biết rằng, xét về mặt kinh tế thì con heo rừng lai, nặng cân xương vai... nhưng nó doi doi bốn năm chục kí, thịt ngon lắm, dễ bán ”.

Mấy ngày đầu giải phóng tôi về ngôi tiệm nước ở Chợ Đệm có nghe anh Năm Muôn nói, trong hồi kháng chiến chống Mỹ, quân tiếp liệu của anh Ba Cà đã nuôi lán ở vùng giáp giới với Campuchia một bầy heo có tới mấy ngàn con.

Nếu với lỗ tai từng nghe báo cáo, “ bỏ bảy còn ba ” thì số heo đó cũng là nhiều. Nuôi cũng dễ.

Câu chuyện đó xác minh “ ý kiến nhỏ ” của anh Lương Định Cửa.

Ai sưu tập câu ca kháng chiến thì hãy ghi câu hát này mà tôi đã được nghe.

“ Lính ai chó lính Ba Cà

Nếu không lác ụt, cũng là lang ben ”.

Đó là những người lính chặn nuôi heo thả lán cho chúng đi ăn củ năn, củ cỏ và uống nước trấp Rừng Rình.

THẦY – Chuyện này thì tôi không biết làm sao mà gặt đầu cho chú. Hay là chú nhắn hỏi ông bí thư huyện uỷ mộc Hoá của chú, coi coi, có phải mười mấy thớt thịt của chợ ông thì phần lớn là thịt của mấy con heo chạy, mà đồng bào “ hai họ ” ở giáp giới đã “ chạy ” cho ông không.

Còn thì ! Chú hãy nói luôn coi cơ bản là heo, sau đó “ ở tại ” cái gì nữa mà miếng thịt luộc Chợ Đệm ngon.

TÔI – Không lẽ “ người đồng loại ” nỡ cười tôi, bị một chữ “ hưu trí ” tối nghĩa làm cho mặt mũi tối sầm, hết chuyện nói rồi sao mà ví von về thịt luộc.

“ Đã sanh làm phận con tầm

Không vương tơ nữa, cũng nằm trong tơ ”

Mà Luộc là gì ?

Tự điển trả lời đồ ẹt, “ luộc là nấu với nước lã cho chín ”.

Nước lã của sông Chợ Đệm thì không thể lấy mà luộc thịt.

Thịt của con heo nuôi tại Chợ Đệm thì luộc ăn cũng không ngon.

Phải là thịt của con heo chạy, nặng ngấm nghe 35 - 40 kí lô.

Người bán thịt ở Chợ Đệm luộc thịt con heo đó như vậy.

“ Làm ” một con heo, họ “ ra thịt ” và lấy tới hai phần ba mà luộc. Có luộc nhiều như vậy miếng thịt mới rút nhiều nước ngọt của chính nó mà ngọt.

Họ cắt thịt ra thành những khối lớn. Họ đặt những khối thịt ấy, nằm sấp trong một cái nồi bung. Và đổ nước đầy.

Đậy nắp bung lại. Chụm lửa hoá - hào⁽²⁾.

Nghe kỹ lại nha ! Đặt miếng thịt nằm sấp, là nằm đưa da lên. Muốn biết tại sao như vậy thì xin nghe mấy bà mẹ đã dạy con gái : “ khô lóc nướng da, khô tra (thì) nướng (bề) nạc (trước) ”.

Bung là nồi đồng chó không phải là “ trã ” đất. Đổ ngập nước và cho lửa lớn.

Thầy nghe coi, tôi cũng có một ít văn chương gia chánh chó.

Liệu...

A ! Lấy gì mà lường chữ “ liệu ” ? Đó là của nhà nghề.

Liệu miếng thịt vừa chín tới, người ta dùng móc sắt móc thịt ra và bỏ liền vào một chậu nước lã đã chuẩn bị sẵn : có đánh phèn (với một số liều lượng nào, chỉ có người được trước bày, nay làm, mới liều liều được).

Và, dạ thưa, nước lã trong bung và nước lã trong chậu đều là nước trời mưa (sau này có nước phong-ten chở từ Chợ Lớn) chó không phải là nước phèn múc dưới sông Chợ Đệm.

Bỏ những khối thịt vào chậu nước lã có đánh phèn rồi lấy mê, đậy kín lại ngay.

Miếng thịt luộc vừa chín tới, đột ngột bị hãm nhốt trong nước lạnh thì nó “ nín ” liền, mà vừa giữ được nước ngọt vừa có màu sắc “ lòng đào ”.

Miếng thịt ấy bị lạnh nên co rút lại, và đã co hết mức rồi trong cái khối rất lớn của nó. Vậy nên, miếng thịt luộc Chợ Đệm khi xắt mỏng ra, dù thật mỏng để dán con mắt được, nó cũng không co queo, cuốn kèn nữa.

Khi ngoài chợ đã inh ỏi tiếng người thì anh hàng thịt gánh thịt ra. Treo miếng thịt lên. Treo cho nó không hôi thối. Miếng thịt luộc vừa được giải phóng ra khỏi nước lạnh, liền bốc khói nghi ngút, trông thấy bắt thèm.

Miếng thịt ấy xắt ra bán từng “ tiền xu ” (hai xu, chú thích của người đánh máy) “ năm chiêm ” (năm xu, Việt Nam tự điển của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ, nxb Khai Trí Sài Gòn 1970, cho biết một thời có “ đồng năm chiêm ” lưu hành) cho người đi tiệm nước bổ sung cho tô hủ tiếu của Sáu Thạch, hay ăn với xôi nghệ của chị Tư Thìn thì... nếu bây giờ còn có mà ăn như vậy thì tôi vừa ăn vừa hát “ quan họ Bắc Ninh ”.

Bạn Thuần Phong ơi, ở dưới tuổi vàng bạn có nghe tôi đáp lại chữ “ sương ” của Anh không ?

THẦY – Chú có tội với vong linh bạn chú... đang thèm thịt luộc Chợ Đệm.

Thịt luộc ấy của Chợ Đệm ngày nay đâu còn mà nói nữa.

Nhưng có gì mà tiếc ! Miễn có thịt mà luộc. Đâu cứ gì, phải là thịt luộc Chợ Đệm mới ngon.

Nguyễn Văn Trấn

(2) Chụm lửa hoá - hào : chụm lửa cao ngọn.

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự, những vấn đề

5 Sở tay Phong Quang

6 Tin tức và đọc báo trong nước

16 Về một cái bóng ma của Mác Lữ Phương

Hồ sơ

20 Đối hay Thoại ?
(Thư của Tiêu Dao Bảo Cự và Phan Đình Diệu)

23 Lời chúc đầu năm

nói chuyện với Cao Huy Thuần

26 Ngoại thương Việt Nam Lê Anh Tú Packard

Văn hoá, Nghệ thuật, Khoa học

12 Một người bạn hiếm Trần Đạo

13 Tưởng nhớ nhà văn Phùng Quán
(1932-1995) Văn Xương

28 Quê Nguyễn Lộc

30 Dải yếm trong văn học Đặng Tiến

38 Hai người đàn bà xóm Trại Nguyễn Quang Thiều

42 Văn hoá và thị trường Bùi Mộng Hùng

46 Khu phố cổ Hà Nội Văn Ngọc

Tết

49 Cùng là miếng thịt heo Nguyễn Thắng

52 Thịt heo luộc Chợ Đệm Nguyễn Văn Trấn

Thơ : Thuý Trúc dịch Ana Blandiana (35)

Diễm Châu dịch Yannis Ritsos (36, 37)

Hoàng Cầm (33, 34)

Bìa : họa sĩ Trịnh Cung



Ngoại thương (tiếp theo trang 27)

cơ quan làm báo cáo đều ước lượng thấp cả trị giá xuất khẩu và nhập khẩu. Bảng 2a cho thấy những khác biệt của các báo cáo về mậu dịch song phương giữa Việt Nam và Nhật Bản. VIAS cho rằng con số lớn hơn trong báo cáo của cả hai bên là gần sự thật hơn, vì xu hướng hạ thấp số liệu (để trốn thuế) mạnh hơn là ngược lại. Như chờ đợi, những ước lượng thấp rõ rệt nhất bao gồm hàng nhập từ những nước là nguồn cung cấp hàng tiêu dùng chính cho Việt Nam : Nhật, Đài Loan, Hồng Kông, Trung Quốc và Pháp (xem Bảng 3). Vì tính phức tạp của luật thuế quan và những quy định khác trong thương nghiệp, và vì tỷ suất thuế rất cao đánh vào những hàng tiêu dùng nhập cảng (trang bị cơ bản và vật tư dùng trong sản xuất hàng xuất cảng được miễn thuế nhập khẩu), những nhà buôn Việt Nam có động cơ lớn để khai báo dưới sự thực trị giá hàng tiêu dùng nhập cảng và dùng tới nhiều phương cách khác để tránh đóng thuế nhập khẩu.

Trong trao đổi song phương với Đức, phía Việt Nam cũng ước lượng trị giá hàng xuất thấp hơn thực tế nhiều. Trong năm 1992, trị giá hàng hoá Việt Nam mà hải quan Việt Nam ghi là xuất sang Đức chỉ bằng 16 % trị giá mà hải quan Đức ghi trong cột hàng nhập từ Việt Nam. Năm 1993, con số này là 19 %. Những khác biệt này soi sáng nhiều điều về những hoạt động kinh doanh của cộng đồng người Việt ở Đức, những liên hệ của họ với Việt Nam và tiềm năng phát triển

thương mại giữa hai nước.

Những số liệu thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc làm bộc lộ nhiều điểm. Trước hết, sự phát triển nhanh của các trao đổi này là một dấu hiệu về sự phụ thuộc hỗ tương ngày càng tăng của kinh tế hai nước, và có những hệ luận quan trọng đối với nhiều khía cạnh của quan hệ thường khó khăn của Việt Nam đối với Trung Quốc. Thứ hai, sự phát triển của những liên hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc, Đài Loan và Hồng Kông cũng báo hiệu sự hội nhập ngày càng tăng lên của Việt Nam vào một trong những khối mạnh và năng động nhất trong nền thương mại toàn cầu : khối các nước được gọi là vùng kinh tế Trung Hoa. Thứ ba, xu hướng của cả hai nước ước lượng thấp trị giá hàng xuất của mình sang nước kia gợi ý rằng hai nước đang chịu những sức kéo tương tự, một điều không có gì ngạc nhiên vì cả hai có nhiều điểm tương đồng đối với thách đố của việc chuyển sang nền kinh tế thị trường.

Chú thích cho toàn bài : (1) Bài viết cho tạp chí Vietnam Business Journal, VIAS giữ bản quyền. (Copyright 1994 The Vietnam Investment Advisory Service. All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, or otherwise, without the prior permission of the Vietnam Investment Advisory Service)

Lê Anh Tú Packard